

《明心寶鑒》

" Minh Tâm Bửu Giám "

[明] 范立本 輯 (1393)

目錄 Mục lục

1. 明心寶鑒 序 Minh Tâm Bửu Giám Tự
2. 重刊 明心寶鑒 序 Trùng san Minh Tâm Bửu Giám Tự
3. 二十篇 Nhị thập thiên
 - ◆ 繼善 第一 (47 條) Ké Thiện đệ nhất (47 điều)
 - ◆ 天理 第二 (19 條) Thiên Lý đệ nhị (19 điều)
 - ◆ 順命 第三 (16 條) Thuận Mệnh đệ tam (16 điều)
 - ◆ 孝行 第四 (19 條) Hiếu Hạnh đệ tứ (19 điều)
 - ◆ 正己 第五 (117 條) Chánh Kỳ đệ ngũ (117 điều)
 - ◆ 安分 第六 (18 條) An Phận đệ lục (18 điều)
 - ◆ 存心 第七 (83 條) Tồn Tâm đệ thất (83 điều)
 - ◆ 戒性 第八 (15 條) Giới Tính đệ bát (15 điều)
 - ◆ 勸學 第九 (23 條) Khuyến Học đệ cửu (23 điều)
 - ◆ 訓子 第十 (17 條) Huấn Tử đệ thập (17 điều)
 - ◆ 省心 第十一 (250 條) Tỉnh Tâm đệ thập nhất (250 điều)
 - ◆ 立教 第十二 (17 條) Lập Giáo đệ thập nhị (17 điều)
 - ◆ 治政 第十三 (22 條) Trị Chánh đệ thập tam (22 điều)
 - ◆ 治家 第十四 (16 條) Trị Gia đệ thập tứ (16 điều)
 - ◆ 安義 第十五 (5 條) An Nghĩa đệ thập ngũ (5 điều)
 - ◆ 遵禮 第十六 (21 條) Tuân Lễ đệ thập lục (21 điều)
 - ◆ 存信 第十七 (7 條) Tồn Tín thiên đệ thập thất (7 điều)
 - ◆ 言語 第十八 (25 條) Ngôn Ngữ đệ thập bát (25 điều)
 - ◆ 交友 第十九 (24 條) Giao Hữu đệ thập cửu (24 điều)
 - ◆ 婦行 第二十 (8 條) Phụ Hạnh đệ thập (8 điều)

4. Tân khắc 《新刻前賢切要明心寶鑒》
" Tân Khắc Tiền Hiền Thiết Yếu Minh Tâm Bửu Giám "
5. Phụ Khảo

1

《明心寶鑒》序 "Minh Tâm Bửu Giám" Tự

夫為人在世生居中國稟三才之德為萬物之
鵠感天地覆載日月照臨水土父母生身聖賢
垂教而從教者達道為先非博學無以廣知不
明心無以見性雖有生而知之者近者奇稀昔
夏禹王聞善言猶然下拜何況凡世人乎

Phù vi nhơn tại thế , sanh cư Trung quốc , bảm tam tài chi đức , vi vạn vật chi linh , cảm thiên địa phúc tái , nhứt nguyệt chiếu lâm¹ thủy thổ . Phụ mẫu sanh thân , thánh hiền thùy giáo . Nhi tùng giáo giả , đạt đạo vi tiên . Phi bác học vô dĩ quảng tri , bất minh tâm vô dĩ kiến tính . Tuy hữu sinh nhi tri chi giả , cận giả² Ki hi . Tích Hạ Vũ Vương văn thiện ngôn , do nhiên hạ bái , hà hưởng phàm thế nhơn hồ ?

¹ 皇王, 西班牙高母羨 (Juan Cobo) 1592 年 譯本 [Beng Sim Po Cam ; Espejo rico del claro corazón, 以下簡稱“高譯本”] 作“皇上”. Hoàng Vương , Tây Ban Nha Cao Mẫu Tiện [Juan Cobo] 1592 niên dịch bản [Beng Sim Po Cam ; Espejo rico del claro corazón , dĩ hạ giản xưng " Cao Dịch Bản "] tác " Hoàng Thượng " .

² 近者, 高譯本作“近世”. cận giả , Cao Dịch Bản tác " cận thế " .

曩古聖賢遺誌經書千言萬語只要教人為善
所以立仁義禮智信之法分君子小人之品別

賢愚之階辨善惡之異蓋為經書嘉言善行甚多所以今人覽觀習行者少況今學者不過學其文藝為先未有先學德行為本及今勸世多勸修物外之善因少勸為當行之善事其昔賢文等書亦乃於世流傳

Năng cổ thánh hiền di chí kinh thư , thiên ngôn vạn ngữ chỉ yếu³ Giáo nhưn vi thiện . Sở dĩ lập nhưn nghĩa lễ trí tín chi pháp , phân quân tử tiểu nhưn chi phẩm , biệt hiền ngu chi giai , biện thiện ác chi dị . Cái vi kinh thư gia ngôn thiện hành thậm đa , sở dĩ kim nhưn lâm quan tập hành giả thiếu . Huống kim học giả , bất quá học kỳ văn nghệ vi tiên , vị hữu tiên học đức hạnh vi bản . Cập kim khuyến thế , đa khuyến tu vật ngoại chi thiện nhưn , thiếu khuyến vi đương hành chi thiện sự . Kỳ tích hiền văn đẳng thư , diệc nãi ư thế lưu truyền .

³ 只要, 高譯本作“只欲”. chỉ yếu , Cao Dịch Bản tác " chỉ dục " .

今之好聽善言君子觀以為奇罔知古今之要語是以使人迷惑其心少欲聞聖賢日用常行之要道以致不肯存心守分強為亂作胡行夫為善惡禍福報應昭然富貴貧賤成敗興衰似夢時刻須防不測朝夕如履薄冰常存一念中平非橫
自然永息存於其心自然言行相顧貫串無疑所為焉從差誤矣

洪武二十六年歲次癸酉二月既望武林

後學范立本序

Kim chi hiểu thánh thiện ngôn , quân tử quan dĩ vi kì , võng tri cổ kim chi yếu ngữ , thị dĩ sử nhưn mê hoặc kỳ tâm , thiếu dục văn thánh hiền nhứt dụng thường hành chi yếu đạo . Dĩ trí bất khẳng tồn tâm thủ phân , cường vi loạn tác hồ hành . Phù vi thiện ác , họa phúc báo ứng chiêu nhiên . Phú quý bần tiện , thành bại hưng suy tự mộng , thời khắc tu phòng bất trắc , triêu tịch như lý bạc băng . Thường tồn nhứt niệm trung bình , phi hoành⁴ Tự nhiên vĩnh tức , tồn ư kỳ tâm , tự nhiên ngôn hành tương cố , quán xuyên vô nghi , sở vi yên từng sai ngộ hĩ ?

Hồng Vũ nhị thập lục niên tuế thứ Quý Dậu (1393) nhị nguyệt ký vọng Vũ Lâm⁵
Hậu học Phạm Lập Bản Tự.

⁴ 非橫:高譯本作“飛橫”. phi hoành 非橫 : Cao Dịch Bản tác "phi hoành 飛橫".

⁵ 武林:舊指杭州 Vũ Lâm : cựu chỉ Hàng Châu.

重刊《明心寶鑒》序

Trùng san "Minh Tâm Bửu Giám" Tự

嘗聞鑒能照物而妍媸無或遺也郁離子曰明鑒照膽不啓櫳帘之顏今以鑒名書而有明心之益不謂之寶而何哉雖然鑒有照膽之明而櫳帘之顏尚尤不啓矧能明其心乎嗚呼通是說者可謂知其道矣何也鑒固可以照形而理尚可以明心正湯之盤銘之意有曰湯以人之洗濯之心以去惡如沐浴其身以去垢故銘其盤今書名寶鑒是集群聖之大成萃諸賢之蘊奧其義惟在明善復初窮理盡性而有日新之益其明心得不因此而明焉予平生珍愛是書於侍御之暇朝夕披覽其所喜者字句立意多以忠孝為先但其中文字多舛遂播正拾遺捐俸鋟梓以廣其傳俾人同歸於忠孝之域矣其於世教未必無小補云

大明嘉靖歲次癸丑仲秋上浣之吉

守庵曹玄序

Thường⁶ văn giám năng chiếu vật nhi nghiên xuy vô hoặc di dã . " Úc lý tử⁷ " viết : " Minh giám chiếu đảm , bất khải long liêm chi nhan . " Kim dĩ giám danh thư , nhi hữu minh tâm chi ích , bất vị chi bảo nhi hà tai ? Tuy nhiên giám hữu chiếu đảm chi minh nhi long liêm chi nhan thượng vuu bất khải , thần năng minh kỳ tâm hò ? Ô hô ! Thông thị thuyết giả , khả vị tri kỳ đạo hĩ . Hà dã ?

Giám cố khả dĩ chiếu hình , nhi lý thượng khả dĩ minh tâm , chánh Thang chi bản minh chi ý . Hữu viết : Thang dĩ nhơn chi tảo trạc chi tâm dĩ khứ ác , như mộc dục kỳ thân dĩ khứ cấu , cố minh kỳ bản . Kim thư danh "Bảo Giám" , thị tập quần thánh chi đại thành , tụy chư hiền chi uẩn áo , kỳ nghĩa duy tại minh thiện phục sơ , cùng lý tận tính , nhi hữu nhựt tân chi ích , kỳ minh tâm đắc phủ , nhân thử nhi minh yên . Dư bình sanh trân ái thị thư , ư thị ngự chi hạ , triều tịch phi lâm , kỳ sở hĩ giả , tự cú lập ý , đa dĩ trung hiếu vi tiên . Đãn kỳ Trung văn tự đa suyển , toại bá chánh thập di , quyền bổng tầm tử dĩ quảng kỳ truyện , tỉ nhơn đồng quy vu trung hiếu chi vực hĩ . Kỳ ư thế giáo vị tất vô tiểu bổ vân .

Đại Minh Gia Tĩnh tuế thứ Quý Sửu (1553) trọng thu thượng hoán (10 ngày đầu trong tháng) chi cát ,
Thủ Am Tào Huyền tự.

⁶嘗, 口部, 唐韻, 市羊切, 音常, 曾也.

⁷明劉基作. 文章短小, 多為寓言. Minh Lưu Cơ tác .
Văn chương đoản tiểu , đa vi ngụ ngôn.

附註:

▪ 明心寶鑒舊鐫刻版有三:

初版, 1393 年

重刊, 1553 年

新刻, 1621 年

▪ 士載先生亦鐫刻一版在 SAIGON, 1889 年.

二十篇

繼善篇 第一 凡四十七條

Kê Thiện thiên đệ nhứt phạm tứ thập thất điều

子曰：“為善者，天報之以福；為不善者，天報之以禍。”

Tử viết : " Vi thiện giả , thiên báo chi dĩ phúc ; vi bất thiện giả , thiên báo chi dĩ họa . "

《尚書》云：“作善降之百祥，作不善降之百殃。”

" Thượng Thư " vân : " Tác thiện giáng chi bách tường , tác bất thiện giáng chi bách ương . "

徐神翁曰：“積善逢善，積惡逢惡。仔細思量，天地不錯。善有善報，惡有惡報。若還不報，時辰未到。

《重刊明心寶鑒》1553年版本 [以下簡稱“重刊本”] 中此處另有：尚書云：作善自福生，作惡自災生。福在積善，禍在積惡。”一語。

平生作善天加福，若是愚頑受禍殃。善惡到頭終有報，高飛遠走也難藏。行藏虛實自家知，禍福因由更問誰？善惡到頭終有報，只爭來早與來遲。閒中檢點平生事，靜里思量日所為。常把一心行正道，自然

天地不相虧。”

Từ Thần Ông viết : " Tích thiện phùng thiện , tích ác phùng ác . Từ tế tư lương , thiên địa bất thác . Thiện hữu thiện báo , ác hữu ác báo . Nhược hoàn bất báo , thời thần vị đáo . "

" Trùng san Minh Tâm Bửu Giám "1553 niên bản bản [dĩ hạ giản xưng " trùng san bản "] trung thử xứ lánh hữu " Thượng Thư " vân : ' Tác thiện tự phúc sanh , tác ác tự tai sanh . Phúc tại tích thiện , họa tại tích ác ' . " Nhứt ngữ . "

Bình sanh tác thiện thiên gia phúc , nhược thị ngu ngoan thụ họa ương . Thiện ác đáo đầu chung hữu báo , cao phi viễn tẩu dã nan tàng . Hành tàng hư thật tự gia tri , họa phúc nhân do canh vấn thụ ? Thiện ác đáo đầu chung hữu báo , chỉ tranh lai tảo dữ lai trì . Gian trung kiểm điểm bình sanh sự , tĩnh lý tư lương nhứt sở vi . Thường bả nhứt tâm hành chánh đạo , tự nhiên thiên địa bất tương khuy . "

《易》云：“積善之家必有余慶，積不善之家必有余殃。”

" Dịch " vân : " tích thiện chi gia tất hữu dư khánh , tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương . "

漢昭烈將終敕後主曰：“勿以惡小而為之，勿以善小而不為。”

新刻音釋明心寶鑒正文》[1621年版本，范立本從道謹集，以下簡稱“新刻本”]中，“終”作“崩”
Hán chiêu liệt tương chung sắc hậu chủ viết : " Vật dĩ ác tiểu nhi vi chi , vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi " .

Tân khắc âm thích: Minh Tâm Bửu Giám chánh văn [1621 niên bản bản , Phạm Lập Bản tùng đạo cần tập , dĩ hạ giản xưng " tân khắc bản "] trung , " chung " tác " băng " .

莊子曰：“一日不念善，諸惡自皆起。”

Trang Tử viết : " Nhứt nhựt bất niệm thiện , chư ác tự giai khởi . "

西山真先生曰：“擇善固執，惟日孜孜。”

宋代真德秀 [1178-1235]，浦城人。世稱西山真先生。

Tây Sơn Chơn Tiên sanh viết : " Trạch thiện cố chấp , duy nhứt tư tư (sa sả) . "

Tổng đại Chơn Đức Tú [1178-1235] , Phổ Thành nhơn . Thế xưng Tây Sơn Chơn Tiên sanh .

耳聽善言，不墮三惡。人有善愿，天必從之。

Nhĩ thính thiện ngôn , bất đọa tam ác . Nhơn hữu thiện nguyện , thiên tất tùng chi .

《晉國語》云：“從善如登，從惡如崩。”

" Tấn Quốc Ngữ " vân : Tùng thiện như đặng , tùng ác như băng .

太公曰：“善事須貪，惡事莫樂。”

太公：周代呂尚的稱號。即姜太公。

Thái Công viết : " Thiện sự tu tham , ác sự mạc lạc . "

Thái Công : Chu đại Lữ Thượng đích xưng hiệu .
Tức Khương Thái Công .

顏子曰：“善以自益，惡以自損。故君子務其益以防損，非以求名且以遠辱。”

顏子 (前521年—前481年) 魯國人，顏氏，名回，字子淵，小孔子三十歲，最爲孔子鐘愛;子曰：“賢哉回也…用之則行，舍之則藏，唯我與爾

有是夫… 回也好學，不遷怒，不貳過”。

因爲窮而好學，營養極度不良，而用腦格外過度，導致嚴重早衰，二十九歲頭髮白盡，四十歲就交了公糧本。回死，孔子哭之極慟。

Nhan tử viết : " thiện dĩ tự ích , ác dĩ tự tổn . Cổ quân tử vụ kỳ ích dĩ phòng tổn , phi dĩ cầu danh thả dĩ viễn nhục . "

Nhan Tử (TCN 521 — TCN 481), Lỗ quốc nhơn , Nhan Thị , danh Hòai , tự Tử Uyên , tiểu Khổng Tử tam thập tuế , tối vi Khổng Tử chung ái . Tử viết : " Hiền tại Hòai dã ... Dụng chi tắc hành , xả chi tắc tàng , duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù ... Hòai dã hiếu học , bất thiên nộ , bất nhị quá " . Nhân vi cùng nhi hiếu học , doanh dưỡng cực độ bất lương , nhi dụng não cách ngoại quá độ , đạo trí nghiêm trọng tảo suy , nhị thập cửu tuế đầu phát bạch tận , tứ thập tuế tự giao liễu công lương bản . Hòai tử , Khổng Tử khóc chi cực đổng . [孔門七十二賢 Khổng Môn Thất Thập Nhị Hiền]

太公曰：“見善如渴，聞惡如聾。為善最樂，道理最大。”

Thái Công viết : " Kiến thiện như khát , văn ác như lũng . Vi thiện tối lạc , đạo lý tối đại . "

馬援曰：“終身為善，善猶不足；一日行惡，惡自有余。”

馬援 [前14-49]，東漢初人。曾立志：“男兒要當死於邊野，以馬革裹尸還葬。”後果病死軍中。

Mã Viện viết : " Chung thân vi thiện , thiện do bất túc ; nhứt nhựt hành ác , ác tự hữu dư . "

Mã Viện [tiền 14-49] , Đông Hán sơ nhơn . Tăng lập chí : " Nam nhi yếu đương tử ư biên dã , dĩ mã cách khoả thi hoàn táng . "
Hậu quả bệnh tử quân trung .

顏子曰：“君子見毫厘之善不可傾之，行有纖毫之惡不可為之。”

重刊本中，“傾”作“掩”。

Nhan tử viết : " quân tử kiến hào ly chi thiện bất khả khuynh chi , hành hữu tiêm hào chi ác bất khả vi chi . "

Trùng san bản trung , " khuynh " tác " yểm " .

《易》曰：“出其言善，則千里應之；出言不善，則千里違之。”

" Dịch " viết : " Xuất kỳ ngôn thiện , tác thiên lý ứng chi ; xuất ngôn bất thiện , tác thiên lý vi (liạ xa) chi . "

但存心里正，不用問前程。但能依本分，前程不用問。若要有前程，莫做沒前程。

Đãn tồn tâm lý chánh , bất dụng vấn tiền trình . Đãn năng y bản phận , tiền trình bất dụng vấn . Nhược yếu hữu tiền trình , mạc tố một tiền trình .

司馬溫公《家訓》：“積金以遺子孫，子孫未必能守；積書以遺子孫，子孫未必能讀；不如積陰德於冥冥之中，以為子孫長久之計。”

司馬溫公: 即司馬光，宋代政治家、文學家，曾被封為溫國公。

Tư Mã Ôn Công "Gia Huấn" : " Tích kim dĩ di tử tôn , tử tôn vị tất năng thủ ; tích thư dĩ di tử tôn , tử tôn vị tất năng đọc ; bất như tích âm đức vu minh minh chi trung , dĩ vi tử tôn trường cửu chi kế . "

Tư Mã Ôn Công tức Tư Mã Quang, 1019-1086, Tống đại chánh trị gia , văn học gia , tằng bị phong vi Ôn Quốc Công.

心好命又好，發達榮華早。心好命不好，一生也溫飽。命好心不好，前程恐難保。心命都不好，窮苦直到老。

Tâm hảo mệnh hựu hảo , phát đạt vinh hoa tảo . Tâm hảo mệnh bất hảo , nhứt sanh dã ôn bão . Mệnh hảo tâm bất hảo , tiền trình khủng nan bảo . Tâm mệnh đồ bất hảo , cùng khổ trực đáo lão .

《景行錄》云：“以忠孝遺子孫者昌，以智術遺子孫者亡。以謙接物者強，以善自衛者良。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " dĩ trung hiếu di tử tôn giả xương , dĩ trí thuật di tử tôn giả vong . Dĩ khiêm tiếp vật giả cường , dĩ thiện tự vệ giả lương . "

《景行錄》·一卷(浙江范懋柱家天一閣藏本) 舊本題元史弼編。弼字君佐, 自號紫微老人, 博野人。官至福建行省平章政事, 封鄂國公。事蹟具《元史·本傳》。

" Cảnh Hàng Lục " _ nhứt quyển (Chiết Giang Phạm Mậu Trụ gia thiên nhứt các tàng bản) cựu bản đề nguyên sử bất biên . Bất Tự Quân tá , tự hiệu tử Vi Lão Nhơn , Bác Dã Nhơn . Quan chí Phúc Kiến hành tỉnh Bình Chương chánh sự , phong Ngạc Quốc Công . Sự tích cụ " Nguyên Sử _ Bản Truyện " .

恩義廣施，人生何處不相逢？仇冤莫結，路逢險處難回避。

Ân nghĩa quảng thi , nhơn sanh hà xứ bất tương phùng ? Cừu oan mạc kết , lộ phùng hiểm xứ nan hồi tị .

莊子云：“於我善者，我亦善之。於我惡

者，我亦善之。我既於人無惡，人能於我無惡哉！”

Trang tử vân : " Ư ngã thiện giả , ngã diệc thiện chi . Ư ngã ác giả , ngã diệc thiện chi . Ngã ký ư nhơn vô ác , nhơn năng ư ngã vô ác tai ! "

老子曰：“善人，不善人之師。不善人，善人之資。”

Lão tử viết : " Thiện nhơn , bất thiện nhơn chi sư . Bất thiện nhơn , thiện nhơn chi tư . "

老子曰：“柔勝剛，弱勝強。故舌柔能存，齒剛則折也。”

Lão Tử viết : " Nhu thắng cương , nhược thắng cường . Cổ thiết nhu năng tồn , xỉ cương tắc chiết dã . "

太公曰：“仁慈者壽，凶暴者亡。”

Thái công viết : " Nhơn từ giả thọ , hung bạo giả vong . "

太公曰：“懦必壽昌，勇必夭亡。”

Thái Công viết: "Nọa (hèn yếu) tất thọ xương , dũng tất yêu vong."

老子曰：“君子為善若水，擁之可以在山，激之可以過顙能方能圓，委曲隨形。故君子能柔而不弱，能強而不剛，如水之性也。天下柔弱莫過於水，是以柔弱勝剛強。”

顙：額，腦門子。

Lão Tử viết : " Quân tử vi thiện nhược thủy , ủng chi khả dĩ tại san , kích chi khả dĩ quá tảng Năng phương năng viên , ủy khúc tùy hình . Cổ quân tử năng nhu nhi bất nhược , năng cường nhi bất cương , như thủy chi tính dã . Thiên hạ nhu nhược mạc quá ư thủy , thị dĩ nhu nhược thắng cương cường . "

tảng [trán] : ngạch , não môn tử .

《書》云：“為善不同，同歸於理。為政不同，同歸於治。惡必須遠，善必須近。”

" Thư " vân : " vi thiện bất đồng , đồng quy ư lý . Vi chánh bất đồng , đồng quy ư trị . Ác tất tu viễn , thiện tất tu cận . "

《景行錄》云：“為子孫作富貴計者，十敗其九。為人行善方便者，其後受惠。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Vi tử tôn tác phú quý kế giả , thập bại kỳ cửu . Vi nhơn hành thiện phương tiện giả , kỳ hậu thụ huệ . "

與人方便，自己方便。

Dữ nhơn phương tiện (làm việc có ích cho người) , tự kỷ phương tiện .

日日行方便，時時發善心。

Nhật nhật hành phương tiện , thời thời phát thiện tâm .

力到處，行方便。

Lực đáo xứ , hành phương tiện .

千經萬典，孝義為先；天上人間，方便第一。

Thiên kinh vạn điển , hiểu nghĩa vi tiên ; thiên thượng hơn gian , phương tiện đệ nhất .

《太上感應篇》曰：“禍福無門，惟人自招。善惡之報，如影隨形。所以人心起於善，善雖未為，而吉神已隨之。或心起於惡，惡雖未至，而凶神已隨之。其有曾行惡事，後自改悔，久久必獲吉慶，所謂轉禍為福也。”

" Thái Thượng Cảm Ứng Thiên " viết : " Họa phúc vô môn , duy hơn tự chiêu . Thiện ác chi báo , như ảnh tùy hình . Sở dĩ hơn tâm khởi ư thiện , thiện tuy vị vi , nhi cát thần dĩ tùy chi . Hoặc tâm khởi ư ác , ác tuy vị chí , nhi hung thần dĩ tùy chi . Kỳ hữu tăng hành ác sự , hậu tự cải hối , cửu cửu tất hoạch cát khánh , sở vị chuyển họa vi phúc dã . "

東岳聖帝垂訓：“天地無私，神明暗察。不為享祭而降福，不為失禮而降禍。凡人有勢不可倚盡，有福不可享盡，貧困不可欺盡。此三者乃天地循環，周而復始。故一日行善，福雖未至，禍自遠矣。一日行惡，禍雖未至，福自遠矣。行善之人，如春園之草，不見其長而日有所增。行惡之人，如磨刀之石，不見其損而日有所虧。損人安己，切宜戒之！”

東岳聖帝：即東岳大帝，道教所奉的泰山神。

Đông Nhạc Thánh Đế Thùy huấn : " Thiên địa vô tư , thần minh ám sát . Bất vi hưởng tế nhi giáng phúc , bất vi thất lễ nhi giáng họa . Phạm hơn hữu thể bất khả ỷ tận , hữu phúc bất khả hưởng tận , bản khốn bất khả khi tận . Thử tam giả nãi thiên địa tuần hoàn , chu nhi phục thủy . Cố nhất nhất hành thiện , phúc tuy vị chí , họa tự viễn hĩ . Nhất nhất hành ác , họa tuy vị chí , phúc tự viễn hĩ . Hành thiện chi hơn , như xuân viên chi thảo , bất kiến kỳ trưởng nhi nhất hữu sở tăng . Hành ác chi hơn , như ma đao chi thạch , bất kiến kỳ tổn nhi nhất hữu sở khuy . Tổn hơn an kỳ , thiết nghi giới chi ! "

Đông Nhạc Thánh Đế : tức Đông Nhạc Đại Đế , đạo giáo sở phụng dich Thái San Thần .

一毫之善，與人方便。一毫之惡，勸人莫作。衣食隨緣，自然快樂。

Nhứt hào chi thiện , dữ hơn phương tiện . Nhứt hào chi ác , khuyển hơn mạc tác . Y thực tùy duyên , tự nhiên khoái lạc .

算甚麼命？問甚麼卜？欺人是禍，饒人是福。天网恢恢報應甚速。諦聽吾言，神欽鬼伏。

重刊本作“天眼昭昭”

Toán thậm ma mệnh ? Vấn thậm ma bốc ? Khi hơn thị họa , nhiều hơn thị phúc . Thiên võng khôi khôi , Báo ứng thậm tốc . Đế thánh ngô ngôn , thần khâm quỷ phục .

Thiên võng khôi khôi: trùng san bốn tác "thiên nhãn chiêu chiêu"

康節邵先生戒子孫

曰：“上品之人，不教而善；中品之人，教而後善；下品之人，教亦不善。不教而善，非聖而何？教而後善，非賢而何？教

亦不善，非愚而何？是知善也者，吉之謂也。不善也者，凶之謂也。吉也者，目不觀非禮之色，耳不聽非禮之聲，口不道非禮之言，足不踐非禮之地。人非善不交，物非義不取。親賢如就芝蘭，避惡如畏蛇蝎。或曰：不謂之吉人，則吾不信也。凶也者，語言詭譎，動止陰險，好利飾非，貪淫樂禍，嫉良善如仇隙，犯刑憲如飲食，小則殞身滅性，大則覆宗絕嗣。或曰：不謂之凶人，則吾不信也。《傳》有之曰：‘吉人為善，惟日不足。凶人為不善，亦惟日不足。’汝等欲為吉人乎？欲為凶人乎？”

康節邵：即邵雍 [1011-1077]，北宋哲學家，謚康節。著有《伊川擊壤集》等。

Khang Tiết Thiệu tiên sanh giới tử tôn viết : " Thượng phẩm chi nhơn , bất giáo nhi thiện ; trung phẩm chi nhơn , giáo nhi hậu thiện ; hạ phẩm chi nhơn , giáo diệc bất thiện . Bất giáo nhi thiện , phi thánh nhi hà ? Giáo nhi hậu thiện , phi hiền nhi hà ? Giáo diệc bất thiện , phi ngu nhi hà ? Thị tri thiện dã giả , cát chi vị dã . Bất thiện dã giả , hung chi vị dã . Cát dã giả , mục bất quan phi lễ chi sắc , nhĩ bất thính phi lễ chi thanh , khẩu bất đạo phi lễ chi ngôn , túc bất tiến phi lễ chi địa . Nhơn phi thiện bất giao , vật phi nghĩa bất thủ . Thân hiền như tự chi lan , tị ác như úy xà hạt . Hoạc viết : bất vị chi cát nhơn , tắc ngô bất tín dã . Hung dã giả , ngữ ngôn quỷ quyết , động chỉ âm hiểm , hảo lợi sức phi , tham dâm lạc họa , tật lương thiện như cừu kích , phạm hình hiến như ẩm thực , tiểu tác vãn thân diệt tính , đại tác phúc tông tuyệt tự . Hoạc viết :

bất vị chi hung nhơn , tắc ngô bất tín dã . " Truyện " Hữu Chi viết : 'Cát nhơn vi thiện , duy nhứt bất túc . Hung nhơn vi bất thiện , diệc duy nhứt bất túc' . Nhữ đẳng dục vi cát nhơn hồ ? Dục vi hung nhơn hồ ? "

Khang Tiết Thiệu : tức Thiệu Ung [1011-1077] , Bắc Tống triết học gia , thỉ Khang Tiết . Trứ hữu "Y Xuyên Kích Nhưỡng tập " đẵng .

《楚書》曰：“楚國無以為寶，惟善以為寶。”

" Sở thư " viết : " Sở quốc vô dĩ vi bảo , duy thiện dĩ vi bảo . "

子曰：“見善如不及，見不善如探湯。”

Tử viết : " kiến thiện như bát cập , kiến bất thiện như tham thang . "

子曰：“見賢思齊焉。見不賢而內自省也。”

Tử viết : " Kiến hiền tư yên . Kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh dã . "

以下部分見於《新刻校正刪補明心寶鑒》版本，下面各章節後附內容同此。

Dĩ hạ bộ phân kiến ư "Tân Khắc Hiệu Chính San Bỏ Minh Tâm Bửu Giám" bản bản, hạ diện các chương tiết hậu phụ nội dung đồng thử.

先儒曰：“一日或聞一善言，行一善事，此日方不虛生。”

Tiên nho viết : " Nhứt nhứt hoạc vãn nhứt thiện ngôn , hành nhứt thiện sự , thử nhứt phương bất hư sanh . "

行合道義，不卜自吉。行悖道義，縱卜亦

凶。人當自卜，不必卜神。

Hành hiệp đạo nghĩa , bắt bốc tự cát . Hành bội đạo nghĩa , túng bốc diệc hung . Nhơn đương tự bốc , bắt tất bốc thần .

我如為善，雖一界寒士，有人服其德。我如為惡，雖位極人臣，有人議其逆。

Ngã như vi thiện , tuy nhứt giới hàn sĩ , hữu nhơn phục kỳ đức .
Ngã như vi ác , tuy vị cực nhơn thần , hữu nhơn nghị kỳ nghịch .

以下內容見於韓文版新譯《明心寶鑑》，金星元譯著，明文堂，1993年版。

Dĩ hạ nội dung kiến ư Hàn Văn Bản Tân Dịch "Minh Tâm Bửu Giám" Kim Tinh Nguyên dịch trứ , Minh Văn Đường ,1993 niên bản .

《周易》曰：“善不積不足以成名，惡不積不足以滅身。小人以小善為無益而弗為也，以小惡為無傷而弗去也，故惡積而不可掩，罪大而不可解。”

" Chu dịch " viết : " Thiện bất tích bất túc dĩ thành danh , ác bất tích bất túc dĩ diệt thân . Tiểu nhơn dĩ tiểu thiện vi vô ích nhi phát vi dã , dĩ tiểu ác vi vô thương nhi phát khứ dã , cố ác tích nhi bất khả yểm , tội đại nhi bất khả giải . "

履霜堅冰至。臣弑其君，子弑其父，非一旦一夕之事，其由來者漸矣。

Lý sương kiên băng chí . Thần thí kỳ quân , tử thí kỳ phụ , phi nhứt đán nhứt tịch chi sự , kỳ do lai giả tiệm hĩ .

天理篇 第二 凡十九條

Thiên Lý thiên đệ nhị phạm thập cửu điều

孟子曰：“順天者存，逆天者亡。”

Mạnh tử viết : " thuận thiên giả tồn , nghịch thiên giả vong . "

《近思錄》云：“循天理，則不求利而自無不利。循人欲，則求利未得而害已隨之。”

南宋朱熹和呂祖謙合撰，共十四卷。摘錄北宋周敦頤、程頤、程顥、張載的言論，共 622條。

" Cận Tư Lục " vân : " Tuân Thiên Lý , tắc bất cầu lợi nhi tự vô bất lợi . Tuân nhơn dục , tắc cầu lợi vị đắc nhi hại dĩ tùy chi . "

"Cận Tư Lục" : Nam Tống Chu Hy hòa Lữ Tổ Khiêm hiệp soạn , cộng thập tứ quyển . Trích lục Bắc Tống Chu Đôn Di , Trình Di , Trình Hạo , Trương Tải đích ngôn luận , cộng 622 điều .

諸葛武侯曰：“謀事在人，成事在天。”
人愿如此如此，天理未然未然。

諸葛武侯即諸葛亮 (181-234年)，字孔明，琅琊陽都 (今山東省沂南縣) 人，三國時期蜀漢重要大臣，中國歷史上著名的政治家，軍事家，也是中國傳統文化中忠臣與智者的代表人物。因其早年外號，也稱「臥龍」或「伏龍」。

Gia Cát Võ Hầu viết : " Mưu sự tại nhơn , thành sự tại thiên . "

Nhơn nguyện như thử như thử , thiên lý vị nhiên vị nhiên .

Gia Cát VõHầu tức Gia Cát Lượng (181 -- 234 niên) , tự Khổng Minh , Lang Gia Dương Đô (kim Sơn Đông Tỉnh , Nghi Nam huyện) nhơn . Tam Quốc thời kỳ Thục Hán trọng yếu đại thần , Trung Quốc lịch sử thượng trứ danh đích chánh trị gia , quân sự gia , dã thị Trung quốc truyền thống văn hóa trung trung thần dữ

trí giả đích đại biểu nhân vật . Nhân kỳ tảo niên ngoại hiệu , đã xưng " Ngoạ " hoặc " Phục Long" .

康節邵先生曰：“天聽寂無音，蒼蒼何處尋？非高亦非遠，都只在人心。”

Khang Tiết Thiệu tiên sanh viết : " Thiên thính tịch vô âm , thương thương hà xứ tầm ? Phi cao diệc phi viễn , đô chỉ tại nhơn tâm . "

人心生一念，天地悉皆知。善惡若無報，乾坤必有私。

Nhơn tâm sanh nhứt niệm , thiên địa tất giai tri . Thiện ác nhược vô báo , kiền khôn (trời đất) tất hữu tư .

玄帝垂訓：“人間私語，天聞若雷。暗室虧心，神目如電。”

玄帝: 道教稱真武大帝為玄天上帝，簡稱玄帝。
Huyền đế thùy huấn : " nhơn gian tư ngữ , thiên văn nhược lời .
Ám thất khuy tâm , thần mục như điện . "

Huyền đế : Đạo Giáo xưng Chân Vũ Đại Đế vi Huyền Thiên Thượng Đế , giản xưng Huyền Đế .

《忠孝略》曰：“欺人必自欺其心，欺其心必自欺其天。心其可欺乎？”

" Trung Hiếu Lược " viết : " Khi (lừa dối) nhơn tất tự khi kỳ tâm , khi kỳ tâm tất tự khi kỳ thiên . Tâm kỳ khả khi hồ ? "

人可欺，天不可欺。人可瞞，天不可瞞。

Nhơn khả khi , thiên bất khả khi . Nhơn khả man (lừa dối), thiên bất khả man .

世人要瞞人，分明把心欺。欺心即欺天，莫道天不知。天在屋檐頭，須有聽得時。你道不聽得，古今放過誰？

Thế nhơn yếu man nhơn , phân minh bả tâm khi . Khi tâm tức khi thiên , mạc đạo thiên bất tri . Thiên tại ốc diêm đầu , tu hữu thính đắc thời . Nễ đạo bất thính đắc , cổ kim phóng quá thùy ?

湛湛青天不可欺，未曾舉意我先知。勸君莫作虧心事，古往今來放過誰？！

Trạm trạm (dày dặn) thanh thiên bất khả khi , vị tăng cử ý ngã tiên tri . Khuyển quân mạc tác khuy tâm (phụ lòng; ý mưu hại người) sự , cổ vãng kim lai phóng quá thùy ? !

人善人欺天不欺，人惡人怕天不怕。

Nhơn thiện nhơn khi thiên bất khi , nhơn ác nhơn phạ thiên bất phạ .

人心惡，天不錯。

Nhơn tâm ác , thiên bất thác (làm lẫn) .

皇天不負道心人，皇天不負孝心人，皇天不負好心人，皇天不負善心人。

Hoàng thiên bất phụ đạo tâm nhơn , hoàng thiên bất phụ hiếu tâm nhơn , hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhơn , hoàng thiên bất phụ thiện tâm nhơn .

《益智書》云：“惡錯若滿，天必戮之。”

Ích Trí Thư vân : " Ác thác nhược mãn , thiên tất lục (giết rồi phanh thây) chi . "

莊子曰：“若人作不善得顯名者，人不害，天必誅之。”

Trang tử viết : " Nhược nhơn tác bất thiện đắc hiển danh giả , nhơn bất hại , thiên tất tru (kẻ tội rồi giết) chi . "

種瓜得瓜，種豆得豆。
天网恢恢，疏而不漏。

Chủng qua đắc qua , chủng đậu đắc đậu .
Thiên võng khôi khôi , sơ nhi bất lậu .

深耕淺種，尚有天災；利己損人，豈無果報？

Thâm canh thiển chủng , thượng hữu thiên tai ; lợi kỷ tổn nhơn , khởi vô quả báo ?

子曰：“獲罪於天，無所禱也。”

Tử viết : " Hoạch tội ư thiên , vô sở đảo dã . "

先儒曰：“非災橫禍，世人常嘆無因。分付安排，皇天必自有說。”

Tiên nho viết : " Phi tai hoành họa , thế nhơn thường thán vô nhân .
Phân phó an bài , hoàng thiên tất tự hữu thuyết . "

若無後來報應，造物何以謝顏回？除卻永劫災殃，上帝胡私私曹操？

Nhược vô hậu lai báo ứng , tạo vật hà dĩ tạ Nhan Hồi ? Trừ khước vĩnh kiếp tai ương , thượng đế hồ tư tư Tào Tháo ?

順命篇 第三 凡十六條

Thuận Mệnh thiên đệ tam phàm thập lục điều

子夏曰：“死生有命，富貴在天。”

Tử hạ viết : " Tử sanh hữu mệnh , phú quý tại thiên . "

孟子曰：“行或使之，止或尼之，行止非人所能也。”

Mạnh tử viết : " Hành hoặc sử chi , chỉ hoặc ni chi , hành chỉ phi nhơn sở năng dã . "

一飲一啄，事皆前定。

Nhứt ẩm nhứt trác , sự giai tiền định .

家嚴口訓作：一飲一啄，皆由前定。

Nhứt ẩm nhứt trác , giai do tiền định .

萬事分已定，浮生空自忙。

Vạn sự phân dĩ định , phù sanh không tự mang .

萬事不由人計較，一生都是命安排。

Vạn sự bất do nhơn kế giáo , nhứt sanh đô thị mệnh an bài .

《景行錄》云：“凡不可著力處，便是命也。”

Cảnh Hàng Lục vân : " Phàm bất khả trước lực xứ , tiện thị mệnh dã . "

會（會，似通“慧”。）不如命，智不如福。

Hội (hội , tự thông "tuệ") bất như mệnh , trí bất như phúc .

《景行錄》云：“禍不可以免，福不可再求。”

Cảnh Hàng Lục vân : "Họa bất khả dĩ miễn, phúc bất khả tái cầu."

《素書》云：“見嫌而不苟免，見利而不苟得。”重刊本中此處還有一句：福至不可苟求，禍至不可苟免。

" Tố Thư " vân : " Kiến hiềm nhi bất cầu (tạm bợ, cầu thả) miễn , kiến lợi nhi bất cầu đắc . " Trùng san bản trung thử xứ hoàn hữu nhứt cú : Phúc chí bất khả cầu cầu , họa chí bất khả cầu miễn .

《曲禮》曰：臨財無苟得，臨難無苟免。

禮記本中有二章曲禮，此句屬曲禮上，全條如下：

賢者狎而敬之，畏而愛之。愛而知其惡，憎而知其善。積而能散，安安而能遷。臨財無苟得，臨難無苟免。很無求勝，分無求多。疑事無質，直而勿有。

" Khúc Lễ " viết : " Lâm tài vô cầu đắc , lâm nạn vô cầu miễn . "

Lễ Ký bản trung hữu nhị chương Khúc Lễ , thử cú thuộc Khúc Lễ Thượng , toàn điều như hạ :

Hiền giả hiệp nhi kính chi, úy nhi ái chi. Ái nhi tri kỳ ác, tăng nhi tri kỳ thiện. Tích nhi năng tán, an an nhi năng thiên. Lâm tài vô cầu đắc, lâm nạn vô cầu miễn. Ngạn vô cầu thắng, phân vô cầu đa. Nghi sự vô chất, trực nhi vật hữu.

子曰：“知命之人，見利不動，臨死不怨。”

Tử viết : " Tri mệnh chi nhơn , kiến lợi bất động , lâm tử bất oán . "

得一日過一日，得一時過一時。

Đắc nhứt nhứt quá nhứt nhứt , đắc nhứt thời quá nhứt thời .

緊行慢行，前程只有許多路。

Khẩn hành mạn hành , tiền trình chỉ hữu hứa đa lộ .

時來風送滕王閣，運去雷轟荐福碑。

Thời lai phong tống Đằng Vương Các, vận khứ lôi oanh Tiến Phúc Bi .

王勃在參加滕王閣雅聚時作《滕王閣序》。

此處比喻時來運轉，春風得意。

荐福碑：歐陽洵所書荐福寺碑。宋時流行歐陽體，荐福寺碑墨本相當值錢。有人要去拓碑出售，紙墨已備，不料一夜之間雷擊碎其碑。用以比喻命途多舛，所至失意。

Vương Bội tại tham gia Đằng Vương Các nhã tụ thời tác " Đằng Vương Các Tự " . Thử xứ tỉ dụ thời lai vận chuyển , xuân phong đắc ý .

Tiến Phúc Bi : Âu Dương Tuân sở thư Tiến Phúc Tự Bi . Tống thời lưu hành Âu Dương Thể , Tiến Phúc Tự Bi mặc bản tương đương trị tiền. Hữu nhơn yếu khứ thác bi xuất thụ, chỉ mặc dĩ bị, bất liêu nhứt dạ chi gian lôi kích toái kỳ bi . Dụng dĩ tỉ dụ mệnh đồ đa suyển , sở chí thất ý .

列子曰：“痴聾瘖症家豪富，智慧聰明卻受貧。年月日時該載（載，通“裁”。）定，算來由命不由人。”

Liệt Tử viết : " Si lung âm á gia hào phú , trí tuệ thông minh khước thụ bần . Niên nguyệt nhứt thời cai tái (tái , thông " tài " .) định , toán lai do mệnh bất do nhơn . "

命里有終須有，命里無莫強求。

Mệnh lý hữu, chung tu hữu, mệnh lý vô, mạc cường cầu.

先儒曰：“世味非不濃豔，可以淡然處之。
若富貴貧窮由我力取，則造物無權矣。”

Tiên Nho viết: " thế vị phi bất nồng diễm, khả dĩ đạm nhiên xử chi .
Nhược phú quý bần cùng do ngã lực thủ , tắc tạo vật vô quyền hĩ . "

孝行篇 第四 凡十九條

Hiếu hạnh thiên đệ tứ phạm thập cửu điều

詩云：“父兮生我，母兮鞠我。哀哀父母，
生我劬勞。欲報深恩，昊天罔極。”

Thi vân : " Phụ hề sanh ngã , mẫu hề cúc ngã . Ai ai phụ mẫu ,
sanh ngã cù lao . Dục báo thâm ân , hạo thiên vãng cực . "

子曰：“身體髮膚，受之父母，不敢燬傷，
孝之始也。立身行道，揚名於後世，以
顯父母，孝之終也。”

Tử viết : " Thân thể phát phu (da), thụ chi phụ mẫu , bất cảm hủy
thương , hiếu chi thủy dã . Lập thân hành đạo , dương danh ư
hậu thế , dĩ hiển phụ mẫu , hiếu chi chung dã . "

孝之事親，居則致其敬，養則致其樂，病
則致其憂，喪則致其哀，祭則致其嚴。

Hiếu chi sự thân , cư tắc trí (suy cùng) kỳ kính , dưỡng tắc trí kỳ lạc
, bệnh tắc trí kỳ ưu , tang tắc trí kỳ ai , tế tắc trí kỳ nghiêm .

故人不愛其親而愛他人者，謂之悖德；不
敬其親而敬他人者，謂之悖禮。

Cố (cho nên) nhờn bất ái kỳ thân nhi ái tha nhờn giả , vị chi bội (trái
lẽ) đức ; bất kính kỳ thân nhi kính tha nhờn giả , vị chi bội lễ .

君子之事親孝，故忠可移於君；事兄弟，
故順可移於長；居家理，故治可移於官。

Quân tử chi sự thân hiếu , cố trung khả di ư quân ; sự huynh đệ ,
cố thuận khả di ư trường ; cư gia lý , cố trị khả di ư quan .

《曲禮》曰：“夫為人子者，出必告，反
必面。所游必有常，所習必有業。恒言不
稱老，年長以倍則父事之，十年以長則兄
事之，五年以長則肩隨之。”

" Khúc lễ " viết : " Phù vi nhờn tử giả , xuất tất cáo , phản tất diện .
Sở du tất hữu thường , sở tập tất hữu nghiệp . Hằng ngôn bất
xưng lão , niên trường dĩ bội tắc phụ sự chi , thập niên dĩ trường
tắc huynh sự chi , ngũ niên dĩ trường tắc kiên tùy chi . "

父母在，不遠游，游必有方。

Phụ mẫu tại , bất viễn du , du tất hữu phương (trái lẽ).

父母之年不可不知也。一則以喜，一則以
懼。

Phụ mẫu chi niên bất khả bất tri dã . Nhứt tắc dĩ hỉ , nhứt tắc dĩ cụ .

父在觀其志，父沒觀其行。三年無改於父
之道，可謂孝矣。

Phụ tại, quan kỳ chí, phụ một, quan kỳ hành. Tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hĩ.

伊川先生曰：“人無父母，生日當倍悲痛，更安忍置酒張樂以為樂，若具慶者可矣。”

伊川先生即程頤 [1033-1107]，北宋哲學家、教育家，洛陽人。

Y Xuyên tiên sanh viết: "Nhơn vô phụ mẫu, sanh nhật đương bội bi thống, canh an nhẫn trí tửu trương lạc dĩ vi lạc, nhược cụ khánh giả khả hĩ."

Y Xuyên tiên sanh: tức Trình Di [1033-1107], Bắc Tống triết học gia, giáo dục gia, Lạc Dương nhơn.

太公曰：“孝於親，子亦孝之。身既不孝，子何孝焉？”

Thái Công viết: "Hiếu ư thân, tử diệc hiếu chi. Thân ký bất hiếu, tử hà hiếu yên?"

孝順還生孝順子，忤逆還生忤逆兒。不信但看檐頭水，點點滴滴不差移。

Hiếu thuận hoàn sanh hiếu thuận tử, ngỗ nghịch hoàn sanh ngỗ nghịch nhi. Bất tín đãn khan diêm đầu thủy, điễm điễm tích tích bất soa di.

囉先生曰：“天下無不是的父母。”

囉先生: 即囉從彥 [1072-1135]，字仲素，人稱豫章先生。為程頤、程顥再傳弟子。

La tiên sanh viết: "Thiên hạ vô bất thị đích phụ mẫu."

La tiên sanh: tức La Tùng Ngạn [1072-1135], tự Trọng Tố, nhơn xưng Dự Chương tiên sanh. Vi Trình Di, Trình Hạo tái truyền đệ tử.

養子方知父母恩，立身方知人辛苦。

Dưỡng tử phương (so sánh) tri phụ mẫu ân, lập thân phương tri nhơn tâm khổ.

孟子曰：“不孝有三，無後為大。”

Mạnh tử viết: "Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại."

養兒防老，積谷防饑。

Dưỡng nhi phòng lão, tích cốc phòng cơ.

家嚴口訓作: 養兒待老，積谷防饑。

Dưỡng nhi đãi lão, tích cốc phòng cơ.

曾子曰：“父母愛之，喜而不忘。父母惡之，懼而無怨。父母有過，諫而不逆。”

Tăng Tử viết: "Phụ mẫu ái chi, hỉ nhi bất vong. Phụ mẫu ó chi, cụ nhi vô oán. Phụ mẫu hữu quá, gián nhi bất nghịch."

子曰：五刑之屬三千，而罪莫大於不孝。

Tử viết: "Ngũ hình chi chúc tam thiên, nhi tội mạc đại ư bất hiếu."

曾子曰：“孝慈者，百行之先莫過於孝。孝至於天，則風雨順時；孝至於地，則萬物化盛；孝至於人，則眾福來臻。”

Tăng Tử viết: "Hiếu từ giả, bách hạnh chi tiên mạc quá ư hiếu. Hiếu chí ư thiên, tác phong vũ thuận thời; hiếu chí ư địa, tác vạn vật hóa thịnh; hiếu chí ư nhơn, tác chúng phúc lai臻 (đến)."

△△△

《八反歌》（錄《桂宮誌》）

" Bát Phản Ca " (lục " Quế Cung Chí ")

幼兒或詈我，我心覺歡喜。父母嗔怒我，
我心反不甘。一歡喜，一不甘，待兒待
父心何懸。勸君今日逢親怒也，應將親
作兒看。

Ấu nhi hoặc lị ngã , ngã tâm giác hoan hỉ . Phụ mẫu sân nộ ngã ,
ngã tâm phản bất cam . Nhứt hoan hỉ , nhứt bất cam , đãi nhờn
đãi phụ tâm hà huyền ? Khuyến quân kim nhứt phùng thân nộ dã ,
ứng tương thân tác nhi khan .

兒曹出千言，君聽常不厭。父母一開口，
便道多閒管。非閒管，親挂牽，皓首白頭
多諳練。勸君敬奉老人言，莫教乳口爭長
短。

Nhi tào (bọn trẻ) xuất thiên ngôn , quân thính thường bất yếm .
Phụ mẫu nhứt khai khẩu , tiện đạo đa gian quản . Phi gian quản ,
thân quải khiên , hạo thủ bạch đầu đa am luyện . Khuyến quân
kính phụng lão nhờn ngôn , mạc giáo nhũ khẩu tranh trường đoản.

幼兒屎糞穢，君心無厭忌。老親涕唾零，
反有憎嫌意。六尺軀，來何處？父精母血

成汝體。勸君敬待老來人，壯時為爾筋骨
敝。

Ấu nhi thì phản uế , quân tâm vô yếm kị . Lão thân thể thóa linh ,
phản hữu tăng hiềm ý . Lục xích khu , lai hà xứ ? Phụ tinh mẩu
huyết thành nhữ thể . Khuyến quân kính đãi lão lai nhờn , tráng
thời vi nhĩ cân cốt tệ .

看君晨入市，買餅又買糕。少聞供父母，
多說供兒曹。親未啖，兒先飽，子心不比
親心好。勸君多出買餅錢，供養白頭光陰
少。

Khán quân thân (sáng sớm) nhập thị , mẩu bánh hựu mẩu糕 .
Thiểu văn cung phụ mẫu , đa thuyết cung nhi tào . Thân vị đạm ,
nhi tiên bão , tử tâm bất tỉ thân tâm hảo . Khuyến quân đa xuất
mẩu bánh tiền , cung dưỡng bạch đầu quang âm thiểu .

市間賣藥肆，惟有肥兒丸，未有壯親者。
何故兩般看？兒亦病，親亦病，醫兒不比
醫親症。割股還是親的肉，勸君亟保雙親
命。

Thị giãn mại dược tứ , duy hữu phì nhi hoàn , vị hữu tráng thân
giả . Hà cố lưỡng bàn khán ? Nhi diệc bệnh , thân diệc bệnh , y
nhi bất tỉ y thân chứng . Cát cổ hoàn thị thân đích nhục , khuyến
quân cực bảo song thân mệnh .

富貴養親易，親常有未安。貧賤養兒難，
兒不受饑寒。一條心，兩條路，為兒終不
如為父。勸君養親如養兒，凡事莫推家不

富。

Phú quý dưỡng thân dị , thân thường hữu vị an . Bần tiện dưỡng nhi nan , nhi bất thụ cơ hàn . Nhứt điều tâm , lưỡng điều lộ , vi nhi chung bất như vi phụ . Khuyến quân dưỡng thân như dưỡng nhi , phạm sự mạc thôi gia bất phú .

養親只二人，常與兄弟爭。養兒雖十人，君皆獨自任。兒飽暖，親常問，父母饑寒不在心。勸君養親須竭力，當初衣食被君侵。

Dưỡng thân chỉ nhị nhơn , thường dữ huynh đệ tranh . Dưỡng nhi tuy thập nhơn , quân giai độc tự nhiệm . Nhi bảo noãn , thân thường vấn , phụ mẫu cơ hàn bất tại tâm . Khuyến quân dưỡng thân tu kiệt lực , đương sơ y thực bị quân xâm .

親有十分慈，君不念其恩。兒有一分孝，君就揚其名。待親暗，待兒明，誰識高堂養子心？勸君漫信兒曹孝，兒曹親子在君身。

Thân hữu thập phần từ , quân bất niệm kỳ ân . Nhi hữu nhứt phần hiếu , quân tự dương kỳ danh . Đãi thân ám , đãi nhi minh , thùy thức cao đường dưỡng tử tâm ? Khuyến quân mạn tín nhi tào hiếu , nhi tào thân tử tại quân thân .

孫順家貧，與其妻傭作人家以養母。有兒每奪母食。順謂妻曰：“兒奪母食，兒可得，母難再求。”乃負兒往歸醉山北郊，欲埋。掘地，忽有甚奇石鐘，驚怪。試撞

之，舂容可愛。妻曰：“得此奇物，殆兒之福，埋之不可。”順以為然。將兒與鐘還家，懸於梁撞之。王聞鐘聲清遠異常而核聞其實，曰：“昔郭巨埋子，天賜金釜。今孫順埋兒，地出石鐘。前後符同。”賜家一區，歲給米五十石。

Tôn thuận gia bần , dữ kỳ thê dung tác nhơn gia dĩ dưỡng mẫu . Hữu nhi mỗi đoạt mẫu thực . Thuận vị thê viết : " Nhi đoạt mẫu thực , nhi khả đắc , mẫu nan tái cầu . " Nãi phụ nhi vãng quy Túy Sơn bắc giao , dực mai . Quạt địa , hốt hữu thậm kỳ thạch chung , kinh quái . Thí chàng chi , thung dung khả ái . Thê viết : " Đắc thử kỳ vật , đãi nhi chi phúc , mai chi bất khả . " Thuận dĩ vi nhiên . Tương nhi dữ chung hoàn gia , huyền vu lương chàng chi . Vương văn chung thanh thanh viễn di thường nhi hạch văn kỳ thật , viết : " Tích quách cự mai tử , thiên tứ kim phủ . Kim tôn thuận mai nhi , địa xuất thạch chung . Tiền hậu phù đồng . " Tứ gia nhứt khu , tuế cấp mễ ngũ thập thạch .

thạch = 100 thưng, 120 cân

向德值年荒癘疫，父母饑病濱死。向德日夜不解衣，盡誠安慰。無以為養，則割髀肉食之。母發癰，吮之即愈。王嘉之，賜賚甚厚。命旌其門，立石紀事。

Hướng đức trị niên hoang lệ dịch , phụ mẫu cơ bệnh tân tử . Hướng đức nhứt dạ bất giải y , tận thành an ủy . Vô dĩ vi dưỡng , tắc khuê bễ nhục thực chi . Mẫu phát ung , duyet chi tức dĩ . Vương gia chi , tứ lãi thậm hậu . Mệnh tinh kỳ môn , lập thạch ký sự .

都氏家貧至孝，賣炭買肉，無闕母饌。一日，於市晚而忙歸，鳶忽攫肉。都悲號至家，鳶既投肉於庭。一日，母病，索非時之红柿。都彷徨柿林，不覺日昏。有虎屢遮前路，以示乘意。都乘至百余里山村，訪人家投宿。俄而主人饋祭飯，而有红柿。都喜。問柿之來歷，且述己意。答曰：“亡父嗜柿，故每秋擇柿二百個，藏諸窟中，而至此五月，則完者不過七八。今得五十個完者，故心異之。是天感君孝。”遺以二十顆。都謝，出門外，虎尚俟伏。乘至家，曉雞喔喔。後母以天命終，都流血淚。

Đô thị gia bần chí hiếu , mại than mãi nhục , vô khuyết mẫu soạn . Nhứt nhứt , ư thị vãn nhi mang quy , diên hốt quặc nhục . Đô bi hiệu chí gia , diên ký đầu nhục ư đình . Nhứt nhứt , mẫu bệnh , tác phi thời chi hồng thị . Đô bàng hoàng thị lâm , bất giác nhứt hôn . Hữu hổ lữ già tiền lộ , dĩ thị thừa ý . Đô thừa chí bách dư lý san thôn , phỏng nhơn gia đầu túc . Nga nhi chủ nhơn quĩ tế phạn , nhi hữu hồng thị . Đô hĩ . Vãn thị chi lai lịch , thả thuật kỹ ý . Đáp viết : " Vong phụ thị (ham thích) thị , cố mỗi thu trạch thị nhị bách cá , tàng chư quật trung , nhi chí thử ngũ nguyệt , tắc hoàn giả bất quá thất bát . Kim đắc ngũ thập cá hoàn giả , cố tâm di chi . Thị thiên cảm quân hiếu . " Di dĩ nhị thập khỏa . Đô tạ , xuất môn ngoại , hổ thượng sĩ phục . Thừa chí gia , hiếu kê ác ác . Hậu mẫu dĩ thiên mệnh chung , đô lưu huyết lệ .

正己篇 第五 凡百十七條

Chánh Kỳ thiên đệ ngũ phàm 117 điều

《性理書》云：“見人之善而尋己之善，見人之惡而尋己之惡，如此方是有益。”

" Tính lý thư " vân : " kiến nhơn chi thiện nhi tầm kỷ chi thiện , kiến nhơn chi ác nhi tầm kỷ chi ác , như thử phương thị hữu ích . "

《景行錄》云：“不自重者取辱，不自畏者招禍。不自滿者受益，不自是者博聞。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " bất tự trọng giả thủ nhục , bất tự úy giả chiêu họa . Bất tự mãn giả thụ ích , bất tự thị giả bác văn . "

子曰：“君子不重則不威，學則不固。主忠信。”

Tử viết : " quân tử bất trọng tắc bất uy , học tắc bất cố . Chủ trung tín . "

《景行錄》云：“大丈夫當容人，無為人所容。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Đại trượng phu đương dung nhơn , vô vi nhơn sở dung . "

人資稟要剛，剛則有立。

Nhơn tư bẩm yếu cương , cương tắc hữu lập .

《素書》云：“釋己以教人者逆，正己以教人者順。”

素書：兵書名。舊題黃石公撰，宋張商英注。以道、德、仁、義、禮五者為主旨，取老子之說為注釋。

" Tố thư " vân : " Thích kỷ dĩ giáo nhơn giả nghịch , chính kỷ dĩ giáo nhơn giả thuận . "

Tố thư : binh thư danh . Cựu Đề Hoàng Thạch Công soạn , Tống Trương Thương Anh chú . Dĩ đạo , đức , nhơn , nghĩa , lễ ngũ giả vi chủ chỉ , thủ lão tử chi thuyết vi chú thích .

甦武曰：“不可以己之所能而責人之所不能，不可以己之所長而責人之所短。”

Tô vũ viết : " Bất khả dĩ kỷ chi sở năng nhi trách nhơn chi sở bất năng , bất khả dĩ kỷ chi sở trường nhi trách nhơn chi sở đoản . "

太公曰：“勿以貴己而賤人，勿以自大而蔑小，勿以恃勇而輕敵。”

Thái công viết : " Vật dĩ quý kỷ nhi tiệt nhơn , vật dĩ tự đại nhi miệt tiểu , vật dĩ thị dũng nhi khinh địch . "

魯共公曰：“以德勝人則強，以財勝人則凶，以力勝人則亡。”

Lỗ Cộng Công viết : " Dĩ đức thắng nhơn tắc cường , dĩ tài thắng nhơn tắc hung , dĩ lực thắng nhơn tắc vong . "

荀子曰：“以善先人者謂之教，以善和人者謂之順。以不善先人者謂之詔，以不善

和人者謂之諛。”

Tuân Tử viết : " Dĩ thiện tiên nhơn giả vị chi giáo , dĩ thiện hòa nhơn giả vị chi thuận . Dĩ bất thiện tiên nhơn giả vị chi siểm (nịnh, tung bốc) , dĩ bất thiện hòa nhơn giả vị chi du (nịnh hót). "

孟子曰：“以力服人者，非心服也。以德服人者，中心悅而誠服也。”

Mạnh Tử viết : " Dĩ lực phục nhơn giả , phi tâm phục dã . Dĩ đức phục nhơn giả , trung tâm duyệt nhi thành phục dã . "

太公曰：“見人善事，即須記之。見人惡事，即須掩之。”

Thái Công viết : " Kiến nhơn thiện sự , tức tu ký chi . Kiến nhơn ác sự , tức tu yểm (bỏ qua, tránh đi, che lấp) chi . "

孔子曰：“匿人之善，欺謂蔽賢；揚人之惡，欺謂小人。言人之善，若己有之；言人之惡，若己受之。”

Khổng Tử viết : " Nặc (trốn, dấu) nhơn chi thiện , khi vị tế hiền ; dương nhơn chi ác , khi vị tiểu nhơn . Ngôn nhơn chi thiện , nhược kỷ hữu chi ; ngôn nhơn chi ác , nhược kỷ thụ chi . "

馬援曰：“聞人過失，如聞父母之名，耳可得聞口不可得言也。”

Mã Viện viết : " Văn nhơn quá thất , như văn phụ mẫu chi danh , nhĩ khả đắc văn khẩu bất khả đắc ngôn dã . "

孟子曰：“言人之不善，當如後患何？”

Mạnh Tử viết : " Ngôn nhơn chi bất thiện , đương như hậu hoạn

hà ? "

康節邵先生曰：“聞人之謗未嘗怒，聞人之譽未嘗喜，聞人言人之惡未嘗和，聞人言人之善則就而和之，又從而喜之。故其詩曰：‘樂見善人，樂聞善事，樂行善意。聞人之惡，如負芒刺。聞人之善，如佩蘭蕙。’”

Khang Tiết Thiệu tiên sanh viết : " Văn nhơn chi báng vị thường nộ , văn nhơn chi dự vị thường hỉ , văn nhơn ngôn nhơn chi ác vị thường hòa , văn nhơn ngôn nhơn chi thiện tắc tự nhi hòa chi , hựu tùng nhi hỉ chi . Cổ ký Thi viết : Lạc kiến thiện nhơn , lạc văn thiện sự , lạc hành thiện ý . Văn nhơn chi ác , như phụ (cây) mang thứ . Văn nhơn chi thiện , như bội lan huệ . "

《詩》云：“心無妄思，足無妄走。人無妄交，物無妄受。”

" Thi " vân : " Tâm vô vọng tư , túc vô vọng tẩu . Nhơn vô vọng giao , vật vô vọng thụ . "

《近思錄》云：“遷善當如風之速，改過當如雷之烈。”

" Cận Tư Lục " vân : " Thiên thiện đương như phong chi tốc , cải quá đương như lôi chi liệt . "

子貢曰：“君子之過也，如日月之食焉。過也，人皆見之。更也，人皆仰之。”

Tử Cống viết : " Quân tử chi quá dã , như nhật nguyệt chi thực yên . "

Quá dã , nhơn giai kiến chi . Canh dã , nhơn giai ngưỡng chi "

知過必改，得能莫忘。

Tri quá tất cải , đắc năng mạc vong .

子曰：“過而不改，是謂過矣。”

Tử viết : " Quá nhi bất cải , thị vị quá hĩ . "

《直言訣》曰：“聞過不改，是謂過矣。愚者若駑馬也。駑馬自受鞭策，愚人終受燬捶，而不漸其駕也。”

" Trực Ngôn Quyết " viết : " Văn quá bất cải , thị vị quá hĩ . Ngu giả nhược nô mã dã . Nô mã tự thụ tiên sách , ngu nhơn chung thụ hủy chúy , nhi bất tiệm kỳ giá dã . "

道吾惡者是吾師，道吾好者是吾賊。

Đạo ngô ác giả thị ngô sư , đạo ngô hảo giả thị ngô tặc .

子曰：“三人行，必有我師焉。擇其善者而從之，其不善者而改之。”

Tử viết : " Tam nhơn hành , tất hữu ngã sư yên . Trạch kỳ thiện giả nhi **tùng** chi , kỳ bất thiện giả nhi cải chi . "

《景行錄》云：“寡言擇交，可以無悔吝，可以免憂辱。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Quả ngôn trạch giao , khả dĩ vô hối lận , khả dĩ miễn ưu nhục . "

太公曰：多言不益其體，百藝不忘其身。

Thái Công viết : " Đa ngôn bất ích kỳ thể , bách nghệ bất vong kỳ

thân . "

太公曰：“勤為無价之寶，慎是護身之符。
。”

Thái Công viết : "Cần vi vô giới chi bảo , thận thị hộ thân chi phù. "

《景行錄》云：“寡言則省謗，寡欲則保身。
。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Quả (ít) ngôn tắc tỉnh bàng , quả dục tắc bảo thân . "

《景行錄》云：“保生者寡欲，保身者避
名。無欲易，無名難。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Bảo sanh giả quả dục , bảo thân giả tị danh . Vô dục dị , vô danh nan . "

務名者，殺其身。多財者，殺其後。

Vụ danh giả , sát kỳ thân . Đa tài giả , sát kỳ hậu .

老子曰：“欲多傷神，財多累身。”

Lão Tử viết : " Dục đa thương thần , tài đa luy thân . "

胡文定公曰：“人須是一切世味，淡薄方
好，不要有富貴相。”

胡文定即胡安國（1074-1138），南宋經學家。

卒謚文定。撰《春秋傳》30卷。

Hồ Văn Định Công viết : " Nhơn tu thị nhứt thiết thế vị , đạm bạc phương hảo , bất yếu hữu phú quý tương . "

Hồ Văn Định Công tức Hồ An Quốc (1074-1138) , Nam Tống kinh học gia . Tốt thí Văn Định , soạn " Xuân Thu Truyện "30 quyển .

李端伯師說：“人於外物奉身者，事事要好。只有自家一個身與心，卻不要好。苟得外物好時節，卻不知道自家身與心，已自先不好了也。”

Lý Đoan Bá Sư thuyết : " Nhơn ư ngoại vật phụng thân giả , sự sự yếu hảo . Chỉ hữu tự gia nhứt cá thân dữ tâm , khước bất yếu hảo . Cầu đắc ngoại vật hảo thời tiết , khước bất tri đạo tự gia thân dữ tâm , dĩ tự tiên bất hảo liễu dã . "

《呂氏童蒙訓》（亦名《童蒙訓》，宋呂本中[1084-1145]著，三卷，采輯宋儒有關修身、治學、從政之言論，作為家塾訓蒙課本。）曰：“攻其惡，無攻人之惡。蓋自攻其惡，日夜自己點檢，絲毫不盡則慚於心矣，豈有工夫點檢他人耶？”

" Lữ Thị Đồng Mông Huấn " (diệc danh " Đồng Mông Huấn " , tổng lữ bản trung [1084-1145] trứ , tam quyển , thái tập tổng nho hữu quan tu thân , trị học , tùng chánh chi ngôn luận , tác vi gia thực huấn mông khóa bản .) viết : " Công kỳ ác , vô công nhơn chi ác . Cái tự công kỳ ác , nhứt dạ tự kỳ điểm kiểm , ti hào bất tận tắc vũ vu tâm hĩ , khởi hữu công phu điểm kiểm tha nhơn da ? "

子曰：“君子有三戒：少之時，血氣未定，戒之在色；及其壯也，血氣方剛，戒之在鬥；及其老也，血氣既衰，戒之在得。

”

Tử viết : " Quân tử hữu tam giới : thiếu chi thời , huyết khí vị định , giới chi tại sắc ; cập kỳ tráng dã , huyết khí phương cương , giới chi tại dẩu ; cập kỳ lão dã , huyết khí ký suy , giới chi tại đắc . "

孫真人《養生銘》：“怒甚偏傷氣，思多大損神。神疲心易役，氣弱病相縈。勿使悲歡極，當令飲食均。再三防夜醉，第一戒晨嗔。”

Tôn Chơn Nhơn " Dưỡng Sanh Minh " : " Nộ thậm thiên thương khí , tư đa đại tổn thần . Thần bì tâm dị dịch , khí nhược bệnh tương oanh . Vật sử bi hoan cực , đương lệnh ẩm thực quân . Tái tam phòng dạ túy , đệ nhứt giới thần sân . "

《景行錄》云：“節食養胃，清心養神。口腹不節，致疾之因。念慮不正，殺身之本。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Tiết thực dưỡng vị , thanh tâm dưỡng thần . Khẩu phúc bất tiết , trí tật chi nhơn . Niệm lự bất chánh , sát thân chi bản . "

子曰：“君子食無求飽，居無求安。”

Tử viết : " Quân tử thực vô cầu bão , cư vô cầu an . "

《脈訣》曰：“智者能調五臟和。”

" Mạch Quyết " viết : " Trí giả năng điều ngũ tạng hòa . "

吃食少添鹽醋，不是去處休去。要人知，

重勤學。怕人知，己莫作。

Cật thực thiếu thiêm diêm thổ , bất thị khứ xứ hựu khứ . Yếu nhơn tri , trọng cần học . Phạ nhơn tri , kỷ mạc tác .

若欲不知，除非莫為。

Nhược dục bất tri , trừ phi mạc vi .

老子曰：“欲人不知，莫若無為。欲人不言，莫若不為。”

Lão Tử viết : " Dục nhơn bất tri , mạc nhược vô vi . Dục nhơn bất ngôn , mạc nhược bất vi . "

《景行錄》云：“食淡精神爽，心清夢寐安。”

" Cảnh Hàng Lục " Vân : " Thực đạm tinh thần sảng , tâm thanh mộng寐 an . "

老子曰：“人能常清靜，天地悉皆歸。”

Lão Tử viết : " Nhơn năng thường thanh tĩnh , thiên địa tất giai quy . "

道高龍虎伏，德重鬼神欽。

Đạo cao long hổ phục , đức trọng quỷ thần khâm .

甦黃門

曰：“衣冠佩玉，可以化強暴；深居簡出，可以卻猛獸；定心寡欲，可以服鬼神。”

甦黃門應為甦轍 [1039-1112] 宋代散文家. 宋哲宗時曾任門下侍郎. 此官職秦漢時稱黃門侍郎.

Tô Hoàng Môn viết : " Y quan bội ngọc , khả dĩ hóa cường bạo ; thâm cư giản xuất , khả dĩ khước mãnh thú ; định tâm quả dục , khả dĩ phục quỷ thần . "

Tô Hoàng Môn ứng vi Tô Triệt [1039-1112] , Tổng đại tẩn văn gia . Tổng triết tông thời tăng nhiệm môn hạ thị lang . Thử quan chức tẩn hán thời xưng hoàng môn thị lang .

荀子曰：“積土成山，風雨興焉。積水成淵，蛟龍生焉。積善成德，而神明自得，聖心循焉。”

Tuân Tử viết : " Tích thổ thành san , phong vũ hưng yên . Tích thủy thành uyên , giao sanh yên . Tích thiện thành đức , nhi thần minh tự đắc , thánh tâm tuần yên . "

正己篇 第五 凡百十七條

Chính Kỵ thiên đệ ngũ phạm bách thập thất điều

《性理書》云：“修身之要：言忠信，行篤敬，懲忿窒欲，遷善改過。”

" Tính Lý Thư " vân : " Tu Thân chi yếu : ngôn trung tín , hành đốc kính , trừng phẫn trất dục , thiên thiện cải quá . "

《景行錄》云：“凡修身為學，不在文字言語中，只平日待人接物便是。取非其有謂之盜，欲非其有謂之賊。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Phạm tu thân vi học , bất tại văn tự

ngôn ngữ trung , chỉ bình nhựt đãi nhơn tiếp vật tiện thị . Thử phi kỳ hữu vị chi đạo , dục phi kỳ hữu vị chi tặc . "

太公曰：“修身莫若敬，避強莫若慎。”

Thái Công viết : " Tu thân mạc nhược kính , tị cường mạc nhược thận . "

《景行錄》云：“定心應物，雖不讀書，可以為有德君子。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Định tâm ứng vật , tuy bất độc thư , khả dĩ vi hữu đức quân tử . "

《禮記》曰：“君子奸聲亂色不留聰明。淫樂匿禮不接心術。惰慢邪辟之氣不設於身體。使耳目鼻口心知百體，皆由順正以行正義。”

" Lễ Ký " viết : " Quân tử gian thanh loạn sắc bất lưu thông minh . Dâm lạc nặc lễ bất tiếp tâm thuật . Nọa mạn tà tích chi khí bất thiết ư thân thể . Sữ nhĩ mục khẩu tâm tri bách thể , giai do thuận chánh dĩ hành chính nghĩa . "

古人克己以避名，今人飾己以要譽。

Cổ nhơn khắc kỷ dĩ tị danh , kim nhơn sức kỷ dĩ yếu dự .

君子則無古今無治無亂，出則忠，入則孝，用則智，舍則愚。

Quân tử tắc vô cổ kim vô trị vô loạn , xuất tắc trung , nhập tắc hiếu , dụng tắc trí , xá tắc ngu .

老子曰：“萬般求生，不如修身。千般求生，不如禁口。”

Lão Tử viết : " Vạn bản cầu sanh , bất như tu thân . Thiên bản cầu sanh , bất như cấm khẩu . "

太公曰：“身須擇行，口須擇言。”

Thái Công viết : " Thân tu trạch hạnh , khẩu tu trạch ngôn . "

《直言訣》曰：“治家治身者，猶如構屋者先固基址。立身者先要其德行，成家者先要其產業。治家者須葺其房屋，舍修可以庇人物，立身可以奉神明。全家可以安長幼，治國可以保君子。若基址不實，屋必崩裂。心行若虐，身體危辱，家必喪亡。百姓離亂，國必傾墜，君臣何保？家若喪亡，長幼何托？身若危辱，神明何安？摧崩房屋，人物何庇？成敗如斯，孰可察也？”

" Trục Ngôn Quyét " viết : " Trì gia trì thân giả , do như cấu ốc giả tiên cố cơ chỉ . Lập thân giả tiên yếu kỳ đức hạnh , thành gia giả tiên yếu kỳ sản nghiệp . Trì gia giả tu tập kỳ phòng ốc , xá tu khả dĩ tí nhưn vật , lập thân khả dĩ phụng thần minh . Toàn gia khả dĩ an trường ấu , trì quốc khả dĩ bảo quân tử . Nhược cơ chỉ bất thật , ốc tất băng liệt . Tâm hành nhược ngược , thân thể nguy nhục , gia tất táng vong . Bách tính ly loạn , quốc tất khuynh trụ , quân thần hà bảo ? Gia nhược táng vong , trường ấu hà thác ? Thân nhược nguy nhục , thần minh hà an ? Tồi băng phòng ốc , nhưn vật hà tí ? Thành bại như tư , thực khả sát dã ? "

《警身錄》云：“聖世獲生乎，始覺寸陰勝尺璧，豈不去邪從正，惜身重命？如人未歷於事，當明根葉之異，禍福之殊。根葉者，賢良篤行信為本，正直剛毅枝葉也。父母己身性為本，妻子財物枝葉也。一家之內糧為本，不急之物枝葉也。免辱免刑仁為本，倚財靠勢枝葉也。疾病欲痊藥為本，信卜巫醫枝葉也。萬事無過實為本，巧言裝飾枝葉也。恩親賢良敬為本，私好之人枝葉也。衣食飽暖業為本，浮盪之財枝葉也。為官治訟法為本，恣意擬斷枝葉也。是故有根無葉可以待時，有葉無根甘雨所不能滋也。若務本業勤謹儉用，隨時知足，孝養父母，誠於靜閒，守分安身，遠惡近善，知過必改，善調五臟，以避寒暑，不必問命，此真福也。”

" Cảnh Thân Lục " vân : " Thánh thế hoạch sanh hồ , thủy giác thốn âm thắng xích bích , khởi bất khứ tà tùng chánh , tích thân trọng mệnh ? Như nhưn vị lịch ư sự , đương minh căn hiệp chi dĩ , họa phúc chi thù . Căn hiệp giả , hiền lương đốc hành tín vi bản , chính trực cương nghị chi hiệp dã . Phụ mẫu kỳ thân tính vi bản , thể tử tài vật chi hiệp dã . Nhưn gia chi nội lương vi bản , bất cấp chi vật chi hiệp dã . Miễn nhục miễn hình nhưn vi bản , ý tài khoáng thể chi hiệp dã . Tật bệnh dục thuyên dược vi bản , tín bốc vu (đồng cốt) y chi hiệp dã . Vạn sự vô quá thật vi bản , hảo ngôn

trang sức chi hiệp dã . Ân thân hiền lương kính vi bổn , tư hào chi nhơn chi hiệp dã . Y thực bão noãn nghiệp vi bổn , phù đấng chi tài chi hiệp dã . Vi quan tri tụng pháp vi bổn , tứ ý nghĩ đoạn chi hiệp dã . Thị cố hữu căn vô hiệp khả dĩ đãi thời , hữu hiệp vô căn cam vũ sở bất năng tư dã . Nhược vụ bổn nghiệp cần cần kiệm dụng , tùy thời tri túc , hiếu dưỡng phụ mẫu , thành ư tĩnh gian , thủ phân an thân , viễn ác cận thiện , tri quá tất cải , thiện điều ngũ tạng , dĩ tị hàn thử , bất tất vấn mệnh , thử chơn phúc dã . "

《景行錄》云：“禍莫大於從己之欲，惡莫甚於言人之非。”

" Cảnh Hành Lục " vân : " Họa mạc đại ư tùng kỷ chi dục , ác mạc thậm ư ngôn nhơn chi phi . "

子曰：“君子欲訥於言，而敏於行。”

Tử viết : " quân tử dục nột ư ngôn (nói chậm rãi) , nhi mẫn ư hành (làm nhanh nhẹn). "

甦武曰：“一言之益，重於千金。一行之虧，毒如蛇蝎。”

Tô Vũ viết : " Nhứt ngôn chi ích , trọng ư thiên kim . Nhứt hành chi khuỵ , độc như xà hạp . "

《近思錄》云：“懲忿如救火，窒欲如防水。”

" Cận Tư Lục " vân : " Trừng (tri) phẫn như cứu hỏa , trất (dập, lấp) dục như phòng thủy . "

《夷堅志》云：“避色如避仇，避風如避箭。莫吃空心茶，少食中夜飯。”

宋洪邁著。書中所述多為神怪故事。

" Di Kiên Chí " vân : " tị sắc như tị cừu , tị phong như tị tiễn . Mạc cật không tâm trà , thiểu thực trung dạ phạn . "

Tổng Hồng Mai trứ . Thư trung sở thuật đa vi thần quái cổ sự .

利不苟貪終禍少，事能常忍得身安。頻浴身安頻欲病，學道無憂學道難（重刊本作“學盜憂”。）。

Lợi bất cầu tham chung họa thiểu , sự năng thường nhẫn đắc thân an . Tần dục thân an tần dục bệnh , học đạo vô ưu học đạo nan (trùng san bổn tác " Học Đạo Ưu " .) .

太公曰：“貪心害己，利口傷身。”

Thái Công viết : " Tham tâm hại kỷ , lợi khẩu thương thân . "

《景行錄》云：“聲色者，敗德之具。思慮者，殘生之本。”

" Cảnh Hành Lục " vân : " Thanh sắc giả , bại đức chi cụ . Tư lự giả , tàn sanh chi bổn . "

荀子曰：“無用之辨，不急之察，棄而不治。若夫君臣之義，父子之親，夫婦之別，則日切磋而不舍也。”

Tuân tử viết : " vô dụng chi biện , bất cấp chi sát , khí nhi bất trì . Nhược phu quân thần chi nghĩa , phụ tử chi thân , phu phụ chi

biệt , tắc nhứt thiết tha nhi bất xá dã . "

子曰：“眾好之，必察焉。眾惡之，必察焉。”

Từ viết : " Chúng hảo chi, tất sát yên . Chúng ác chi, tất sát yên . "

太甲商王，成湯孫。曰：“天作孽猶可違，自作孽不可活。此之謂也。”

Thái Giáp Thương Vương , Thành Thang tôn viết : " Thiên tác nghiệt do khả vi , tự tác nghiệt bất khả hoạt . Thử chi vị dã . "

《景行錄》云：“聞善言則拜，告有過則喜，有聖賢氣象。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Văn thiện ngôn tắc bái , cáo hữu quá tắc hĩ , hữu thánh hiền khí tượng . "

子路聞過則喜，禹聞善言則拜。

Tử Lộ văn quá tắc hĩ , Vũ văn thiện ngôn tắc bái .

節孝徐先生訓學者曰：“諸君欲為君子，而使勞己之力，費己之財，如此而不為君子，猶可也。不勞己之力，不費己之財，諸君何不為君子？鄉人賤之，父母惡之，如此而不為君子，猶可也。父母欲之，鄉人榮之，諸君何不為君子？”

Tiết Hiếu Từ tiên sanh huấn học giả viết : " Chư quân dục vi quân tử , nhi sử lao kỷ chi lực , phí kỷ chi tài , như thử nhi bất vi quân tử , do khả dã . Bất lao kỷ chi lực , bất phí kỷ chi tài , chư quân hà

bất vi quân tử ? Hương nhơn tiện chi , phụ mẫu ố chi , như thử nhi bất vi quân tử , do khả dã . Phụ mẫu dục chi , hương nhơn vinh chi , chư quân hà bất vi quân tử ? "

《論語》曰：“夫子時然後言，人不厭其言；樂然後笑，人不厭其笑；義然後取，人不厭其取。”

" Luận Ngữ " viết : " Phu tử thời nhiên hậu ngôn , nhơn bất yếm kỳ ngôn ; lạc nhiên hậu tiếu , nhơn bất yếm kỳ tiếu ; nghĩa nhiên hậu thủ , nhơn bất yếm kỳ thủ . "

酒中不語真君子，財上分明大丈夫。

Tửu trung bất ngữ chơn quân tử , tài thượng phân minh đại trượng phu .

《大學》云：“富潤屋，德潤身。”

" Đại học " vân : " Phú nhuận ốc , đức nhuận thân . "

宁可正而不足，不可邪而有余。

Trữ khả chánh nhi bất túc , bất khả tà nhi hữu dư .

《景行錄》云：“為人要忠厚，若刻悛太甚，不肖之子，應之矣。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Vi nhơn yếu trung hậu , nhược khắc thuần thái thậm , bất tiếu chi tử , ứng chi hĩ . "

德勝財為君子，財勝德為小人。

Đức thắng tài vi quân tử , tài thắng đức vi tiểu nhơn .

子曰：“良藥苦口利於病，忠言逆耳利於行。”

Tử viết : " Lương dược khổ khẩu lợi ư bệnh , trung ngôn nghịch nhĩ lợi ư hạnh . "

作福不如避罪，避禍不如省非。

Tác phúc bất như tị tội , tị họa bất như tỉnh phi .

成人不自在，自在不成人。

Thành nhơn bất tự tại , tự tại bất thành nhơn .

子貢曰：“君子有三恕。有君不能事，有人而求其使，非恕也；有親不能報，有子而求其孝，非恕也；有兄不能敬，有弟而求其聽令，非恕也。士明於此三恕，則可以端身矣。”

Tử Cống viết : " Quân tử hữu tam thứ . Hữu quân bất năng sự , hữu nhơn nhi cầu kỳ sử , phi thứ dã ; hữu thân bất năng báo , hữu tử nhi cầu kỳ hiếu , phi thứ dã ; hữu huynh bất năng kính , hữu đệ nhi cầu kỳ thính lệnh , phi thứ dã . Sĩ minh ư thứ tam thứ , tắc khả dĩ đoan thân hĩ . "

老子曰：“自見者不明，自足者不彰，自伐者無功，自務者不長。”

Lão tử viết : " tự kiến giả bất minh , tự túc giả bất chương , tự phạt giả vô công , tự vụ giả bất trường . "

劉會曰：“積谷帛者，不憂饑寒；積道德

者，不畏凶邪。”

Lưu Hội viết : " Tích cốc bạch giả , bất ưu cơ hàn ; tích đạo đức giả , bất úy hung tà . "

太公曰：“欲德量他人，先須自量。傷人之語，還是自傷。含血噴人，先汙自口。”

Thái Công viết : " Dục đức lượng tha nhơn , tiên tu tự lượng . Thương nhơn chi ngữ , hoàn thị tự thương . Hàm huyết phún nhơn , tiên ô tự khẩu . "

老子曰：“大辯若訥，大巧若拙。澄心清淨，可以安神。讒口多言，自亡其身。”

Lão Tử viết : " Đại biện nhược nột , đại xảo nhược chuyết . Trùng tâm thanh tịnh , khả dĩ an thần . Sàm khẩu đa ngôn , tự vong kỳ thân . "

太公曰：“貧而雜懶，富而雜力。”

Thái Công viết : " Bần nhi tạp lười , phú nhi tạp lực . "

孔子食不語，寢不言。

Khổng tử thực bất ngữ , tẩm bất ngôn .

《論語》曰：“寢不尸，居不容。”

" Luận Ngữ " viết : " Tẩm bất thi , cư bất dung . "

荀子曰：“良農不為水旱不耕，良賈不為折閱不市，君子不為貧窮怠乎道體。”

折閱：減低售價，這裡指虧損。閱：賣。

Tuân Tử viết : "Lương nông bất vi thủy hạn bất canh , lương cổ bất vi chiết duyệt bất thị, quân tử bất vi bản cùng đãi hồ đạo thể."

chiết duyệt : giảm đề thụ giới , giá lý chỉ khuy tổn . Duyệt : mại .

孟子曰：“飲食之人，則人賤之矣，為其養小而失大也。”

Mạnh Tử viết : " ẩm thực chi nhơn , tắc nhơn tiện chi hĩ , vi kỳ dưỡng tiểu nhi thất đại dã . "

凡戲無益，惟勤有功。

Phàm hí vô ích , duy cần hữu công .

太公曰：“瓜田不納履，李下不整冠。”

Thái Công viết : " Qua điền bất nạp lý , lý hạ bất chỉnh quan . "

孟子曰：“愛人不親反其仁，治人不治反其智，禮人不答反其敬。”

Mạnh Tử viết : " Ái nhơn bất thân phản kỳ nhơn , trị nhơn bất trị phản kỳ trí , lễ nhơn bất đáp phản kỳ kính . "

《景行錄》云：“自滿者敗，自矜者愚，自賊者忍。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Tự mãn giả bại , tự căng giả ngu , tự tặc giả nhẫn . "

太公曰：“家中有惡外已知之，身有德行人自稱傳。”

Thái Công viết : " Gia trung hữu ác ngoại dĩ tri chi , thân hữu đức hạnh nhơn tự xưng truyền . "

人非賢莫交，物非義莫取，忿非善莫舉，事非是莫說。謹則無憂，忍則無辱，靜則常安，儉則常足。

Nhơn phi hiền mạc giao , vật phi nghĩa mạc thủ , phẫn phi thiện mạc cử , sự phi thị mạc thuyết . Cẩn tắc vô ưu , nhẫn tắc vô nhục , tĩnh tắc thường an , kiệm tắc thường túc .

《曲禮》曰：“傲不可長，欲不可縱，志不可滿，樂不可極。”

" Khúc Lễ " viết : " Ngạo bất khả trường , dục bất khả túng , chí bất khả mãn , lạc bất khả cực . "

《素書》云：“行足以為儀表，智足以決嫌疑，信可以守約，廉可以分財。”

" Tố Thư " Vân : " Hành túc dĩ vi nghi biểu , trí túc dĩ quyết hiềm nghi , tín khả dĩ thủ ước , liêm khả dĩ phân tài . "

《景行錄》云：“心可逸，形不可不勞；道可樂，身不可不憂。形不勞，則怠惰易蔽；身不憂，則荒淫不定。故逸生於勞而常休，樂生於憂而無厭。逸樂者，憂勞其可忘乎？”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Tâm khả dật , hình bất khả bất lao ; đạo khả lạc , thân bất khả bất ưu . Hình bất lao , tắc đãi nọa dịch tế ; thân bất ưu , tắc hoang dâm bất định . Cố dật sanh ư lao nhi thường hưu , lạc sanh ư ưu nhi vô yếm . Dật lạc giả , ưu lao kỳ khả vong hồ ? "

心無諂曲，與霹靂同居。

Tâm vô siểm khúc , dữ phích lịch đồng cư .

耳不聞人之非，目不視人之短，口不言人之過，庶幾君子。

Nhĩ bất văn nhơn chi phi , mục bất thị nhơn chi đoản , khẩu bất ngôn nhơn chi quá , thứ kỹ quân tử .

門內有君子，門外君子至。門內有小人，門外小人至。

Môn nội hữu quân tử , môn ngoại quân tử chí . Môn nội hữu tiểu nhơn , môn ngoại tiểu nhơn chí .

太公曰：“一行有失，百行俱傾。”

Thái Công viết : " Nhứt hạnh hữu thất , bách hạnh câu khuynh . "

《素書》云：“短莫短於苟得，孤莫孤於自恃。”

"Tố Thư" vân : "Đoản mạc đoản vu cầu đắc , cô mạc cô vu tự thị."

老子曰：“鑒明者，塵埃不能汙；神清者，嗜欲豈能膠？”

Lão Tử viết : " Giám minh giả , trần ai bất năng ô ; thần thanh giả , thị dục khởi năng giao ? "

《書》云：“不矜細行，終累大德。”

" Thư " vân : " Bất căng tế hành , chung luy đại đức . "

一星之火，能燒萬頃之薪；半句非言，誤損平生之德。

Nhứt tinh chi hỏa , năng thiêu vạn khoảnh chi tân ; bán cú phi ngôn , ngộ tổn bình sanh chi đức .

子曰：“君子泰而不驕，小人驕而不泰。”

Tử viết : " quân tử thái nhi bất kiêu , tiểu nhơn kiêu nhi bất thái . "

荀子曰：“聰明聖智，不以窮人；濟給速通，不爭先人；剛毅勇敢，不以傷人。不知則問，不能則學。雖能必讓，然後為德。”

Tuân Tử viết : " Thông minh thánh trí , bất dĩ cùng nhơn ; tế cấp tốc thông , bất tranh tiên nhơn ; cương nghị dũng cảm , bất dĩ thương nhơn . Bất tri tắc vấn , bất năng tắc học . Tuy năng tất nhượng , nhiên hậu vi đức . "

《賢士傳》曰：“色不染無所穢，財不貪無所害，酒不貪無所觸。不輕他自厚，不屈他自安，心平則無怨惡。”

" Hiền Sĩ Truyện " viết : " Sắc bất nhiễm vô sở uế , tài bất tham vô sở hại , tửu bất tham vô sở xúc . Bất khinh tha tự hậu , bất khuất tha tự an , tâm bình tắc vô oán ác . "

老子曰：“聖人積德不積財，執道全身，執利招害。”

Lão Tử viết : " Thánh nhơn tích đức bất tích tài , chấp đạo toàn

thân , chấp lợi chiêu hại . "

蔡伯皆曰：“喜怒在心，言出於口，不可不慎也。”

蔡伯皆即蔡伯喈，蔡邕 [133-192]，東漢文學家、書法家。

Thái Bá Giai viết : " Hỉ nộ tại tâm , ngôn xuất ư khẩu , bất khả bất thận dã . "

Thái Bá Giai tức Thái Bá Dê , Thái Ung [133-192] , Đông Hán văn học gia , thư pháp gia .

衛伯曰：“寬惠博愛，敬身之基；勤學者，立身之本。”

Vệ Bá viết : " Khoan huệ bác ái , kính thân chi cơ ; cần học giả , lập thân chi bản . "

子曰：“身居富貴而能下人者，故何人而不與富貴？身居人上而能愛敬者，何人而敢不愛敬？身居權職所以嚴肅者，何人而敢不畏懼也？發言而古，動止合規，何人敢違命者也？”

Tử viết : " Thân cư phú quý nhi năng hạ nhơn giả , cố hà nhơn nhi bất dĩ phú quý ? Thân cư nhơn thượng nhi năng ái kính giả , hà nhơn nhi cảm bất ái kính ? Thân cư quyền chức sở dĩ nghiêm túc giả , hà nhơn nhi cảm bất úy cụ dã ? Phát ngôn nhi cổ , động chỉ hiệp quy , hà nhơn cảm vi mệnh giả dã ? "

《顏氏家訓》曰：“借人典籍，不可損壞

而不還，皆須愛護，凡有缺壞就為補治，此亦士大夫百行之一也。”

顏氏家訓: 北齊文學家顏之推 [531-590] 所著，共有七卷二十類，是隋之前教子學的集大成著作。

" Nhan Thị Gia Huấn " viết : " Tá nhơn điển tịch , bất khả tổn khôi nhi bất hoàn , giai tu ái hộ , phạm hữu khuyết khôi tự vi bổ trì , thử diệc sĩ đại phu bách hành chi nhất dã . "

Nhan Thị Gia Huấn : Bắc văn học gia Nhan Chi Thôi [531-590] sở trứ , cộng hữu thất quyển nhị thập loại , thị tùy chi tiền giáo tử học đích tập đại thành trứ tác .

宰予晝寢。子曰：“朽木不可雕也，糞土之牆不可汙也。”

Tể dư trú tẩm . Tử viết : " Hủ mộc bất khả điêu dã , phản thổ chi tường bất khả ô dã . "

紫虛元君戒諭心文：“福生於清儉，德生於卑退。道生於安樂，命生於和暢。患生於多欲，禍生於多貪。過生於輕慢，罪生於不仁。戒眼莫視他非，戒口莫談他短，戒心莫恣貪嗔，戒身莫隨惡伴。無益之言莫妄說，不干己事莫妄為。默默默，無限神仙從此得；饒饒饒，千災萬禍一齊消。忍忍忍，債主冤家從此盡；休休休，蓋世功名不自由。尊君王，孝父母，敬尊長，奉有德，別賢愚，恕無識。物順來而勿拒

，物既放而勿追。身未遇而勿望，事已過而勿思。聰明多暗昧，算計失便宜。損人終自失，倚勢禍相隨。戒之在心，守之在志。為不節而亡家，因不廉而失位。勸君自警，於平生可懼可驚而可畏。上臨之以天神，下察之以地祇。明有王法相繼，暗有鬼神相隨。惟正可守，心不可欺。戒之！戒之！”

Tử Hư Nguyên Quân Giới Dụ Tâm văn : " Phúc sanh ư thanh kiệm , đức sanh ư ti thối . Đạo sanh ư an lạc , mệnh sanh ư hòa sướng . Hoạn sanh ư đa dục , họa sanh ư đa tham . Quá sanh ư khinh mạn , tội sanh ư bất nhơn . Giới nhân mạc thị tha phi , giới khẩu mạc đàm tha đoản , giới tâm mạc tứ tham sân , giới thân mạc tùy ác bạn . Vô ích chi ngôn mạc vọng thuyết , bất can kỷ sự mạc vọng vi . Mặc mặc mặc , vô hạn thần tiên tòng thử đắc ; nhiều nhiều nhiều , thiên tai vạn họa nhưt tiêu . Nhẫn nhẫn nhẫn , trái chủ oan gia tòng thử tận ; hưu hưu hưu , cái thể công danh bất tự do . Tôn quân vương , hiếu phụ mẫu , kính tôn trường , phụng hữu đức , biệt hiền ngu , thứ vô thức . Vật thuận lai nhi vật cự , vật ký phóng nhi vật truy . Thân vị ngộ nhi vật vọng , sự dĩ quá nhi vật tư . Thông minh đa ám muội , toán kế thất tiện nghi . Tồn nhơn chung tự thất , ý thể họa tương tùy . Giới chi tại tâm , thủ chi tại chí . Vi bất tiết nhi vong gia , nhơn bất liêm nhi thất vị . Khuyển quân tự cảnh , ư bình sanh khả cụ khả kinh nhi khả úy . Thượng lâm chi dĩ thiên thần , hạ sát chi dĩ địa kì . Minh hữu vương pháp tương kế , ám hữu quỷ thần tương tùy . Duy chánh khả thủ , tâm bất khả khi . Giới chi ! Giới chi ! "

孟子曰：“世俗所謂不孝者五：惰其四肢，不顧父母之養，一不孝也；博奕好飲酒，

不顧父母之養，二不孝也；好貨財，私妻子，不顧父母之養，三不孝也；從耳目之欲，以為父母戮，四不孝也；好勇斗狠，以危父母，五不孝也。”

Manh Tử viết : " Thế tục sở vị bất hiếu giả ngũ : nọa kỳ tứ chi bất cố phụ mẫu chi dưỡng , nhưt bất hiếu dã ; bác dịch hảo ẩm tửu , bất cố phụ mẫu chi dưỡng , nhị bất hiếu dã ; hảo hóa tài , tư thê tử , bất cố phụ mẫu chi dưỡng , tam bất hiếu dã ; tòng nhĩ mục chi dục , dĩ vi phụ mẫu lục , tứ bất hiếu dã ; hiếu dũng đấu ngoan , dĩ nguy phụ mẫu , ngũ bất hiếu dã . "

先儒曰：“未能植己，何以耘人？”

Tiên Nho viết : " Vị năng thực kỷ , hà dĩ vân nhơn ? "

先儒曰：“妍丑不可太明，議論不可務盡。情勢不可殫竭，好惡不可驟施。”

Tiên Nho viết : " Nghiên sửu bất khả thái minh , nghị luận bất khả vụ tận . Tình thế bất khả đạn kiệt , hiếu ác bất khả sậu thi . "

責人之非，不如行己之是。揚己之是，不如克己之非。

Trách nhơn chi phi , bất như hành kỷ chi thị . Dương kỷ chi thị , bất như khắc kỷ chi phi .

責備他人的不對之處，不如去做自己認為對的事情。張揚自己對的方面，不如克服自己不對的地方。

Trách bị tha nhơn đích bất đối chi xứ , bất như khứ tổ tự kỷ nhậ

vi đối địch sự tình . Trương dương tự kỷ đối địch phương diện ,
bất như khắc phục tự kỷ bất đối địch địa phương .

安分篇 第六 凡十八條

An Phận thiên đệ lục phạm thập bát điều

《景行錄》云：“知足可樂，多貪則憂。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Tri túc khả lạc , đa tham tắc ưu . "

知足者貧賤亦樂，不知足者富貴亦憂。

Tri túc giả bần tiện diệc lạc , bất tri túc giả phú quý diệc ưu .

知足常足，終身不辱。知止常止，終身不
恥。

Tri túc thường túc , chung thân bất nhục . Tri chỉ thường chỉ ,
chung thân bất sỉ .

將上不足，比下有余。

Tương thượng bất túc , tỉ hạ hữu dư .

若比向下，生無有不足者。

Nhược tỉ hướng hạ , sanh vô hữu bất túc giả .

《擊壤詩》云：“安分身無辱，知機心自
閒。雖居人世上，卻是出人間。”

" Kịch Nhưỡng Thi " vân : " An phận thân vô nhục , tri cơ tâm tự
gian . Tuy cư nhơn thế thượng , khước thị xuất nhơn gian . "

《神童詩》云：“壽夭莫非命，窮通各有

時。迷途空役役，安分是便宜。”

《神童詩》又名《幼學詩》，中國古時的蒙學
課本。北宋汪洙撰。內容多屬贊頌讀書做官。

" Thần Đồng Thi " vân : " Thọ yêu mạt phi mệnh , cùng thông các
hữu thời . Mê đồ không dịch dịch , an phân thị tiện nghi . "

" Thần Đồng Thi " hựu danh " Ấu Học Thi " , Trung quốc cổ thời
đích " Mông Học Khóa Bản " . Bắc Tống Ưng Thủ soạn . Nội
dung đa thuộc tán tụng độc thư tổ quan .

子曰：“富與貴，是人之所欲也。不以其
道得之，不處也。貧與賤，是人之所惡也
，不以其道得之，不去也。”

Tử viết : " Phú dữ quý , thị nhơn chi sở dục dã . Bất dĩ kỳ đạo đắc
chi , bất xử dã . Bần dữ tiện , thị nhơn chi sở ố dã , bất dĩ kỳ đạo
đắc chi , bất khứ dã . "

不義而富且貴，於我如浮云。

Bất nghĩa nhi phú thả quý , ư ngã như phù vân .

老子曰：“知其榮，守其辱。”

Lão Tử viết : " Tri kỳ vinh , thủ kỳ nhục . "

荀子曰：“自知者不怨人，知命者不怨天
。怨人者窮，怨天者無志。失之己，反之
人，豈不亦迂哉！”

Tuân Tử viết : " Tự tri giả bất oán nhơn , tri mệnh giả bất oán
thiên . Oán nhơn giả cùng , oán thiên giả vô chí . Thất chi kỷ ,
phản chi nhơn , khởi bất diệc vu tai ! "

榮辱之大分，安危利害之常體，先義而後利者榮，先利而後義者辱。榮者常通，辱者常窮。通者常制人，窮者常制於人，是榮辱之大分也。

Vinh nhục chi đại phận , an nguy lợi hại chi thường thể , tiên nghĩa nhi hậu lợi giả vinh , tiên lợi nhi hậu nghĩa giả nhục . Vinh giả thường thông , nhục giả thường cùng . Thông giả thường chế nhơn , cùng giả thường chế ư nhơn , thị vinh nhục chi đại phận dã .

命合吃粗食，莫思重囉面。

Mệnh hiệp cật thô thực , mạc tư trọng la diện .

量其所入，度其所出。

Lượng kỳ sở nhập , độ kỳ sở xuất .

子曰：“君子固窮，小人窮斯濫矣。”

Tử viết : " quân tử cố cùng , tiểu nhơn cùng tư lạm hĩ . "

省吃省用省求人。

Tỉnh cật tỉnh dụng tỉnh cầu nhơn .

汪信民常言：“人常咬得菜根，則百事可為。”

Uông Tín Dân thường ngôn : " Nhơn thường giảo đắc thái căn , tắc bách sự khả vi . "

《中庸》云：“素富貴，行乎富貴；素貧賤，行乎貧賤；素夷狄，行乎夷狄；素患

難，行乎患難。”

" Trung Dung " vân : " Tố phú quý , hành hồ phú quý ; tố bản tiện , hành hồ bản tiện ; tố di địch , hành hồ di địch ; tố hoạn nan , hành hồ hoạn nan . "

子曰：“不在其位，不謀其政。”

Tử viết : " Bất tại kỳ vị , bất mưu kỳ chánh . "

先儒曰：“休怨我不如人，不如我者尚眾。休夸我能勝人，勝如我者更多。”

Tiên Nho viết : " Hưu oán ngã bất như nhơn , bất như ngã giả thượng chúng . Hưu khoa ngã năng thắng nhơn , thắng như ngã giả cánh đa . "

人勝我無害，彼無蓄怨之心。我勝人非福，恐有不測之禍。

Nhơn thắng ngã vô hại , bỉ vô súc oán chi tâm . Ngã thắng nhơn phi phúc , khủng hữu bất trắc chi họa .

過分求福适以速禍，安分遠禍將自得福。

Quá phần cầu phúc quất dĩ tốc họa , an phận viễn họa tương tự đắc phúc .

人只把不如我者較量，則自知足。

Nhơn chỉ bả bất như ngã giả giảo lượng , tắc tự tri túc .

二眉曙青朱先生曰：“天下富貴貧賤俱有個真實受用。閉戶心無所營，何事掃除開

門？活水青山，見在繁華，凡得天地之正氣者，俱能悅吾之目，盈吾之耳，適吾之口，克吾之腹。動容周旋，莫不為我開設；隨緣取用，何曾有意收放。異乎人者，視聽言動；同乎人者，眼耳口鼻。其心可富，天下貧者終不患貧；此心可壽，天下夭者終不患夭。只管不出戶庭，功德遍及大千。至若妻子田宅，日前安乎本分，身後聽其自然。”

Nhị My Thụ Thanh Chu tiên sanh viết : " Thiên hạ phú quý bản tiền câu hữu cá chơn thật thụ dụng . Bế hộ tâm vô sở doanh , hà sự tảo trừ khai môn ? Hoạt thủy thanh san , kiến tại phồn hoa , phàm đắc thiên địa chi chính khí giả , câu năng duyệt ngô chi mục , doanh ngô chi nhĩ , quát ngô chi khẩu , khắc ngô chi phúc . Động dung chu toàn , mạc bất vi ngã khai thiết ; tùy duyên thủ dụng , hà tăng hữu ý thu phóng . Di hồ nhơn giả , thị thính ngôn động ; đồng hồ nhơn giả , nhĩn nhĩ khẩu . Kỳ tâm khả phú , thiên hạ bản giả chung bất hoạn bản ; thủ tâm khả thọ , thiên hạ yêu giả chung bất hoạn yêu . Chỉ quản bất xuất hộ đình , công đức biến cập đại thiên . Chí nhược thê tử điền trạch , nhựt tiền an hồ bản phận , thân hậu thính kỳ tự nhiên . "

△△△

濫想徒傷神，妄動反致禍。

Lạm tưởng đồ thương thần , vọng động phản trí họa .

《書》曰：“滿招損，謙受益。”

" Thư " viết : " Mãn chiêu tổn , khiêm thụ ích . "

印觀賣綿於市。有署調者以谷買之而還。有鳶攫其綿墮印觀家。印觀取歸市署調曰：“鳶墮汝綿於吾家，故還汝。”署調曰：“鳶攫綿與汝，天也。吾何為受？”印觀曰：“然則還汝谷。”署調曰：“吾與汝者市二日，谷已屬汝矣。”二人相讓，並棄於市而歸。掌市官以聞王。並賜爵。

Ấn Quan mại miên ư thị. Hữu thụ điều giả dĩ cốc mại chi nhi hoàn. Hữu diên quặc kỳ miên đọa ấn Quan gia. Ấn Quan thủ quy thị Thụ Điều viết : " Diên đọa nhữ miên ư ngô gia , cốc hoàn nhữ . " Thụ Điều viết : " Diên quặc miên dữ nhữ , thiên dã . Ngô hà vi thụ ? " Ấn Quan viết : " nhiên tắc hoàn nhữ cốc . " Thụ Điều viết : " ngô dữ nhữ giả thị nhị nhựt , cốc dĩ thuộc nhữ hĩ . " Nhị nhơn tương nhượng , tịnh khí vu thị nhi quy . Chửợng thị quan dĩ văn vương . Tịnh tứ tước .

洪者燮少貧甚，無料一日早，婢兒踊躍獻七兩錢，曰：“此在鼎中，米可數石，柴可數馱。天賜！天賜！”公驚曰：“是何金？”即書失金人推去等字，付之門楣而待。俄而姓劉者來問書意，公悉言之。劉曰：“理無失金於人之鼎內，果天賜也。盍

取之？”公曰：“非吾物何？”劉俯伏曰：“小的昨夜為竊鼎來，還憐家勢蕭條而施之。今感公之廉價，良心自發，誓不更盜，愿欲常侍，勿慮取之。”公即還金曰：“汝之為良則善矣。金不可取。”終不受。後公為判書，其子在龍為憲宗國舅。劉亦見信，身家大昌。

Hồng kỳ tiếp thiếu bản thậm, vô liêu nhứt nhứt tảo, tì nhi dững dượng hiển thất lưỡng tiền, viết: "Thử tại đỉnh trung, mẽ khả sở thạch, sài khả sở đà. Thiên tứ! Thiên tứ!" Công Kinh viết: "Thị hà kim?" Tức thư thất kim nhơn thôi khứ đặng tự, phó chi môn mi nhi đãi. Nga nhi tính lưu giả lai vấn thư ý, Công tất ngôn chi. Lưu viết: "Lý vô thất kim ư nhơn chi đỉnh nội, quả thiên tứ đã. Hạp thủ chi?" Công viết: "Phi ngô vật hà?" Lưu phủ phục viết: "Tiểu đích tạc dạ vi thiết đỉnh lai, hoàn liên gia thể tiêu điều nhi thi chi. Kim cảm Công chi liêm giới, lương tâm tự phát, thế bất canh đạo, nguyện dục thường thị, vật lự thủ chi." Công tức hoàn kim viết: "Nhữ chi vi lương tắc thiện hĩ. Kim bất khả thủ." Chung bất thụ. Hậu công vi phán thư, kỳ tử tại vi hiển tông quốc cữu. Lưu diệc kiến tín, thân gia đại xương.

高句麗平原王之女幼時好啼。王戲曰：“以汝將歸於愚溫達。”及長，欲下嫁於上部高氏。女以王不可食言，固辭，終為溫達之妻。蓋溫達家貧，行乞養母，時人目為愚溫達也。一日，溫達自山中負榆皮而

來，王女訪見，曰：“吾乃子之匹也。”乃賣首飾而買田宅器物，頗富，多養馬以資溫達，終為顯榮。

Cao Cú Lệ Bình Nguyên Vương chi nữ ấu thời hảo đề. Vương Hí viết: "Dĩ nhữ tương quy ư Ngu Ôn Đạt." Cập trưởng, dục hạ giá ư thượng bộ Cao Thị. Nữ dĩ vương bất khả thực ngôn, cố từ, chung vi Ôn Đạt chi thê. Cái Ôn Đạt gia bản, hành khát dưỡng mẫu, thời nhơn mục vi Ngu Ôn Đạt đã. Nhứt nhứt, Ôn Đạt tự sơn trung phụ du bì nhi lai, vương nữ phỏng kiến, viết: "Ngô nãi tử chi thất đã." Nãi mại thủ súc nhi mãi điền trạch khí vật, pha phú, đa dưỡng mã dĩ tư Ôn Đạt, chung vi hiển vinh.

存心篇 第七 凡八十三條

Tồn Tâm thiên đệ thất phàm bát thập tam điều

《景行錄》云：“坐密室如通衢，馭寸心如六馬，可免過。”

"Cảnh Hàng Lục" vân: "tọa mật thất như thông cù, ngự thốn tâm như lục mã, khả miễn quá."

《游定夫錄》云：“心要在腔子里。”

游酢 (1053-1123), 北宋學者, 字定夫。

"Du Định Phu Lục" vân: "Tâm yếu tại kang tử lý."

Du Tạc (1053-1123), Bắc Tống học giả, tự Định Phu.

《素書》云：“務善策者無惡事，無遠慮

者有近憂。”

" Tô Thu " vân : " Vụ thiện sách giả vô ác sự , vô viễn lự giả hữu cận ưu . "

有客來相訪，如何是治生。但存方寸地，
留與子孫耕。

Hữu khách lai tương phỏng , như hà thị trì sanh . Đãn tồn phương thốn địa , lưu dữ tử tôn canh .

《擊壤詩》云：“富貴如將智力求，仲尼
年少合封侯。世人不解青天意，空使身心
半夜愁。”

" Kịch Nhưõng Thi " vân : " Phú quý như tương trí lực cầu , Trọng Ni niên thiếu hiệp phong hầu . Thế nhơn bất giải thanh thiên ý , không sử thân tâm bán dạ sầu . "

范忠宣公誡子弟曰：“人雖至愚，責人則
明。雖有聰明，恕己則昏。爾曹但當以責
人之心責己，恕己之心恕人，不患不到聖
賢地位也。”

范忠宣公即范仲淹之子范純仁，謚忠宣。

Phạm Trung Tuyên Công giới tử đệ viết : " Nhơn tuy chí ngu , trách nhơn tắc minh . Tuy hữu thông minh , thứ kỷ tắc hôn . Nhĩ tào đãn đương dĩ trách nhơn chi tâm trách kỷ , thứ kỷ chi tâm thứ nhơn , bất hoạn bất đáo thánh hiền địa vị dã . "

Phạm Trung Tuyên Công tức phạm trọng yêm chi tử Phạm Thuần Nhơn , thĩ Trung Tuyên .

將心比心，便是佛心。

Tương tâm tỉ tâm , tiệ thị phật tâm .

以己之心，度人之心。

Dĩ kỷ chi tâm , độ nhơn chi tâm .

《素書》云：“博學切問，所以廣知；高
行微言，所以修身。”

"Tô Thu" vân : " Bác học thiết vấn , sở dĩ quảng tri ; cao hạnh vi ngôn , sở dĩ tu thân . "

子曰：“篤信好學，守死善道。”

Tử viết : " đốc tín hiếu học , thủ tử thiện đạo . "

聰明智慧，守之以愚；功被天下，守之以
讓；勇力振世，守之以怯；富有四海，守
之以謙。

Thông minh trí tuệ , thủ chi dĩ ngu ; công bị thiên hạ , thủ chi dĩ nhượng ; dũng lực chấn thế , thủ chi dĩ khiếp ; phú hữu tứ hải , thủ chi dĩ khiêm .

子貢曰：“貧而無諂，富而無驕。”

Tử Cống viết : " Bần nhi vô siểm , phú nhi vô kiêu . "

子曰：“貧而無怨難，富而無驕易。”

Tử viết : " Bần nhi vô oán nan , phú nhi vô kiêu dị . "

邵康節問陳希夷求持身之術。希夷曰：“
快意事不可做，得便宜處不可再往。”

陳希夷陳搏[?-989]，字圖南，河南真源人。宋初著名的理學家。宋太宗時賜號希夷先生。

Thiệu Khang Tiết vấn Trần Hy Di cầu trì thân chi thuật . Hy di viết :
" khoái ý sự bất khả tổ , đắc tiện nghi xứ bất khả tái vãng . "

Trần Hy Di : Trần Đoàn [?-989] , Tự Đồ Nam , Hà Nam Chân Nguyên nhơn . Tổng sơ trú danh đích lý học gia . Tổng Thái Tông thời tứ hiệu Hy Di Tiên Sinh .

得意處，早回頭。

Đắc ý xứ , tảo hồi đầu .

聰明本是陰鷲功，陰鷲引入聰明路。不行
陰鷲使聰明，聰明反被聰明誤。

Thông minh bản thị âm chất (do trời định) công , âm chất dẫn nhập thông minh lộ . Bất hành âm chất sử thông minh , thông minh phản bị thông minh ngộ (lầm lẫn) .

風水人間不可無，全憑陰鷲兩相扶。富貴
若從風水得，再生郭璞也難圖。

郭璞[276-324]，東晉文學家、訓詁學家。

喜陰陽卜筮之術。東晉初曾被王敦任為記事參軍。敦欲謀反，命其卜筮，璞謂其必敗，為敦所殺。王敦平，追贈弘農太守。

Phong thủy nhơn giản bất khả vô , toàn bằng âm chất lưỡng tương phù . Phú quý nhược tòng phong thủy đắc , tái sinh Quách Phác dã nan đồ .

Quách Phác [276-324] , Đông Tấn văn học gia , huấn cổ học gia . Hỉ âm dương bốc thệ chi thuật . Đông Tấn sơ tằng bị Vương Đôn nhiệm vi ký sự tham quân . Đôn dục mưu phản , mệnh kỳ

bốc thệ , phác vị kỳ tất bại , vi Đôn sở sát . Vương Đôn bình , truy tặng Hoàng Nông Thái Thủ .

古人形似獸，心有大聖德。今人表似人，
獸心安可測？

Cổ nhơn hình tự thú , tâm hữu đại thánh đức . Kim nhơn biểu tự nhơn , thú tâm an khả trắc ?

有心無相相逐心生，有相無心相從心滅。
Hữu tâm vô tướng tướng trục tâm sanh , hữu tướng vô tâm tướng tòng tâm diệt .

三點如星象，橫鉤似月斜。披毛從此得，
作佛也由他。

三點如星象, 橫鉤似月斜: 指“心”這一個字, 由三點和 橫鉤組成。

披毛: 指吹毛求疵。此處指明察秋毫。

Tam điểm như tinh tượng , hoành câu tự nguyệt tà Phi mao Tòng thủ đắc , tác Phật dã do tha .

Tam điểm như tinh tượng , hoành câu tự nguyệt tà : chỉ " tâm " giá nhứt cá tự , do tam điểm hòa hoành câu tổ thành .

Phi mao , chỉ xuy mao cầu tỳ . Thủ xứ chỉ minh sát thu hào .

《大學》云：“所謂誠其意者，無自欺也。
。如惡惡臭，如好好色。”

"Đại học" vân : "Sở vị thành kỳ ý giả , vô tự khi dã . Như ó ác xú , như hiếu hảo sắc . "

《道經》云：“用誠似愚，用默似訥，用

柔似拙。”

"Đạo Kinh" vân : "Dụng thành tự ngu , dụng mặc tự nội , dụng nhu tự chuyết ."

人皆道我拙，我亦自道拙。有耳常如聾，
有口不會說。你自逞豪傑，橫豎有一跌。
吃跌教君思，反不如我拙。

Nhơn giai đạo ngã chuyết , ngã diệc tự đạo chuyết . Hữu nhĩ thường như lung , hữu khẩu bất hội thuyết . Nễ tự sính hào kiệt , hoành thụ hữu nhứt điệt . Cật điệt giáo quân tư , phản bất như ngã chuyết .

百巧百成，不如一拙。

Bách xảo bách thành , bất như nhứt chuyết .

未來休指望，過去莫思量。

Vị lai hưu chỉ vọng , quá khứ mặc tư lượng .

常將有日思無日，莫待無時思有時。

Thường tương hữu nhựt tư vô nhựt , mặc đãi vô thời tư hữu thời .

有錢常記無錢日，安樂常思病患時。

Hữu tiền thường ký vô tiền nhựt , an lạc thường tư bệnh hoạn thời .

《素書》云：“薄施厚望者不報，貴而忘
賤者不久。”

" Tố Thư " vân : " Bạc thi hậu vọng giả bất báo , quý nhi vong tiện giả bất cửu . "

求人須求大丈夫，濟人須濟急時無。

Cầu nhơn tu cầu đại trượng phu , tể nhơn tu tể cấp thời vô .

施恩勿求報，與人勿追悔。

Thi ân vật cầu báo , dữ nhơn vật truy hối .

寸心不昧，萬法皆明。

Thốn tâm bất muội , vạn pháp giai minh .

孫思邈曰：“膽欲大而心欲小，智欲圓而
行欲方。”

Tôn Tư Mạc viết : " Đãm dục đại nhi tâm dục tiểu , trí dục viên nhi hành dục phương . "

念念有如臨敵日，心心常似過橋時。

Niệm niệm hữu như lâm địch nhựt , tâm tâm thường tự quá kiều thời .

《景行錄》云：“誠無悔，恕無怨，和無
仇，忍無辱。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Thành vô hối , thứ vô oán , hòa vô cừu , nhẫn vô nhục . "

懼法朝朝樂，欺公日日憂。

Cụ pháp triều triều lạc , khi công nhựt nhựt ưu .

小心天下去得，大膽寸步難移。

Tiểu tâm thiên hạ khứ đắc , đại đảm thốn bộ nan di .

子曰：“思無邪。”

Từ viết : " tư vô tà . "

朱文公即朱熹。曰：“守口如瓶，防意如城。”

Chu Văn Công, tức Chu Hy viết : " Thủ khẩu như bình , phòng ý như thành . "

是非只為多開口，煩惱皆因強出頭。

Thị phi chỉ vì đa khai khẩu , phiền não giai nhân cường xuất đầu .

《素書》云：“有過不知者蔽，以言取怨者禍。”

"Tố Thư" vân : "Hữu quá bất tri giả tế , dĩ ngôn thủ oán giả họa . "

《景行錄》云：“貪是逐物於外，欲是情動於中。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Tham thị trục vật vu ngoại , dục thị tình động ư trung . "

君子愛財，取之有道。

Quân tử ái tài , thủ chi hữu đạo .

君子憂道不憂貧，君子謀道不謀食。

Quân tử ưu đạo bất ưu bần , quân tử mưu đạo bất mưu thực .

子曰：“君子坦盪盪，小人常戚戚。”

Từ viết : "Quân tử thản đãng đãng, tiểu nhân thường thích thích." "

量大福亦大，機深禍亦深。

Lượng đại phúc diệc đại , cơ thâm họa diệc thâm .

宁為福首，莫為禍先。

Trữ vi phúc thủ , mạc vi họa tiên .

各人自掃門前雪，莫管他人屋上霜。

Các nhơn tự tảo môn tiền tuyết , mạc quản tha nhơn ốc thượng sương .

早知今日，悔不當初。

Tảo tri kim nhật , hối bất đương sơ .

心不負人，面無慚色。

Tâm bất phụ nhơn , diện vô tàm sắc .

莊子曰：“求財恨不多，財多害人己。”

Trang tử viết : " cầu tài hận bất đa , tài đa hại nhơn kỷ . "

但存夫子三分禮，不犯蕭何六律條。

Đãn tồn Phu Tử tam phần lễ , bất phạm Tiêu Hà lục luật điều .

《說苑》云：“推賢舉能，掩惡揚善。”

西漢劉向撰. 分類纂輯先秦至漢代史事和傳說.

"Thuyết Uyển" vân : "Thôi hiền cử năng , yểm ác dương thiện." "

Thuyết Uyển : Tây Hán Lưu Hướng soạn . Phân loại toàn tập Tiên Tần chí Hán Đại sử sự hòa truyền thuyết .

《景行錄》云：“休恨眼前田地窄，退後

一步自然寬。”

"Cảnh Hành Lục" vân : "Hưu hận nhân tiền điền địa trách , thối hậu nhứt bộ tự nhiên khoan."

世無百歲人，枉作千年計。人無百歲人，枉作千年計。

Thế vô bách tuế nhơn , uổng tác thiên niên kế . Nhơn vô bách tuế nhơn , uổng tác thiên niên kế .

兒孫自有兒孫福，莫與兒孫作馬牛。

Nhi tôn tự hữu nhi tôn phúc , mạc dữ nh tôn tác mã ngưu .

世上無難事，都來心不專。

Thế thượng vô nan sự , đô lai tâm bất chuyên .

宁結千人意，莫結一人緣。

?? Trữ kết thiên nhơn ý , mạc kết nhứt nhơn duyên .

《景行錄》云：“語人之短不曰直，濟人之惡不曰義。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Ngữ nhơn chi đoản bất viết trực , tế nhơn chi ác bất viết nghĩa . "

忍難忍事，恕不明人。

Nhẫn nan nhẫn sự , thứ bất minh nhơn .

規小節者，不能成榮名；惡小恥者，不能立大功。

Quy tiêu tiết giả , bất năng thành vinh danh ; ác tiêu sỉ giả , bất năng lập đại công .

無求勝布施，謹守勝持齋。

Vô cầu thắng bố thí , cẩn thủ thắng trì tề .

言輕莫勸鬧，無錢莫請人。

Ngôn khinh mạc khuyến náo , vô tiền mạc thỉnh nhơn .

寇萊公《六悔銘》：“官行私曲失時悔，富不儉用貧時悔，藝不少精過時悔，見事不學用時悔，醉後狂言醒時悔，安不將息病時悔。”

寇萊公即寇準 [961-1023] , 北宋政治家 , 封萊國公。著有《寇萊公集》。

Khẩu Lai Công "Lục Hối Minh" : "Quan hành tư khúc thất thời hối , phú bất kiệm dụng bần thời hối , nghệ bất thiếu tinh quá thời hối , kiến sự bất học dụng thời hối , túy hậu cuồng ngôn tỉnh thời hối , an bất tương tức bệnh thời hối ."

Khẩu Lai Công tức Khẩu Chuẩn [961-1023] , Bắc Tống chánh trị gia , phong Lai Quốc Công . Trữ hữu " Khẩu Lai Công Tập " .

孫景初安樂法：麤茶淡飯飽即休，補破遮寒暖即休。三平二滿過即休，不貪不妬老即休。

Tôn Cảnh Sơ An Lạc Pháp : Thô trà đạm phạn bão tức hưu , bổ phá già hàn noãn tức hưu . Tam bình nhị mãn quá tức hưu , bất tham bất đố lão tức hưu .

《益智書》云：“宁無事而家貧，莫有事而家富。宁無事而住茅屋，莫有事而住金屋。宁無病而食粗飯，莫有病而食良藥。”

"Ích Trí Thư" vân : "Trữ vô sự nhi gia bần , mạc hữu sự nhi gia phú . Trữ vô sự nhi trụ mao ốc , mạc hữu sự nhi trụ kim ốc . Trữ vô bệnh nhi thực thô phạn , mạc hữu bệnh nhi thực lương dược ."

心安茅屋穩，性定菜根香。世事靜方見，人情淡始長。

Tâm an mao ốc ổn , tính định thái căn hương . Thế sự tĩnh phương kiến , nhơn tình đạm thủy trường .

風波境界立身難，處世規模要放寬。萬事盡從忙里錯，此心須向靜中安。路當平處更行穩，人有常情耐久看，直到始終無悔吝，才生枝節便多端。

Phong ba cảnh giới lập thân nan , xử thế quy mô yếu phóng khoan . Vạn sự tận tòng mang lý thác , thủ tâm tu hướng tĩnh trung an . Lộ đương bình xứ canh hành ổn , nhơn hữu thường tình nại cửu khan , trực đáo thủy chung vô hồi lận , tài sanh chi tiết tiện đa đoan .

子曰：“無欲速，無見小利。欲速則不達，見小利則大事不成。”

Tử viết : " Vô dục tốc , vô kiến tiểu lợi . Dục tốc tắc bất đạt , kiến tiểu lợi tắc đại sự bất thành . "

巧言亂德，小不忍則亂大謀。

Xảo ngôn loạn đức , tiểu bất nhẫn tắc loạn đại mưu .

《景行錄》云：“責人者不全交，自恕者不改過。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Trách nhơn giả bất toàn giao , tự thứ giả bất cải quá . "

有勢不要使人承，落得孩兒叫小名。

Hữu thế bất yếu sử nhơn thừa , lạc đắc hài nhơn khiếu tiểu danh .

子曰：“恭則遠於患，敬則人愛之。忠則和於眾，信則人任之。”

Tử viết : " Cung tắc viễn ư hoạn , kính tắc nhơn ái chi . Trung tắc hòa ư chúng , tín tắc nhơn nhiệm chi . "

子絕四：無意，無必，無固，無我。

Tử Tuyệt tứ : vô ý , vô tất , vô cố , vô ngã .

君子成人之美，不成人之惡。小人反是。

Quân tử thành nhơn chi mỹ , bất thành nhơn chi ác . Tiểu nhơn phản thị .

孟子曰：“君子不怨天，不尤人。此一時也，彼一時也。”

Mạnh tử viết : " quân tử bất oán thiên , bất vưu nhơn . Thủ nhưt thời dã , bỉ nhưt thời dã . "

子曰：“君子有三畏：畏天命，畏大人，畏聖人之言。小人不知天命而不畏也，狎大人侮聖人之言。”

Tử viết : " Quân tử hữu tam úy : úy thiên mệnh , úy đại nhân , úy thánh nhân chi ngôn . Tiểu nhân bất tri thiên mệnh nhi bất úy dã , hiệp đại nhân vũ thánh nhân chi ngôn . "

《景行錄》云：“夙興夜寐所思忠孝者，人不知，天必知之。飽食暖衣怡然自衛者，身雖安，其如子孫何？”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Túc hưng dạ寐 sở tư trung hiếu giả , nhân bất tri , thiên tất tri chi . Bão thực noãn y di nhiên tự vệ giả , thân tuy an , kỳ như tử tôn hà ? "

以愛妻子之心事親則曲盡其孝，以保富貴之策奉君則無往不忠。以責人之心責己則寡過，以恕己之心恕人則全交矣。

Dĩ ái thê tử chi tâm sự thân tắc khúc tận kỳ hiếu , dĩ bảo phú quý chi sách phụng quân tắc vô vãng bất trung . Dĩ trách nhân chi tâm trách kỷ tắc quả quá , dĩ thứ kỷ chi tâm thứ nhân tắc toàn giao hĩ .

爾謀不臧，悔之何及？爾見不長，教之何益？利心專則背道，私意確則滅公。

Nhĩ mưu bất tàng , hối chi hà cập ? Nhĩ kiến bất trường , giáo chi hà ích ? Lợi tâm chuyên tắc bối đạo , tư ý xác tắc diệt công .

會做快活人，凡事莫生事。會做快活人，省事莫惹事。會做快活人，大事化小事。

會做快活人，小事化沒事。

Hội tổ khoái hoạt nhân , phạm sự mạc sanh sự . Hội tổ khoái hoạt nhân , tỉnh sự mạc nhạ sự . Hội tổ khoái hoạt nhân , đại sự hóa tiểu sự . Hội tổ khoái hoạt nhân , tiểu sự hóa một sự .

孔子觀周，入後稷周族始祖。之廟，三緘其口，而銘其背曰：“古之慎言人也。戒之哉！無多言，多言多敗。無多事，多事多患。安樂必戒，無所行悔。勿謂何傷，其禍將長。勿謂何害，其禍將大。勿謂不聞，禍將及人。焰焰不滅，炎炎若何。涓涓不壅，終為江河。綿綿不絕，或成网羅。毫末不折，將尋斧柯。誠能慎之，福之根也。勿謂何傷，禍之門也。故強梁者不得其死，好勝者必遇其敵。君子知天下之不可上也故下之，知眾人之不可先也故後之。溫恭慎德，使人慕之。江海雖左，長於百川，以其卑也。天道無親，而能下人。戒之哉！”

Khổng Tử quan Chu , nhập hậu tắc Chu tộc thủy tổ . Chi miếu , tam giam kỳ khẩu , nhi Minh Kỳ Bối viết : " Cổ chi thận ngôn nhân dã . Giới chi tai ! Vô đa ngôn , đa ngôn đa bại . Vô đa sự , đa sự đa họa . An lạc tất giới , vô sở hành hối . Vật vị hà thương , kỳ họa tương trường . Vật vị hà hại , kỳ họa tương đại . Vật vị bất văn , họa tương cập nhân . Diễm diễm bất diệt , viêm viêm nhược hà . Quyên quyên bất ủng , chung vi giang hà . Miên miên bất tuyệt , hoặc thành võng la . Hào mạt bất chiết , tương tầm phủ kha .

Thành năng thận chi , phúc chi căn dã . Vật vị hà thương , họa chi môn dã . Cố cường lương giả bất đắc kỳ tử , hiếu thắng giả tất ngộ kỳ địch . Quân tử tri thiên hạ chi bất khả thượng dã cố hạ chi , tri chúng hơn chi bất khả tiên dã cố hậu chi . Ôn cung thận đức , sử hơn mộ chi . Giang hải tuy tả , trường ư bách xuyên , dĩ kỳ ti dã . Thiên đạo vô thân , nhi năng hạ hơn . Giới chi tai ! "

生事事生，省事事省。

Sanh sự sự sanh , tỉnh sự sự tỉnh .

柔弱護身之本，剛強惹禍之由。

Nhu nhược hộ thân chi bản , cương cường nhạ họa chi do .

《宣康府家訓》：“勢利少時，莫交道釋
。錢財有日，當濟貧危。”

"Tuyên Khang Phủ gia huấn" : " Thế lợi thiếu thời , mạc giao đạo thích . Tiền tài hữu nhật , đương tế bần nguy . "

先儒曰：“睚眦存心，小人之淺衷；一飯
不忘，君子之厚德。”

Tiên nho viết : " Nhại xài tồn tâm , tiểu hơn chi thiển trung ; nhứt phạn bất vong , quân tử chi hậu đức . "

二眉曙青朱先生曰：“名曰仙佛聖賢，無
非是個好人。可見諸般容易，惟好人難得
。果爾存心天理，無作非為，念佛誦經也
可，打坐參禪也可，若心不可問，不成人

矣，誦經念佛打坐參禪，俱屬枉然。此曰
救人之生，濟人之急，憫人之過，扶人之
危，遴人之才，拔人之能，獎誘人之子弟
，稱頌人之德義，體貼人之心行，珍重人
之財物，撫育人之孤寡，保全人之家產，
完結人之婚嫁，才是世間有心胸的人物。
”

Nhị My Thự Thanh Chu Tiên Sanh viết : " Danh viết Tiên Phật Thánh Hiền , vô phi thị cá hảo hơn . Khả kiến chư bàn dung dị , duy hảo hơn nan đắc . Quả nhĩ tồn tâm thiên lý , vô tác phi vi , niệm Phật tụng kinh dã khả , đã tọa tham thiên dã khả , nhược tâm bất khả vấn , bất thành hơn hĩ , tụng kinh niệm Phật đã tọa tham thiên , câu thuộc ủng nhiên . Thử viết cứu hơn chi sanh , tế hơn chi cấp , mẫn hơn chi quá , phù hơn chi nguy , lãn hơn chi tài , bạt hơn chi năng , trường dụ hơn chi tử đệ , xưng tụng hơn chi đức nghĩa , thể thiệp hơn chi tâm hạnh , trân trọng hơn chi tài vật , phủ dục hơn chi cô quả , bảo toàn hơn chi gia sản , hoàn kết hơn chi hôn giá , tài thị thể giản hữu tâm hung đích hơn vật . "

戒性篇 第八 凡十五條

Giới tính thiên đệ bát phạm thập ngũ điều

《景行錄》云：“人性如水。水一傾則不
可復，性一縱則不可反。制水者必以堤防
，制性者必以禮法。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " hơn tính như thủy . Thủy nhứt khuynh tắc bất khả phục , tính nhứt túng tắc bất khả phản . Chế thủy giả

tất dĩ chỉ phòng , chế tính giả tất dĩ lễ pháp . "

忍一時之氣，免百日之憂。

Nhẫn nhứt thời chi khí , miễn bách nhứt chi ưu .

得忍且忍，得戒且戒。不忍不戒，小事成大。

Đắc nhẫn thả nhẫn , đắc giới thả giới . Bất nhẫn bất giới , tiểu sự thành đại .

一切諸煩惱，皆從不忍生。臨機與對鏡，妙在先見明。佛語在無諍，儒書貴無爭。好條快活路，世上少人行。

Nhứt thiết chư phiền não , giai tùng bất nhẫn sanh . Lâm cơ dữ đối kính , diệu tại tiên kiến minh . Phật ngữ tại vô trính , nho thư quý vô tranh . Hảo điều khoái hoạt lộ , thế thượng thiểu nhơn hành .

忍是心之寶，不忍身之殃。舌柔常在口，齒折只為剛。思量這忍字，好個快活方。片時不能忍，煩惱日月長。

Nhẫn thị tâm chi bảo , bất nhẫn thân chi ương . Thiết nhu thường tại khẩu , chiết chỉ vi cương . Tư lượng giá nhẫn tự , hảo cá khoái hoạt phương . Phiền thời bất năng nhẫn , phiền não nhứt nguyệt trường .

愚濁生嗔怒，皆因理不通。休添心上焰，只作耳邊風。長短家家有，炎涼處處同。

是非無實相，究竟終成空。

Ngu trọc sanh sân nộ , giai nhân lý bất thông . Hữu thiêm tâm thượng diễm , chỉ tác nhĩ biên phong . Trường đoản gia gia hữu , viêm lương xứ xứ đồng . Thị phi vô thật tướng , cứu cánh chung thành không .

子張欲行，辭於夫子：“愿賜一言為修身之美。”夫子曰：“百行之本，忍之為上。”子張曰：“何為忍之？”夫子曰：“天子忍之國無害，諸侯忍之成其大，官吏忍之進其位，兄弟忍之家豪富，夫婦忍之終其世，朋友忍之名不廢，自身忍之無禍患。”子張曰：“不忍何如？”夫子曰：“天子不忍失其國，諸侯不忍喪其軀，官吏不忍刑罰誅，兄弟不忍各分居，夫妻不忍令子孤，朋友不忍情意疏，自身不忍患不除。”子張曰：“善哉！善哉！難忍難忍！非人不忍，不忍非人。”

天子不忍失其國：校正本及重刊本作“國空虛”。

Tử Trương dục hạnh , từ ư Phu Tử : " Nguyên tứ nhứt ngôn vi tu thân chi mỹ . " Phu Tử viết : " Bách hạnh chi bản , nhẫn chi vi thượng . " Tử Trương viết : " Hà vi nhẫn chi ? " Phu Tử viết : " Thiên tử nhẫn chi quốc vô hại , chư hầu nhẫn chi thành kỳ đại , quan lại nhẫn chi tiến kỳ vị , huynh đệ nhẫn chi gia hào phú , phu phụ nhẫn chi chung kỳ thế , bằng hữu nhẫn chi danh bất phế , tự thân nhẫn chi vô họa hoạn . " Tử Trương viết : " Bất nhẫn hà như ? " Phu Tử viết : " Thiên tử bất nhẫn thất kỳ quốc giáo chính bản

cập trùng san bốn tác " quốc không hư " . , Chư hầu bắt nhẫn tang kỳ khu , quan lại bắt nhẫn hình phạt tru , huynh đệ bắt nhẫn các phân cư , phu thê bắt nhẫn lệnh tử cô , bằng hữu bắt nhẫn tình ý sơ , tự thân bắt nhẫn hoạn bắt trừ . " Tử trương viết : " thiện tai ! Thiện tai ! Nan nhẫn nan nhẫn ! Phi nhơn bắt nhẫn , bắt nhẫn phi nhơn . "

Thiên tử bắt nhẫn thất kỳ quốc: giáo chính bốn cập trùng san bốn tác " quốc không hư " .

忍耐在。

Nhẫn nại tại .

《景行錄》云：“屈己者能處眾，好勝者必遇敵。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " khuất kỷ giả năng xử chúng , hiếu thắng giả tất ngộ địch . "

張敬夫曰：“小勇者，血氣之怒也。大勇者，禮義之怒也。血氣之怒不可有，禮義之怒不可無。知此，則可以見性情之正而識天理人欲之分矣。”

禮義之怒不可無: 此句重刊本作“小大之殊，不可不知。”

Trương Kính Phu viết : " Tiểu dũng giả , huyết khí chi nộ dã . Đại dũng giả , lễ nghĩa chi nộ dã . Huyết khí chi nộ bất khả hữu , lễ nghĩa chi nộ bất khả vô . Tri thử , tắc khả dĩ kiến tính tình chi chánh nhi thức thiên lý nhơn dục chi phân hĩ . "

Thử cú trùng san bốn tác " Tiểu đại chi thù , bất khả bất tri . "

惡人罵善人，善人總不對。善人若還罵，彼此無智慧。不對心清涼，罵者口熱沸。正如人唾天，還從己身墜。我若被人罵，佯聾不分說。譬如火燒空，不救自然滅。嗔火亦如是，有物遭他，我心等虛空，聽你翻唇舌。

Ác nhơn mạ thiện nhơn , thiện nhơn tổng bất đối . Thiện nhơn nhược hoàn mạ , bỉ thử vô trí tuệ . Bất đối tâm thanh lương , mạ giả khẩu nhiệt phí . Chính như nhơn thóa thiên , hoàn tùng kỷ thân trụ . Ngã nhược bị nhơn mạ , dương lung bất phân thuyết . Thí như hỏa thiêu không , bất cứu tự nhiên diệt . Sân hỏa diệt như thị , hữu vật tao tha , ngã tâm đẳng hư không , tính nễ phiên thần thiệt .

老子曰：“上士無爭，下士好爭。”

Lão Tử viết : " Thượng sĩ vô tranh , hạ sĩ hiếu tranh . "

凡事留人情，後來好相見。

Phàm sự lưu nhơn tình , hậu lai hảo tương kiến .

或問晦庵（即朱熹。）曰：“如何是命？”先生曰：“性是也。凡性格不通不近人情者，薄命之士也。”

Hoặc vấn Hối Am (tức Chu Hy) viết : " Như hà thị mệnh ? " Tiên sanh viết : " Tính thị dã . Phàm tính cách bất thông bất cận nhơn tình giả , bác mệnh chi sĩ dã . "

或問 hoặc vấn = có kẻ hỏi

先儒曰：“為人所不能為，方稱奇男子。
忍人所不能忍，乃是大丈夫。”

Tiên Nho viết : "Vi nhơn sở bất năng vi , phương xưng kỳ nam tử .
Nhẫn nhơn sở bất năng nhẫn , nãi thị đại trượng phu . "

柔弱護身之本，剛強惹禍之由。

Nhu nhược hộ thân chi bản , cương cường nhạ họa chi do .

勸學篇 第九 凡二十三條

Khuyến học thiên đệ cửu phàm nhị thập tam điều

子曰：“博學而篤志，切問而近思，仁在其中矣。”

Tử viết : " bác học nhi đốc chí , thiết vấn nhi cận tư , nhơn tại kỳ trung hĩ . "

《禮記》曰：“博學強識，而讓敦善，行而不怠，謂之君子。”

"Lễ Ký" viết : " Bác học cường thức , nhi nhượng đôn thiện , hành nhi bất đãi , vị chi quân tử . "

子曰：“敏而好學，不恥下問。”

Tử viết : " Mẫn nhi hiếu học , bất sỉ hạ vấn . "

《性理書》云：“為學之序：博學之，審

問之，慎思之，明辨之，篤行之。”

"Tín Lý Thư" vân : " Vi học chi tự : bác học chi , thẩm vấn chi , thận tư chi , minh biện chi , đốc hành chi . "

莊子曰：“人之不學，若登天而無階。學而智遠，若披祥雲而睹青天，如登高山而望四海。”

Trang tử viết : " nhơn chi bất học , nhược đăng thiên nhi vô giai .
Học nhi trí viễn , nhược phi tường vân nhi đồ thanh thiên , như đăng cao san nhi vọng tứ hải . "

不登峻嶺，不知天高。不履深淵，豈知地厚？人不游於聖道，焉可謂賢？

Bất đăng tuấn lĩnh , bất tri thiên cao . Bất lý thâm uyên , khởi tri địa hậu ? Nhơn bất du ư thánh đạo , yên khả vị hiền ?

《禮記》曰：“玉不琢不成器，人不學不知道。”

" Lễ ký " viết : " Ngọc bất trác bất thành khí , nhơn bất học bất tri đạo . "

太公曰：“人生不學，冥冥如夜行。”

Thái Công viết : " Nhơn sanh bất học , minh minh như dạ hành . "

韓文公曰：“人不通古今，馬牛而襟裾。”

韓文公即韓愈，唐文學家、哲學家。

Hàn Văn Công viết : "Nhơn bất thông cổ kim , mã ngưu nhi khâm cư . "

Hàn Văn Công tức Hàn Dũ , Đường đại văn học gia , triết học gia .

人不知學，譬如牛羊。

Nhơn bất tri học , thí như ngưu dương .

朱文公曰：“勿謂今日不學而有來日，勿謂今年不學而有來年。日月逝矣，歲不我延。嗚呼老矣，是誰之愆？”

Chu văn công viết : " Vật vị kim nhựt bất học nhi hữu lai nhựt , vật vị kim niên bất học nhi hữu lai niên . Nhựt nguyệt thế hĩ , tuế bất ngã diên . Ô hô lão hĩ , thị thùy chi khiên ? "

朱文公曰：“家若貧，不可因貧而廢學。家若富，不可恃富而怠學。貧若勤學，可以立身。富而勤學，名乃光榮。惟見學者顯達，不見學者無成。學者乃身之寶，學者乃世之珍。是故學者乃為君子，不學則為小人。後之學者，各宜勉之！”

Chu văn công viết : " gia nhược bần , bất khả nhân bần nhi phế học . Gia nhược phú , bất khả thị phú nhi đãi học . Bần nhược cần học , khả dĩ lập thân . Phú nhi cần học , danh nãi quang vinh . Duy kiến học giả hiển đạt , bất kiến học giả vô thành . Học giả nãi thân chi bảo , học giả nãi thế chi trân . Thị cố học giả nãi vi quân tử , bất học tắc vi tiều nhơn . Hậu chi học giả , các nghi miễn chi ! "

徽宗皇帝勸學：“學也好，不學也好，學者如禾如稻，不學者如蒿如草。如禾如稻

兮，國之精糧，世之大寶。如蒿如草兮，耕者憎嫌，鋤者煩惱，他日面牆，悔之已老。”

Huy Tông Hoàng Đế khuyến học : " Học dã hảo , bất học dã hảo , học giả như hòa như đạo , bất học giả như hao như thảo . Như hòa như đạo hề , quốc chi tinh lương , thế chi đại bảo . Như hao như thảo hề , canh giả tăng hiềm , sừ giả phiến não , tha nhựt diện tường , hối chi dĩ lão . "

家嚴口訓作：

學者如禾如稻，不學者如蒿如草。

Học giả như hòa như đạo , bất học giả như cỏ như thảo .

《直言訣》曰；“造燭求明，讀書求理。明以照暗室，理以照人心。”

" Trục Ngôn Quyết " viết ; " Tạo chúc cầu minh , độc thư cầu lý . Minh dĩ chiếu ám thất , lý dĩ chiếu nhơn tâm . "

劉通曰：“蚕質合絲，待繅方出。人情懷知，須學乃成。”

Lưu Thông viết : " Tằm chất hiệp tì , đãi sào phương xuất . Nhơn tình hoài tri , tu học nãi thành . "

《禮記》曰：“獨學無友，則孤陋寡聞。”

" Lễ Ký " viết : " Độc học vô hữu , tắc cô lậu quả văn . "

書是隨身之寶，才是國家之珍。

Thư thị tùy thân chi bảo , tài thị quốc gia chi trân .

《論語》曰：“學如不及，猶恐失之。”

"Luận Ngữ" viết: "Học như bắt cập, do khùng thất chí."

學到老，不會到老。

Học đáo lão, bất hội đáo lão.

《論語》曰：“好仁不好學，其蔽也賊；好直不好學，其蔽也絞；好信不好學，其蔽也盪；好勇不好學，其蔽也亂；好剛不好學，其蔽也狂。”

"Luận ngữ" viết: "Hào nhơn bất hiếu học, kỳ tế dã tặc; hảo trực bất hảo học, kỳ tế dã giao; hảo tín bất hảo học, kỳ tế dã đãng; hảo dũng bất hảo học, kỳ tế dã loạn; hảo cương bất hảo học, kỳ tế dã cuồng."

子曰：“弟子入則孝，出則悌，謹而信，泛愛眾而親仁。行有余力，則以學文。”

Tử viết: "Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhơn. Hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn."

諸葛武侯誡子弟曰：“君子之行，靜以修身，儉以養德。非澹泊無以明志，非寧靜無以致遠。夫學須靜也，才須學也。非學無以廣才，非靜無以成學。慆慢則不能研精，險躁則不能理性。年與時馳，意與歲去，遂成枯落，悲嘆窮廬，將復何及也？”

”

Gia Cát vũ hầu giới tử đệ viết: "Quân tử chi hạnh, tĩnh dĩ tu thân, kiệm dĩ dưỡng đức. Phi đạm bạc vô dĩ minh chí, phi trữ tĩnh vô dĩ trí viễn. Phù học tu tĩnh dã, tài tu học dã. Phi học vô dĩ quảng tài, phi tĩnh vô dĩ thành học. Thao mạn tắc bất năng nghiên tinh, hiểm táo tắc bất năng lý tính. Niên dữ thời trì, ý dữ tuế khứ, toại thành khô lạc, bi thán cùng lự, tương phục hà cập dã?"

先儒曰：“兒曹當以讀書通世務，不可以世務分讀。”

Tiên Nho viết: "Nhi tào đương dĩ đọc thư thông thế vụ, bất khả dĩ thế vụ phân đọc."

先儒曰：“讓古人便是無志，不讓今人便是無量。”

Tiên Nho viết: "Nhượng cổ nhơn tiện thị vô chí, bất nhượng kim nhơn tiện thị vô lượng."

二眉曙青朱先生曰：“道非談虛，釋非參禪，儒非文章。若謂有禪可參，是誣釋迦；有虛可談，是誣老子。夫子忠恕一貫，顏子齋坐忘，孟子知言養氣，若謂是文章本頭功名種子，雖能眼到口誦，不識心會方行，是誣孔顏孟氏矣。”

Nhị My Thụy Thanh Chu Tiên Sanh viết: "Đạo phi đàm hư, Thích phi tham thiền, Nho phi văn chương. Nhược vị hữu thiền khả tham, thị vu Thích Già; hữu hư khả đàm, thị vu Lão Tử. Phu Tử trung thứ nhứt quán, Nhan Tử tọa vong, Mạnh Tử tri ngôn dưỡng khí, nhược vị thị văn chương bản đầu công danh chủng tử, tuy năng nhãn đáo khẩu tụng, bất thức tâm hội phương hành, thị vu

Khổng Nhan Mạnh thị hĩ . "

衛由曰：“寬惠博愛，敬身之基。

勤學者，立身之本。”

Vệ Do viết : " Khoan huệ bác ái , kính thân chi cơ . Cần học giả , lập thân chi bản . "

少年易老學難成，一寸光陰不可輕。

未覺池塘春草夢，階前梧葉已秋聲。

Thiếu niên dị, lão học nan thành , nhứt thốn quang âm bất khả khinh .

Vị giác trì đường xuân thảo mộng , giai tiền ngô hiệp dĩ thu thanh .

陶淵明詩云：“盛年不重來，一日難再晨

。及時當勉勵，歲月不待人。”

Đào Uyên Minh Thi vân : " Thịnh niên bất trùng lai , nhứt nhật nan tái thần . Cập thời đương miễn lệ , tuế nguyệt bất đãi nhơn . "

荀子曰：“不積跬步，無以至千里。不積

小流，無以成江河。”

Tuân Tử viết : " Bất tích khuể bộ , vô dĩ chí thiên lý . Bất tích tiểu lưu , vô dĩ thành giang hà . "

省心篇 第十一 凡二百五十二條

Tĩnh Tâm thiên đệ thập nhứt phạm nhị bách ngũ thập nhị điều

《資世通訓》云：“陰法遲而不漏，陽憲

速而有逃。”

"Tư Thế Thông Huấn" vân: " Âm pháp trì nhi bất lậu , dương hiến tốc nhi hữu đào. "

陽網密而易漏，陰網疏而難逃。

Dương võng mật nhi dị lậu , âm võng sơ nhi nan đào.

附註:

陽網是國家之法.

陰網是天地鬼神之法.

《景行錄》曰：“無瑕之玉，可為國瑞。

孝弟之子，可為家寶。”

" Cảnh Hàng Lục " viết : " Vô hà chi ngọc , khả vi quốc thụy . Hiếu đễ chi tử , khả vi gia bảo . "

寶貨用之有盡，忠孝享之無窮。

Bửu hóa dụng chi hữu tận , trung hiếu hưởng chi vô cùng .

家和貧也好，不義富如何？但存一子孝，

何用子孫多？

Gia hòa bần dã hảo , bất nghĩa phú như hà ? Đãn tồn nhứt tử hiếu , hà dụng tử tôn đa ?

父不憂心因子孝，夫無煩惱是妻賢。言多

語失皆因酒，義斷親疏只為錢。

Phụ bất ưu tâm nhân tử hiếu , phu vô phiền não thĩ thê hiền .

Ngôn đa ngữ thất giai nhân tửu , nghĩa đoạn thân sơ chỉ vi tiền .

既取非常樂，須防不測憂。

Ký thủ phi thường lạc , tu phòng bất trắc ưu .

樂極悲生。

Lạc cực bi sanh .

得寵思辱，居安慮危。

Đắc sủng tư nhục , cư an lự nguy .

榮深辱淺，利重害深。

Vinh thâm nhục thiển , lợi trọng hại thâm .

盛名必有重責，大功必有奇勳。

Thịnh danh tất hữu trọng trách , đại công tất hữu kỳ huân .

甚愛必甚費，甚譽必甚燬。甚喜必甚憂，
甚賊必甚亡。

Thậm ái tất thậm phí, thậm dự tất thậm hủy . Thậm hỉ tất thậm ưu,
thậm tang tất thậm vong .

恩愛生煩惱，追隨大丈夫。庭前生瑞草，
好事不如無。

Ân ái sanh phiền não , truy tùy đại trượng phu . Đình tiền sanh
thụy thảo , hảo sự bất như vô .

子曰：“不觀高山，何以知顛墜之患？不
臨深淵，何以知沒溺之患？不觀巨海，何

以知風波之患？”

Tử viết : " Bất quán cao sơn , hà dĩ tri diên trụ chi hoạn ? Bất lâm
thâm uyên , hà dĩ tri một nịch chi hoạn ? Bất quán cự hải , hà dĩ tri
phong ba chi hoạn ? "

荀子曰：“不登高山，不知天之高也；不
臨深溪，不知地之厚也；不聞先王之遺言
，不知學問之大也。”

Tuân Tử viết : " Bất đăng cao sơn , bất tri thiên chi cao dã ; bất
lâm thâm khe , bất tri địa chi hậu dã ; bất văn tiên vương chi di
ngôn , bất tri học vấn chi đại dã . "

《素書》云：“推古驗今，所以不惑。”

" Tố thư " vân : " Thôi cổ nghiệm kim , sở dĩ bất hoặc . "

欲知未來，先察已往。

Dục tri vị lai , tiên sát dĩ vãng .

子曰：“明鏡可以察形，鑒古可以知今。”

Tử viết : " Minh kính khả dĩ sát hình , giám cổ khả dĩ tri kim . "

過去事明如鏡，未來事暗似漆。

Quá khứ sự minh như kính , vị lai sự ám tựa tít .

《景行錄》云：“明旦之事，薄暮不可必
。薄暮之事，晡時不可必。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Minh đán chi sự , bác mộ bất khả tất .
Bác mộ chi sự , bộ thời bất khả tất . "

天有不測風雲，人有旦夕禍福。

Thiên hữu bất trắc phong vân , nhơn hữu đản tịch họa phúc .

未歸三尺土，難保百年身。

既歸三尺土，難保百年墳。

Vị quy tam xích thổ, nan bảo bách niên thân.

Ký quy tam xích thổ, nan bảo bách niên phần .

巧厭多勞拙厭閒，善嫌懦弱惡嫌頑。富遭嫉妬貧遭辱，勤曰貪婪儉曰慳。觸目不分皆笑蠢，見機而作又言奸。思量那件當教做，為人難做做人難。寫得紙盡筆頭干，更寫幾句為人難。

Xảo yếm đa lao chuyết yếm gian , thiện hiềm nhược ố hiềm ngoan . Phú tao tật đồ bần tao nhục , cần viết tham lam kiệm viết khan . Xúc mục bất phân giai tiếu xuẩn , kiến cơ nhi tác hựu ngôn gian . Tư lương na kiện đương giáo tố , vi nhơn nan tố, tố nhơn nan . Tả đắc chỉ tận bút đầu can , canh tả kỷ cú vi nhơn nan .

老子曰：“上士聞道，謹而行之；中士聞道，若存若亡；下士聞道，大笑之不笑。”

Lão tử viết : " Thượng sĩ văn đạo , cần nhi hành chi ; trung sĩ văn đạo , nhược tồn nhược vong; hạ sĩ văn đạo đại tiếu chi bất tiếu."

子曰：“朝聞道，夕死可矣。”

Tử viết : " Triều văn đạo , tịch tử khả hĩ . "

《景行錄》曰：“木有所養，則根本固而

枝葉茂，梁棟之材成。水有所養，則源泉壯而流脈長，灌溉之利博。人有所養，則志氣大而識見明，忠義之士出。可不養哉！”

" Cảnh Hàng Lục " viết : " Mộc hữu sở dưỡng , tác căn bản cố nhi chi diệp mậu , lương đồng chi tài thành . Thủy hữu sở dưỡng , tác nguyên tuyền tráng nhi lưu mạch trường , quán cái chi lợi bác . Nhơn hữu sở dưỡng , tác chí khí đại nhi thức kiến minh, trung nghĩa chi sĩ xuất. Khả bất dưỡng tai !"

《直言訣》曰：“鏡以照面，智以照心。鏡明則塵埃不染，智明則邪惡不生。人之無道也，如車無輪，不可駕也。人而無道，不可行也。”

" Trực Ngôn Quyết " viết : " Kính dĩ chiếu diện , trí dĩ chiếu tâm . Kính minh tác trần ai bất nhiễm , trí minh tác tà ác bất sanh . Nhơn chi vô đạo dã , như xa vô luân , bất khả giá dã . Nhơn nhi vô đạo , bất khả hành dã . "

《景行錄》云：“自信者，人亦信之，吳越皆兄弟；自疑者，人亦疑之，身外皆敵國。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " tự tín giả , nhơn diệc tín chi , ngô việt giai huynh đệ ; tự nghi giả , nhơn diệc nghi chi , thân ngoại giai địch quốc . "

《左傳》曰：“意合則吳越相親，意不合則骨肉為仇敵。”

" Tả Truyện " viết : " Ý hiệp tác Ngô Việt tương thân , ý bất hiệp

tắc cốt nhục vi cừu địch . "

《素書》云：“自疑不信人，自信不疑人。
。”

" Tô thư " vân : " tự nghi bất tín nhơn , tự tín bất nghi nhơn . "

疑人莫用，用人莫疑。

Nghi nhơn mạc dụng , dụng nhơn mạc nghi .

《論語》云：“物極則反，樂極則憂。大
合必離，勢盛必衰。”

" Luận Ngữ " vân : " Vật cực tắc phản , lạc cực tắc ưu . Đại hiệp
tất ly , thế thịnh tất suy . "

物極則反，否極泰來。

Vật cực tắc phản , bỉ cực thái lai .

《家語》云：“安不可忘危，治不可忘亂
。”

" Gia ngữ " vân : " An bất khả vong nguy , trị bất khả vong loạn . "

《書》云：“致治於未亂，保邦於未危，
預防其患也。”

" Thư " vân : " Trí trị ư vị loạn , bảo bang ư vị nguy , dự phòng kỳ
hoạn dã . "

《諷諫》云：“水底魚，天邊雁，高可射

兮低可釣。惟有人心咫尺間，咫尺人心不
可料。”

諷諫：以婉言隱語相勸諫。

"Phúng Gián" vân : " Thủy để ngư , thiên biên nhạn , cao khả xạ
hề đề khả điếu . Duy hữu nhơn tâm chỉ xích gian , chỉ xích nhơn
tâm bất khả liêu . "

Phúng Gián : dĩ uyển ngôn ẩn ngữ tương khuyên gián .

天可度而地可量，惟有人心不可防。

Thiên khả độ nhi địa khả lượng , duy hữu nhơn tâm bất khả
phòng .

畫虎畫皮難畫骨，知人知面不知心。

Hoạch hổ hoạch bì nan hoạch cốt , tri nhơn tri diện bất tri tâm .

對面與語，心隔千山。

Đối diện dữ ngữ , tâm cách thiên san .

海枯終見底，人死不知心。

Hải khô chung kiến để , nhơn tử bất tri tâm .

太公曰：“凡人不可貌相，海水不可斗量
。”

Thái công viết : " phàm nhơn bất khả mạo tướng , hải thủy bất
khả đấu lượng . "

勸君莫結冤，冤深難解結。一日結成冤，
千日解不徹。若將恩報冤，如湯去潑雪。

若將冤報冤，如狼重見蝎。我見結冤人，
盡被冤磨折。

Khuyến quân mạc kết oan , oan thâm nan giải kết . Nhứt nhứt kết thành oan , thiên nhứt giải bất triệt . Nhược tương ân báo oan , như thang khứ bất tuyệt . Nhược tương oan báo oan , như lang trọng kiến hạt . Ngã kiến kết oan nhờn , tận bị oan ma chiết .

《景行錄》云：“結冤於人，謂之種禍。
舍善不為，謂之自賊。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Kết oan vu nhờn , vị chi chủng họa . Xá thiện bất vi , vị chi tự tặc . "

莫信直中直，須防仁不仁。

Mạc tín trực trung trực , tu phòng nhờn bất nhờn .

常防賊心，莫偷他物。

Thường phòng tặc tâm , mạc thâu tha vật .

古人云：“若聽一面說，便見相離別。”

Cổ nhờn vân : " Nhược thính nhứt diện thuyết , tiện kiến tương ly biệt . "

禮義生於富足，盜賊起於饑寒。

Lễ nghĩa sanh ư phú túc , đạo tặc khởi ư cơ hàn .

貧窮不與下賤，下賤而自生。富貴不與驕奢，驕奢而自至。

Bần cùng bất dữ hạ tiện , hạ tiện nhi tự sanh . Phú quý bất dữ kiêu xa , kiêu xa nhi tự chí .

飽暖思淫欲，饑寒起盜心。

Bão noãn tư dâm dục , cơ hàn khởi đạo tâm .

長思貧難危困，自然不驕。每思疾病熬煎，
並無愁悶。

Trường tư bần nan nguy khốn , tự nhiên bất kiêu . Mỗi tư tật bệnh ngao tiên , tịnh vô sầu muộn .

太公曰：“法不加於君子，禮不責於小人。
。”

Thái Công viết: "Pháp bất gia ư quân tử, lễ bất trách ư tiểu nhờn."

桓范曰：“軒冕以重君子，縲紲以罰小人。
。”

Hoàn Phạm viết : " Hiên miện dĩ trọng quân tử , luy tiết dĩ phạt tiểu nhờn . "

《易》曰：“禮防君子，律防小人。”

" Dịch " viết : " lễ phòng quân tử , luật phòng tiểu nhờn . "

《景行錄》曰：“好食色貨利者氣必吝，
好功名事業者氣必驕。”

" Cảnh Hàng Lục " viết : " Hào thực sắc hóa lợi giả khí tất lận , hảo công danh sự nghiệp giả khí tất kiêu . "

子曰：“君子喻於義，小人喻於利。”

Tử viết : " Quân tử dụ ư nghĩa , tiểu nhơn dụ ư lợi . "

《說苑》云：“財者，君子之所輕。死者，小人之所畏。”

" Thuyết Uyển " vân : " Tài giả , quân tử chi sở khinh . Tử giả , tiểu nhơn chi sở úy . "

甦武曰：“賢人多財則損其志，愚人多財則益其過。”

Tô Vũ viết : " Hiền nhơn đa tài tắc tổn kỳ chí , ngu nhơn đa tài tắc ích kỳ quá . "

老子曰：“多財失其守正，多學惑於所聞。”

Lão tử viết : " đa tài thất kỳ thủ chánh , đa học hoặc ư sở văn . "

人非堯舜，焉能每事盡善。

Nhơn phi Nghiêu Thuần , yên năng mỗi sự tận thiện .

子貢曰：“自生民以來，未有盛於孔子者也。”

Tử Cống viết : " Tự sanh dân dĩ lai , vị hữu thịnh ư Khổng Tử giả dã . "

人貧志短，福至心靈。

Nhơn bần chí đoản , phúc chí tâm linh .

不經一事，不長一智。

Bất kinh nhất sự , bất trường nhất trí .

成則妙用，敗則不能。

Thành tắc diệu dụng , bại tắc bất năng .

莫道家未成，成家子未生。莫道家未破，破家子未大。

Mạc đạo gia vị thành , thành gia tử vị sanh . Mạc đạo gia vị phá , phá gia tử vị đại .

成家之兒，惜糞如金。敗家之子，用金如糞。

Thành gia chi nhi , tích phần như kim . Bại gia chi tử , dụng kim như phần .

胡文定公曰：“大抵人家須常教有不足處，若十分快意，提防有不恰好事出。”

Hồ Văn Định Công viết : " Đại để nhơn gia tu thường giáo hữu bất túc xứ , nhược thập phân khoái ý , đề phòng hữu bất恰 hảo sự xuất . "

康節邵先生曰：“仁者難逢思有常，平生慎勿恃無傷。閒居慎勿說無妨，才說無妨便有妨。爽口物多終作病，快心事過必為殃。爭先徑路機關惡，近後語言滋味長。與其病後能服藥，不若病前能自防。”

Khang Tiết Thiệu Tiên Sanh viết : "Nhơn giả nan phùng tư hữu thường , bình sanh thận vật thị vô thương . Gian cư thận vật thuyết vô phương , tài thuyết vô phương tiện hữu phương . Sảng khẩu vật đa chung tác bệnh , khoái tâm sự quá tất vi ương . Tranh

tiên kính lộ ky quan ác , cận hậu ngữ ngôn tư vị trường . Dữ kỳ bệnh hậu năng phục dược, bất nhược bệnh tiên năng tự phòng."

饒人不是痴，過後得便宜。

Nhiều hơn bắt thị si , quá hậu đắc tiện nghi .

赶人不要赶上，捉賊不如赶賊。

Cản hơn bắt yếu cản thượng , tróc tặc bất như cản tặc .

梓潼帝君垂訓：“妙藥難治冤債病，橫財不富命窮人。虧心折盡平生福，行短天教一世貧。生事事生君莫怨，害人人害汝休嗔。天地自然皆有報，遠在兒孫近在身。”

道教神名。道家謂玉帝命梓潼掌文昌府及人間功名、祿位事，因此稱為梓潼帝君。

Tử Đổng Đế Quân thùy huấn : Diệu dược nan trị oan trái bệnh , hoạnh tài bất phú mệnh cùng hơn . Khuy tâm chiết tận bình sanh phúc , hạnh đoản thiên giao nhứt thể bản . Sanh sự sự sanh quân mạc oán , hại hơn hơn hại nhữ hưu sân . Thiên địa tự nhiên giai hữu báo , viễn tại nhi tôn cận tại thân . "

Đạo giáo thần danh . Đạo gia vị Ngọc Đế mệnh Tử Đổng chương văn xương phủ cập hơn gian công danh , lộc vị sự , hơn thử xưng vị Tử Đổng Đế Quân .

藥醫不死病，佛度有緣人。

Dược y bất tử bệnh , phật độ hữu duyên hơn .

吳真人曰：“行短虧心只是貧，莫生巧計弄精神。得便宜處休歡喜，遠在兒孫近在

身。”

Ngô Chơn Nhơn viết : " Hạnh đoản khuy tâm chỉ thị bản , mạc sanh xảo kế lộng tinh thần . Đắc tiện nghi xứ hưu hoan hỉ , viễn tại hơn tôn cận tại thân . "

十分惺惺使五分，留取五分與兒孫。十分惺惺都使盡，後代兒孫不如人。

Thập phân tinh tinh sử ngũ phân , lưu thủ ngũ phân dữ nhi tôn . Thập phân tinh tinh đồ sử tận , hậu đại nhi tôn bất như hơn .

越奸越狡越貧窮，奸狡原來天不容。富貴若從奸狡得，世間呆漢吸西風。

越: 廣韻.王伐切.音粵.度也.

Việt gian việt狡 việt bản cùng , gian狡 nguyên lai thiên bất dung . Phú quý nhược tùng gian狡 đắc , thế gian ngốc hán hấp tây phong .

花落花開開又落，錦衣布衣更換著。豪家未必長富貴，貧家未必常寂寞。扶人未必上青霄，推人未必填溝壑。勸君凡事莫怨天，天意於人無厚薄。

Hoa lạc hoa khai khai hựu lạc , cẩm y bố y canh hoán trước . Hào gia vị tất trường phú quý , bản gia vị tất thường tịch tịch . Phù hơn vị tất thượng thanh tiêu , thôi hơn vị tất điền câu hác . Khuyến quân phạm sự mạc oán thiên , thiên ý ư hơn vô hậu bạc .

莫入州衛與縣衙，勸君勤謹作生涯。池塘積水須防旱，田地勤耕足養家。教子教孫多教藝，栽桑栽柘少栽花。閒是閒非休要管，渴飲清泉悶煮茶。

Mạc nhập châu vệ dữ huyện nha , khuyên quân cần cần tác sanh nhai . Trì đường tích thủy tu phòng hạn , điền địa cần canh túc dưỡng gia . Giáo tử giáo tôn đa giáo nghệ , tài tang tài chá thiếu tài hoa . Gian thị gian phi hữu yếu quản , khát ẩm thanh tuyền muộn chủ trà .

堪嘆人心毒似蛇，誰知天眼轉如車。去年妄取東鄰物，今日還歸北舍家。無義錢財湯潑雪，倘來田地水推沙。若將狡譎為生計，恰似朝開暮落花。

Kham tán nhơn tâm độc tự xà , thùy tri thiên nhãn chuyển như xa . Khứ niên vọng thủ đông lân vật , kim nhứt hoàn quy bắc xá gia . Vô nghĩa tiền tài thang bát tuyết , thẳng lai điền địa thủy thôi sa . Nhược tương giáo quyết vi sanh kế , khát tự triều khai mộ lạc hoa .

得失榮枯總是天，機關用盡也徒然。人心不足蛇吞象，世事到頭螳捕蟬。無藥可醫卿相壽，有錢難買子孫賢。家常守分隨緣過，便是逍遙自在仙。

Đắc thất vinh khô tổng thị thiên , cơ quan dụng tận dã đồ nhiên . Nhơn tâm bất túc xà thôn tượng , thế sự đáo đầu đàng bộ thiên . Vô dược khả y khanh tướng thọ , hữu tiền nan mãi tử tôn hiền . Gia thường thủ phân tùy duyên quá , tiện thị tiêu diêu tự tại tiên .

寬性寬懷過幾年，人死人生在眼前。隨高隨下隨緣過，或長或短莫埋怨。自有自無休嘆息，家貧家富總由天。平生衣食隨緣度，一日清閒一日仙。

Khoan tính khoan hoài quá kỷ niên , nhơn tử nhơn sanh tại nhãn tiền . Tùy cao tùy hạ tùy duyên quá , hoặc trường hoặc đoản mạc mai oán . Tự hữu tự vô hưu thán tức , gia bần gia phú tổng do thiên . Bình sanh y thực tùy duyên độ , nhứt nhựt thanh gian nhứt nhựt tiên .

花開不擇貧家地，月照山河到處明。世間只有人心惡，凡事還須天養人。

Hoa khai bất trạch bần gia địa , nguyệt chiếu san hà đáo xứ minh . Thế giản chỉ hữu nhơn tâm ác , phạm sự hoàn tu thiên dưỡng nhơn .

真宗皇帝御制：“知危識險，終無囉网之門。舉善荐賢，自有安身之路。施恩布德，乃世代之榮昌。懷妬報冤，與子孫之為患。損人利己，終無顯達之云程。害眾成家，豈有長久富貴。改名異體，皆因巧語而生。禍起傷身，盡是不仁之召。”

Chân Tông Hoàng Đế ngự chế : " Tri nguy thức hiểm , chung vô la võng chi môn . Cử thiện tiến hiền , tự hữu an thân chi lộ . Thi ân bố đức , nãi thế đại chi vinh xương . Hoài đố báo oan , dữ tử tôn chi vi hoạn . Tổn nhơn lợi kỷ , chung vô hiển đạt chi vân trình . Hại chúng thành gia , khởi hữu trường cứu phú quý . Cải danh di thể , giai nhơn xảo ngữ nhi sanh . Họa khởi thương thân , tận thị bất nhơn chi triệu . "

仁宗皇帝御制：“乾坤宏大，日月照鑒，
分明宇宙，寬洪天地，不容姦黨。使心用
，果報只在今生。善布淺求，獲福休言後
世。千般巧計，不如本分為人；萬種強圖
，爭似隨緣節儉。心行慈善，何須努力看
經；意欲損人，空讀如來一藏。”

Nhơn Tông Hoàng Đế ngự chế : " Kiền khôn hoành đại , nhứt
nguyệt chiếu giám , phân minh vũ trụ , khoan hồng thiên địa , bất
dung gian đảng . Sử tâm dụng , quả báo chỉ tại kim sanh . Thiện
bố thiển cầu , hoạch phúc hựu ngôn hậu thế . Thiên bản xảo kế ,
bất như bản phân vi nhơn ; vạn chủng cường đồ , tranh tự tùy
duyên tiết kiệm . Tâm hành từ thiện , hà tu nỗ lực khán kinh ; ý
dục tổn nhơn , không đọc Như Lai nhứt tạng . "

神宗皇帝御制：“遠非道之財，戒過度之
酒。居必擇鄰，交必擇友。嫉妬勿起於心
，讒言勿宣於口。骨肉貧者莫疏，他人富
者莫厚。克己以勤儉為先，愛眾以謙和為
首。常思已往之非，每念未來之咎。若依
朕之斯言，治家國而可久。”

Thần Tông Hoàng Đế ngự chế : " Viễn phi đạo chi tài , giới quá độ
chi tửu . Cư tất trạch lân , giao tất trạch hữu . Tật đồ vật khởi ư
tâm , sàm ngôn vật tuyên ư khẩu . Cốt nhục bản giả mạc sơ , tha
nhơn phú giả mạc hậu . Khắc kỷ dĩ cần kiệm vi tiên , ái chúng dĩ
khiêm hòa vi thủ . Thường tư dĩ vãng chi phi , mỗi niệm vị lai chi
cữu . Nhược y trẫm chi tư ngôn , trị gia quốc nhi khả cửu . "

高宗皇帝御制：“一星之火，能燒萬頃之

薪。半句非言，折盡平生之德。身披一縷
，常思織女之勞。日食三餐，每念農夫之
苦。苟貪嫉妬，終無十載安康。積善存仁
，必有榮華後裔。福緣善慶，多因積德而
生。入聖超凡，盡是真實而得。”

Cao Tông Hoàng Đế ngự chế : " Nhứt tinh chi hỏa , năng thiêu
vạn khoảnh chi tân . Bán cú phi ngôn , chiết tận bình sanh chi đức .
Thân phi nhứt lữ , thường tư chức nữ chi lao . Nhứt thực tam xan ,
mỗi niệm nông phu chi khổ . Cầu tham tật đồ , chung vô thập tái
an khang . Tích thiện tồn nhơn , tất hữu vinh hoa hậu duệ . Phúc
duyên thiện khánh , đa nhân tích đức nhi sanh . Nhập thánh siêu
phàm , tận thị chân thật nhi đắc . "

老子送孔子曰：“吾聞富貴者送人以財，
仁者送人以言。吾雖不能富貴於人，而竊
仁者之號，請送子以言也。曰：聰明深察
，反近於死；博辯閎遠，而危其身。”

Lão Tử tống Khổng Tử viết : " Ngô văn phú quý giả tống nhơn dĩ
tài , nhơn giả tống nhơn dĩ ngôn . Ngô tuy bất năng phú quý ư
nhơn , nhi thiết nhơn giả chi hiệu , tỉnh tống tử dĩ ngôn dã . Viết :
thông minh thâm sát , phản cận ư tử ; bác biện hoành viễn , nhi
nguy kỳ thân . "

王良曰：“欲知其君，先視其臣。欲識其
人，先視其友。欲知其父，先視其子。君
聖臣忠，父慈子孝。”

Vương Lương viết : " Dục tri kỳ quân , tiên thị kỳ thần . Dục thức

kỳ nhơn , tiên thị kỳ hữu . Dục tri kỳ phụ , tiên thị kỳ tử . Quân thánh thần trung , phụ tử tử hiếu . "

家貧顯孝子，世亂識忠臣。

Gia bần hiển hiếu tử , thế loạn thức trung thần .

家嚴口訓作：

家貧知孝子，國亂識忠臣。

Gia bần tri hiếu tử , quốc loạn thức trung thần .

《家語》云：“水至清則無魚，人至察則無徒。”

" Gia Ngữ " vân : " Thủy chí thanh tắc vô ngư , nhơn chí sát tắc vô đồ . "

子曰：“三軍可奪帥也，匹夫不可奪志也。”

Tử viết : " Tam quân khả đoạt soái dã , thất phu bất khả đoạt chí dã . "

生而知之者，上也；學而知之者，次也；困而學之，又其次也；困而不學，民斯為下矣。

Sanh nhi tri chi giả , thượng dã ; học nhi tri chi giả , thứ dã ; khốn nhi học chi , hạ kỳ thứ dã ; khốn nhi bất học , dân tư vi hạ hĩ .

君子有三思，而不可不知也。少而不學，長無能也。老而不教，死無思也。有而不施，窮無與也。是故君子少思其長則務學

，老思其死則務教，有思其窮則務施。

Quân tử hữu tam tư , nhi bất khả bất trí dã . Thiểu nhi bất học , trường vô năng dã . Lão nhi bất giáo , tử vô tư dã . Hữu nhi bất thí , cùng vô dĩ dã . Thị cố quân tử thiểu tư kỳ trường tắc vụ học , lão tư kỳ tử tắc vụ giáo , hữu tư kỳ cùng tắc vụ thí .

《景行錄》云：“能自愛者未必能成人，自欺者必網人。能自儉者未必能周人，自忍者必害人。此無他，為善難，為惡易。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Năng tự ái giả vị tất năng thành nhơn , tự khi giả tất võng nhơn . Năng tự kiệm giả vị tất năng chu nhơn , tự nhẫn giả tất hại nhơn . Thủ vô tha , vi thiện nan , vi ác dị . "

富貴者易於為善，其為惡也亦不難。

Phú quý giả dị ư vi thiện , kỳ vi ác dã diệc bất nan .

子曰：“富而可求也，雖執鞭之士，吾亦為之。如不可求，從吾所好。”

Tử viết : " Phú nhi khả cầu dã , tuy chấp tiên chi sĩ , ngô diệc vi chi . Như bất khả cầu , tùng ngô sở hảo . "

千卷詩書難卻易，一般衣飯易卻難。

Thiên quyển thi thư nan khước dị , nhứt bàn y phạn dị khước nan .

天無絕人之祿。

Thiên vô tuyệt nhơn chi lộc .

一身還有一身愁。

Nhứt thân hoàn hữu nhứt thân sầu .

子曰：“人無遠慮，必有近憂。”

Từ viết : " Nhơn vô viễn lự , tất hữu cận ưu . "

輕諾者信必寡，面譽者背必非。

Khinh nặc giả tín tất quả , diện dự giả bói tất phi .

許敬宗曰：“春雨如膏，滋長萬物，行人惡其泥濘。秋月如鏡（揚輝），普照萬方，佳人喜其玩賞，盜者惡其照鑒。”

許敬宗[592-672],唐大臣,曾主編《文館詞林》.

Hứa Kính Tông viết : " Xuân vũ như cao , tư trường vạn vật , hành nhơn ác kỳ nê ninh . Thu nguyệt như kính (dương huy) , phổ chiếu vạn phương , giai nhơn hỉ kỳ ngoạn thưởng , đạo giả ác kỳ chiếu giám . "

Hứa Kính Tông [592-672] , đường đại thần , tằng chủ biên " Văn Quán Từ Lâm " .

《景行錄》云：“大丈夫見善明，故重名節於泰山；用心剛，故輕死生如鴻毛。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Đại trượng phu kiến thiện minh , cố trọng danh tiết ư thái san ; dụng tâm cương , cố khinh tử sanh như hồng mao . "

外事無小大，中欲無淺深。有斷則生，無斷則死。大丈夫以斷為先。

Ngoại sự vô tiểu đại , trung dục vô thiển thâm . Hữu đoán tắc sanh , vô đoán tắc tử . Đại trượng phu dĩ đoán vi tiên .

子曰：“知而弗為，不如勿知。親而弗信，莫如勿親。樂而方至，樂而勿驕。患之所至，思而勿憂。”

Từ viết : " Tri nhi phát vi , bất như vật tri . Thân nhi phát tín , mạc như vật thân . Lạc nhi phương chí , lạc nhi vật kiêu . Hoạn chi sở chí , tư nhi vật ưu . "

孟子曰：“雖有智慧，不如乘勢。雖有鎡基（也作鎡錡，大鋤.），不如待時。”

Mạnh tử viết : " Tuy hữu trí tuệ , bất như thừa thế . Tuy hữu tư cơ (dã tác tư , đại sừ.) , bất như đãi thời . "

《呂氏鄉約》云：“德業相勸，過失相規，禮俗相成，患難相恤。”

呂氏鄉約: 亦稱《藍田鄉約》. 北宋呂大鈞兄弟在家鄉藍田制訂的“鄉約”.

" Lữ Thị Hương Ước " vân : " đức nghiệp tương khuyến , quá thất tương quy , lễ tục tương thành , hoạn nan tương tuất . "

Lữ Thị Hương Ước : diệp xưng " Lam Điền Hương Ước " . Bắc Tống Lữ Đại Quân huynh đệ tại gia hương Lam Điền chế đỉnh đích " hương ước " .

憫人之凶，樂人之善，濟人之急，救人之危。

Mẫn (thương xót) nhơn chi hung , lạc nhơn chi thiện , tế nhơn chi cấp , cứu nhơn chi nguy .

經目之事猶恐未真，背後之言豈足深信。

Kinh mục chi sự do khùng vị chơn , bội hậu chi ngôn khởi túc thâm tín .

人不知己過，牛不知力大。

Nhơn bất tri kỷ quá , ngưu bất tri lực đại .

不恨自家麻繩短，只怨他家古井深。

Bất hận tự gia ma thằng đoản , chỉ oán tha gia cổ tỉnh thâm .

賊濫滿天下，罪拘福薄人。

Tang lạm mãn thiên hạ , tội câu phúc bạc nhơn .

人心似鐵，官法如爐。

Nhơn tâm tự thiết , quan pháp như lò .

太公曰：“人心難滿，溪壑易盈。”

(校正本作“海水難量”。)

Thái công viết : " Nhơn tâm nan mãn , khe hác dịch doanh . "

(giáo chính bản tác " hải thủy nan lượng " .)

天若改常，不風即雨。人若改常，不病即死。

Thiên nhược cải thường , bất phong tức vũ . Nhơn nhược cải thường , bất bệnh tức tử .

《狀元詩》云：“國正天心順，官清民自安。妻賢夫禍少，子孝父心寬。”

" Trạng Nguyên Thi " vân : " Quốc chánh thiên tâm thuận , quan thanh dân tự an. Thê hiền phu họa thiểu, tử hiếu phụ tâm khoan."

孟子云：“三代之得天下也以仁，其失天下也以不仁。國之所以廢興存亡者亦然。天子不仁，不保四海；諸侯不仁，不保社稷；卿大夫不仁，不保宗廟；庶人不仁，不保四體。今惡死亡而樂不仁，是猶惡醉而強酒。”

附註: 孟子云: Sách Mạnh Tử chép rằng

孟子曰: Thầy Mạnh dạy rằng

Mạnh Tử vân : " Tam đại chi đắc thiên hạ dã dĩ nhơn , kỳ thất thiên hạ dã dĩ bất nhơn . Quốc chi sở dĩ phế hưng tồn vong giả diệc nhiên . Thiên tử bất nhơn , bất bảo tứ hải ; chư hầu bất nhơn , bất bảo xã tắc ; khanh đại phu bất nhơn , bất bảo tông miếu ; thứ nhơn bất nhơn , bất bảo tứ thể . Kim ác tử vong nhi nhạc bất nhơn , thị do ác túy nhi cường tửu . "

子曰：“始作俑者，其無後乎？”

Tử viết : " Thủy tác dũng giả , kỳ vô hậu hồ ? "

木從繩則直，君從諫則聖。

Mộc tùng thằng tắc trực , quân tùng gián tắc thánh .

佛經云：“一切有為法，如夢幻泡影，如露亦如電，應作如是觀。”

Phật Kinh vân : " Nhứt thiết hữu vi pháp , như mộng huyền bào ảnh , như lộ diệc như điện , ứng tác như thị quán . "

一派青山景色幽，前人田土後人收。後人收得莫歡喜，更有收人在後頭。

Nhứt phái thanh san cảnh sắc u , tiền nhờn điền thổ hậu nhờn thu .
Hậu nhờn thu đắc mạc hoan hỉ , canh hữu thu nhờn tại hậu đầu .

甦東坡云：“無故而得千金，不有大福，
必有大禍。”

Tô Đông Pha vân : " Vô cố nhi đắc thiên kim , bất hữu đại phúc ,
tất hữu đại họa . "

《景行錄》云：“大筵宴不可屢集，金石
文字不可輕為，皆禍之端。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " đại diên yến bất khả lữ tập , kim thạch
văn tự bất khả khinh vi , giai họa chi đoan . "

子曰：“工欲善其事，必先利其器。”

Tử viết : " Công dục thiện kỳ sự , tất tiên lợi kỳ khí . "

爭似不來還不往，也無歡喜也無愁。

Tranh tự bất lai hoàn bất vãng , dã vô hoan hỉ dã vô sầu .

康節邵先生曰：“有人來問卜，如何是禍
福。我虧人是禍，人虧我是福。”

Khang Tiết Thiệu tiên sanh viết : " Hữu nhờn lai vấn bôc , như hà
thị họa phúc . Ngã khuy nhờn thị họa , nhờn khuy ngã thị phúc . "

大廈千間，夜臥八尺。良田萬頃，日食二
升。

Đại hạ thiên gián , dạ ngọa bát xích . Lương điền vạn khoảnh ,
nhứt thực nhị thăng .

不孝謾燒千束紙，虧心枉焚萬爐香。神明
本是正直做，豈受人間枉法賊？

Bất hiếu mạn thiêu thiên thúc chỉ , khuy tâm uổng phần vạn lô
hương . Thần minh bản thị chính trực tổ , khởi thụ nhờn gián uổng
pháp tang ?

久住令人賤，貧來親也疏。但看三五日，
相見不如初。

Cửu trụ lệnh nhờn tiện , bần lai thân dã sơ . Dẫn khán tam ngũ
nhựt , tương kiến bất như sơ .

渴時一滴如甘露，醉後添杯不如無。

Khát thời nhứt tích như cam lộ , túy hậu thêm bôi bất như vô .

酒不醉人人自醉，色不迷人自迷。

Tửu bất túy nhờn nhờn tự túy , sắc bất mê nhờn nhờn tự mê .

孟子曰：“為仁不富矣，為富不仁矣。”

Mạnh tử viết : " vi nhờn bất phú hĩ , vi phú bất nhờn hĩ . "

子曰：“已矣乎！吾未見好德如好色者也
。”

Tử viết : " Dĩ hĩ hồ ! Ngô vị kiến hảo đức như hảo sắc giả dã . "

公心若比私心，何事不辨？道念若同情念
，成佛多時。

Công tâm nhược tỉ tư tâm , hà sự bất biện ? Đạo niệm nhược

đồng tình niệm , thành Phật đa thời .

老子曰：“執著之者，不明道德。”

Lão tử viết : " chấp trước chi giả , bất minh đạo đức . "

過後方知前事錯，老來方覺少時余。

Quá hậu phương tri tiền sự thác , lão lai phương giác thiếu thời dư .

楊雄曰：“君子修身，樂其道德。小人無度，樂聞其譽。修德日益，智慮日滿。”

揚雄 [前53-18], 西漢成都人, 長於辭賦, 著有《太玄法言》.

Dương Hùng viết : " Quân tử tu thân , lạc kỳ đạo đức . Tiểu nhơn vô độ , lạc văn kỳ dự . Tu đức nhật ích , trí lự nhật mãn . "

Dương Hùng [tiền 53-18] , Tây Hán Thành Đô nhơn , trường ư từ phú , trứ hữu " Thái Huyền Pháp Ngôn " .

子曰：“君子高則卑而謙，小人寵則倚勢驕奢。小人見淺易盈，君子見深難溢。故屏風雖破，骨格猶存；君子雖貧，禮義常在。”

Tử viết : " Quân tử cao tác ti nhi khiêm , tiểu nhơn sủng tác ý thể kiêu xa . Tiểu nhơn kiến thiển dị doanh , quân tử kiến thâm nan dật . Cố bình phong tuy phá , cốt cách do tồn ; quân tử tuy bần , lễ nghĩa thường tại . "

《家語》曰：“國之將興，實在諫臣。家

之將榮，必有諍子。”

" Gia ngữ " viết : " Quốc chi tương hưng , thật tại gián thần . Gia chi tương vinh , tất hữu tránh tử . "

子曰：“不知命，無以為君子也。不知禮，無以立也。不知言，無以知人也。”

Tử viết : " bất tri mệnh , vô dĩ vi quân tử dã . Bất tri lễ , vô dĩ lập dã . Bất tri ngôn , vô dĩ tri nhơn dã . "

《論語》云：“有德者必有言，有言者不必有德。”

" Luận Ngữ " vân : " Hữu đức giả tất hữu ngôn , hữu ngôn giả bất tất hữu đức . "

濂溪周先生（即周敦頤）曰：“巧者言，拙者默。巧者勞，拙者逸。巧者賊，拙者德。巧者凶，拙者吉。天下拙，刑政徹。上安下順，風清弊絕。”

Liêm Khê Chu tiên sanh (tức Chu Đôn Di) viết : " Xảo giả ngôn , chuyết giả mặc . Xảo giả lao , chuyết giả dật . Xảo giả tặc , chuyết giả đức . Xảo giả hung , chuyết giả cát . Thiên hạ chuyết , hình chánh triệt . Thượng an hạ thuận , phong thanh tệ tuyệt . "

《說苑》云：“山致其高，云雨起焉。水致其深，蛟龍生焉。君子致其道，福祿存焉。”

起: 重刊本作“興”

" Thuyết Uyển " vân : " San trí kỳ cao , vân vũ khởi yên . Thủy trí kỳ thâm , giao long sanh yên . Quân tử trí kỳ đạo , phúc lộc tồn yên . "

khởi : trùng san bốn tác " hưng "

《易》曰：“德微而位尊，智小而謀大，無禍者鮮矣。”

" Dịch " viết : " Đức vi nhi vị tôn , trí tiểu nhi mưu đại , vô họa giả tiên hĩ . "

荀子曰：“位尊則防危，任重則防廢，擅寵則防辱。”

Tuân tử viết : " Vị tôn tắc phòng nguy , nhiệm trọng tắc phòng phế , thiện sủng tắc phòng nhục . "

子曰：“夫人必自侮，然後人侮之。家必自燬，而後人燬之。國必自伐，而後人伐之。”

Tử viết : " Phù nhơn tất tự vũ , nhiên hậu nhơn vũ chi . Gia tất tự hủy , nhi hậu nhơn hủy chi . Quốc tất tự phạt , nhi hậu nhơn phạt chi . "

《說苑》云：“官怠於宦成，病加於小愈。禍生於懈惰，孝衰於妻子。察此四者，慎終如始。”

" Thuyết Uyển " vân : " Quan đãi vu hoạn thành , bệnh gia ư tiểu dữ . Họa sanh ư giải nọa , hiếu suy ư thê tử . Sát thử tứ giả , thận chung như thủy . "

子曰：“居上不寬，為禮不敬，臨喪不哀，吾何以觀之哉？”

Tử viết : " Cư thượng bất khoan , vi lễ bất kính , lâm tang bất ai , ngô hà dĩ quan chi tai ? "

孟子曰：“無君子莫治野人，無野人莫養君子。”

Mạnh Tử viết : " Vô quân tử mạc trị dã nhơn , vô dã nhơn mạc dưỡng quân tử . "

《直言訣》曰：“事君父者以忠孝，為君父者以慈愛。家與國無異，君與父相同。德顯以揚名，惟忠與孝。榮貴不招而自來，辱不逐而自去。”

" Trực Ngôn Quyết " viết : " Sự quân phụ giả dĩ trung hiếu , vi quân phụ giả dĩ từ ái . Gia dữ quốc vô dị , quân dữ phụ tương đồng . Đức hiển dĩ dương danh , duy trung dữ hiếu . Vinh quý bất chiêu nhi tự lai , nhục bất trục nhi tự khứ . "

老子曰：“六親不和不慈孝，國家昏亂無忠臣。”

Lão tử viết : " Lục thân bất hòa bất từ hiếu , quốc gia hôn loạn vô trung thần . "

《家語》云：“慈父不愛不孝之子，明君不納無益之臣。”

《家語》即《孔子家語》，原書27卷。今本10卷，系三國魏王肅搜集和偽造。

" Gia Ngữ " vân : " Từ phụ bất ái bất hiếu chi tử , minh quân bất nạp vô ích chi thần . "

" Gia Ngữ " tức " Khổng Tử Gia Ngữ " , nguyên thư 27 quyển .
Kim bản 10 quyển , hệ Tam Quốc Ngụy Vương túc sưu tập hòa
ngụy tạo .

奴須用錢買，子須破腹生。

Nô tu dụng tiền mǎi , tử tu phá phúc sanh .

莫笑他家貧，輪回事公道。莫笑他人老，
終須還到我。

Mạc tiếu tha gia bần , luân hồi sự công đạo . Mạc tiếu tha nhơn
lão , chung tu hoàn đáo ngã .

是日以過，命亦隨滅，如少水魚，於斯何
樂？

Thị nhật dĩ quá , mệnh diệt tùy giảm , như thiếu thủy ngư , ư tư
hà lạc ?

《景行錄》云：“器滿則溢，人滿則喪。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Khí mãn tắc dật , nhơn mãn tắc tang . "

羔羊雖美，眾口難調。

Cao dương tuy mỹ , chúng khẩu nan điều (khó lường) .

尺璧非寶，寸陰是競。

Xích bích phi bửu , thốn âm thị cạnh .

附註：

千字文59-60 : 尺璧非寶, 寸陰是競.

尺度名十寸為尺璧玉之圓者寶貴之也寸亦度名
陰日影也競爭也聖人不貴尺之璧而重寸之陰此

言尺璧至重而不以為寶惟以寸陰當爭而孜孜然
修其五常惟日不足也

Thiên Tự Văn 59-60: Xích bích phi bửu , Thốn âm thị cạnh .
Xích , độ danh , thập thốn vi xích; Bích, ngọc chi viên giả;
Bửu, quý chi dã; Thốn, diệt độ danh; Âm, nhật ảnh dã ;
Cạnh, tranh dã. Thánh nhơn bất quý xích chi bích, nhi
trọng thốn chi âm. Thử ngôn, xích bích chí trọng nhi bất dĩ
vi bửu, duy dĩ thốn âm đương tranh, nhi tư tư nhiên tu kỳ
ngũ thường; Duy nhật bất túc dã.

《漢書》云：“金玉者，饑不可食，寒不
可衣，自古以穀帛為貴也。”

"Hán Thư" vân : "Kim ngọc giả , cơ bất khả thực , hàn bất khả y ,
tự cổ dĩ cốc bạch vi quý dã . "

《益智書》云：“白玉投於泥，不能汙濕
其色。君子行於濁地，不能染亂其心。故
松柏可以耐雪霜，明智可以涉艱危。”

汙濕: 重刊本作“濁變”

" Ích trí thư " vân : " Bạch ngọc đầu ư nê , bất năng ô thấp kỳ sắc .
Quân tử hành ư trọc địa , bất năng nhiễm loạn kỳ tâm . Cổ tùng
bách khả dĩ nại (chịu nhện) tuyết sương , minh trí khả dĩ thiệp gian
nguy . "

ô thấp : trùng san bản tác " trọc biến " .

子曰：“不仁者，不可以久處約，不可以
長處樂。”

Tử viết : " Bất nhơn giả , bất khả dĩ cửu xử ước , bất khả dĩ
trường xử lạc . "

無求到處人情好，不飲從（從,通“縱”）他酒
价高。

Vô cầu đáo xứ nhưn tình hảo , bất ẩm tùng (tùng , thông "túng") tha
tửu giới cao .

入山擒虎易，開口告人難。

Nhập san cầm hổ dị , khai khẩu cáo nhưn nan .

孟子曰：“天時不如地利，地利不如人和。”

Mạnh tử viết : " Thiên thời bất như địa lợi , địa lợi bất như nhưn
hòa . "

遠水難救近火，遠親不如近鄰。

家母常訓：“一近鄰貳近親”

Viễn thủy nan cứu cận hỏa , viễn thân bất như cận lân .

Gia mẫu thường huấn: “ Nhứt cận lân, nhị cận thân”

太公曰：“日月雖明，不照覆盆之下。刀
劍雖快，不斬無罪之人。非災橫禍，不入
慎家之門。”

Thái Công viết : " Nhựt nguyệt tuy minh , bất chiếu phúc bồn chi
hạ . Đao kiếm tuy khoái , bất trảm vô tội chi nhưn . Phi tai hoạnh
họa , bất nhập thận gia chi môn . "

贊嘆福生，作念禍生，煩惱病生。

Tán tán phúc sanh , tác niệm họa sanh , phiền não bệnh sanh .

國清才子貴，家富小兒驕。

Quốc thanh tài tử quý , gia phú tiểu nhưn kiêu .

得福不知，禍來便覺。

Đắc phúc bất tri , họa lai tiện giác .

太公曰：“良田萬頃，不如薄藝隨身。”

Thái Công viết : " Lương điền vạn khoảnh , bất như bạc nghệ tùy
thân . "

《周禮》云：“清貧常樂，濁富多憂。”

" Chu Lễ " vân : " Thanh bần thường lạc , trọc phú đa ưu . "

房屋不在高堂，不漏便好。衣服不在綾囉
，和暖便好。飲食不在珍饈，一飽便好。
娶妻不在顏色，賢德便好。鄰里不在高低
，和睦便好。親眷不擇新舊，來往便好。
養兒不問男女，孝順便好。兄弟不在多少
，和順便好。朋友不在酒食，扶持便好。
官吏不在大小，清正便好。

Phòng ốc bất tại cao đường , bất lậu tiện hảo . Y phục bất tại lãng
la , hòa noãn tiện hảo . Ẩm thực bất tại trân tu, nhứt bão tiện hảo .
Thú thê bất tại nhan sắc, hiền đức tiện hảo . Lân lý bất tại cao đê,
hòa mục tiện hảo . Thân quyến bất trạch tân cựu , lai vãng tiện
hảo . Dưỡng nhưn bất vấn nam nữ , hiếu thuận tiện hảo . Huynh
đệ bất tại đa thiểu, hòa thuận tiện hảo . Bằng hữu bất tại tửu thực,
phù tri tiện hảo . Quan lại bất tại đại tiểu , thanh chánh tiện hảo .

道清和尚警世：“善事雖好做，無心近不
得。你若做好事，別人分不得。經典積如
山，無緣看不得。忤逆不孝順，天地容不

得。王法鎮乾坤，犯了饒不得。良田千萬頃，死來用不得。鴿前好供養，起來吃不得。錢財過壁堆，臨行將不得。命運不相助，卻也強不得。兒孫雖滿堂，死來替不得。”

Đạo Thanh Hòa Thượng cảnh thế : " Thiện sự tuy hiếu tổ , vô tâm cận bất đắc . Nễ nhược tổ hảo sự , biệt nhơn phân bất đắc . Kinh điển tích như san , vô duyên khán bất đắc . Ngõ nghịch bất hiếu thuận , thiên địa dung bất đắc . Vương pháp trấn kiên khôn , phạm liễu nhiều bất đắc . Lương điền thiên vạn khoảnh , tử lai dụng bất đắc . Linh tiền hảo cung dưỡng , khởi lai cật bất đắc . Tiền tài quá bích đôi , lâm hành tương bất đắc . Mệnh vận bất tương trợ , khước dã cường bất đắc . Nhơn tôn tuy mãn đường , tử lai thế bất đắc . "

欲修仙道先修人道，人道不能修，仙道遠矣。

Dục tu tiên đạo tiên tu nhơn đạo , nhơn đạo bất năng tu , tiên đạo viễn hĩ .

孝友朱先生曰：“終身讓路，不枉百步。終身讓畔，不失一段。”

朱先生：朱仁軌，字德容，唐代人。終生未仕，隱居養親，死後人私謚孝友先生。

Hiếu Hữu Chu Tiên Sanh viết : " chung thân nhượng lộ , bất uổng bách bộ . Chung thân nhượng bạn , bất thất nhứt đoạn . "

Chu Tiên Sanh : Chu Nhơn Quĩ , tự Đức Dung , Đường Đại nhơn . Chung sanh vị sĩ , ẩn cư dưỡng thân , tử hậu nhơn tư thí Hiếu Hữu Tiên Sanh .

顏子曰：“鳥窮則啄，獸窮則攫，人窮則詐，馬窮則跌。”

Nhan Tử viết : " Điều cùng tác trác , thú cùng tác quặc , nhơn cùng tác trá , mã cùng tác điệt . "

有意栽花花不發，無心插柳柳成陰。

Hữu ý tài hoa hoa bất phát , vô tâm sáp liễu liễu thành âm .

《景行錄》云：“廣積不如教子，避禍不如省非。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Quảng tích bất như giáo tử , tị họa bất như tỉnh phi . "

病有工夫急有錢。

Bệnh hữu công phu cấp hữu tiền .

得之易，失之易；得之難，失之難。

Đắc chi dị , thất chi dị ; đắc chi nan , thất chi nan .

宁吃開眼湯，莫吃皺眉糧。

Trữ cật khai nhãn thang , mạc cật trứu my lương .

桓范曰：“若服一縷，憶織女之勞；若食一粒，思農夫之苦。學而不勤不知道，耕而不勤不得食。怠則親者成疏，敬則疏者成親矣。”

Hoàn Phạm viết : " Nhược phục nhứt lữ , ức chức nữ chi lao ; nhược thực nhứt lạp , tư nông phu chi khổ . Học nhi bất cần bất tri

đạo , canh nhi bất cần bất đắc thực . Đãi tặc thân giả thành sơ ,
kính tặc sơ giả thành thân hĩ . "

《性理書》云：“接物之要：己所不欲，
勿施於人；行有不得，反求諸己。”

" Tính Lý Thư " vân : " Tiếp vật chi yếu : kỷ sở bất dục , vật thi vu
nhơn ; hành hữu bất đắc , phản cầu chư kỷ . "

酒色財氣四堵牆，多少賢愚在內廂。若有
世人跳得出，便是神仙不死方。

抑齋先生曰: 賢愚二者兩不相侔。

亦各自求其所欲。

Từ sắc tài khí tứ đồ tường, đa thiểu hiền ngu tại nội sương.
Nhược hữu thể nhơn khiêu đắc xuất, tiện thị thân tiên bất tử
phương .

Ức Trai Tiên sinh viết: Hiền ngu nhị giả lưỡng bất tương mầu,
Diệc các tự cầu kỳ sở dục.

人生智未生，智生人易老。心智一切生，
不覺無常到。

Nhơn sanh trí vị sanh , trí sanh nhơn dịch lão . Tâm trí nhứt thiết
sanh , bất giác vô thường đáo .

立教篇 第十二 凡十七條

Lập giáo thiên đệ thập nhị phàm thập thất điều

子曰：“立身有義而孝為本，喪祀有禮而
哀為本。戰陣有列而勇為本，治政有理而
農為本。居國有道而嗣為本，生財有時而

力為本。”

Tử viết : " Lập thân hữu nghĩa nhi hiếu vi bản , tang tự hữu lễ nhi
ai vi bản . Chiến trận hữu liệt nhi dũng vi bản , trị chánh hữu lý nhi
nông vi bản . Cư quốc hữu đạo nhi tự vi bản , sanh tài hữu thời
nhi lực vi bản . "

《景行錄》云：“為政之要，曰公與清。
成家之要，曰儉與勤。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Vi chánh chi yếu , viết công dữ thanh .
Thành gia chi yếu , viết kiệm dữ cần . "

讀書起家之本，循理保家之本，勤儉治家
之本，和順齊家之本。

Độc thư khởi gia chi bản , tuần lý bảo gia chi bản , cần kiệm trị gia
chi bản , hòa thuận gia chi bản .

勤者富之本，儉者富之源。

Cần giả phú chi bản , kiệm giả phú chi nguyên .

《孔子三計圖》云：“一生之計在於勤，
一年之計在於春，一日之計在於寅。幼而
不學，老無所知。春若不耕，秋無所望。
寅若不起，日無所辦。”

" Khổng Tử tam kế đồ " vân : " Nhứt sanh chi kế tại ư cần , nhứt
niên chi kế tại ư xuân , nhứt nhứt chi kế tại ư dần . Ấu nhi bất học ,
lão vô sở tri . Xuân nhược bất canh , thu vô sở vọng . Dần nhược
bất khởi , nhứt vô sở biện . "

《性理書》云：“五教之目：父子有親，

君臣有義，夫婦有別，長幼有序，朋友有信。”

" TÍNH LÝ THƯ " VÂN : " Ngũ giáo chi mục : phụ tử hữu thân , quân thần hữu nghĩa , phu phụ hữu biệt , trưởng ấu hữu tự , bằng hữu hữu tín . "

古靈陳先生為仙居令，教其民曰：“為吾民者，父義母慈，兄友弟恭，子孝婦順，夫婦有恩，男女有別，子弟有學，鄉閭有禮。貧窮患難，親戚相救；婚姻死喪，鄰保相助。無惰農業，無作盜賊，無學賭博，無好爭訟，無以強凌弱，無以惡凌善，無以富吞貧。行者讓路，耕者讓畔，班白者不負戴於道路，則為禮義之俗矣。”

有異本曰：古鵠陳先生

CỔ LINH TRẦN TIÊN SANH VI TIÊN CƯ LỆNH , GIÁO KỲ DÂN VIẾT : " Vi ngô dân giả , phụ nghĩa mẫu tử , huynh hữu đệ cung , tử hiếu phụ thuận , phu phụ hữu ân , nam nữ hữu biệt , tử đệ hữu học , hương lư hữu lễ . Bần cùng hoạn nan , thân thích tương cứu ; hôn nhơn tử tang , lân bảo tương trợ . Vô nọa nông nghiệp , vô tác đạo tặc , vô học đồ bác , vô hảo tranh tụng , vô dĩ cường lãng nhược , vô dĩ ác lãng thiện , vô dĩ phú thôn bần . Hành giả nhượng lộ , canh giả nhượng bạn , ban bạch giả bất phụ đái ư đạo lộ , tặc vi lễ nghĩa chi tục hĩ . "

《性理書》云：“教人者，養其善心而惡自消。治民者，導之以敬讓而爭自息。”

" TÍNH LÝ THƯ " VÂN : " Giáo nhơn giả , dưỡng kỳ thiện tâm nhi ác

tự tiêu . Trì dân giả , đạo chi dĩ kính nhượng nhi tranh tự tức . "

《禮》云：“為君止於仁，為父止於慈，為子止於孝，為友止於信，為弟止於敬，為國人交止於信。若為斯道，可以為政理矣。”

" LỄ " VÂN : " vi quân chỉ ư nhơn , vi phụ chỉ ư tử , vi tử chỉ ư hiếu , vi hữu chỉ ư tín , vi đệ chỉ ư kính , vi quốc nhơn giao chỉ ư tín . Nhược vi tự đạo , khả dĩ vi chánh lý hĩ . "

王蠋曰：“忠臣不事二君，烈女不嫁二夫。”

有異本曰：王觸 (Vương Xúc)

Vương Thục viết : " Trung thần bất sự nhị quân , liệt nữ bất giá nhị phu . "

文中子曰：“治官莫若平，臨財莫若廉。”

文中子：隋王通 [584-618] 私謚，王勃祖父，著有《中說》。

附註：平，平正 (bình , công bình).

廉，清廉 (liêm , thanh liêm).

莫若 = chẳng gì bằng.

Văn Trung Tử viết : " Trì quan mạc nhược bình , lâm tài mạc nhược liêm . "

Văn Trung Tử : Tùy Vương Thông [584-618] tư thí , Vương Bội tổ phụ , trứ hữu " Trung Thuyết " .

《說苑》云：“治國若彈琴，治家若執轡。”

" Thuyết Uyển " VÂN : " Trì quốc nhược đàn cầm , trì gia nhược chấp bí . "

孝當竭力，忠則盡命。

Hiếu đương kiệt lực , trung tắc tận mệnh .

附註:

千字文 63-64 : 孝當竭力, 忠則盡命.

善事父母為孝當合也謂理合如是也竭亦盡也論語云事父母能竭其力盡已之心為忠論語云臣事君以忠言忠臣之事君有死無二盡已之命而不惜也孝承上資父而言忠承上事君而言

Thiên Tự Văn 63-64 : Hiếu đương kiệt lực , Trung tắc tận mệnh .
Thiện sự phụ mẫu vi hiếu; Đương, hiệp dã, vị lý hiệp như thị dã;
Kiệt, diệc tận dã. Luận Ngữ vân: Sự phụ mẫu năng kiệt kỳ lực;
Tận dĩ chi tâm vi trung. Luận Ngữ vân: Thần sự quân dĩ trung;
Ngôn trung thần chi sự quân, hữu tử vô nhị; Tận dĩ chi mệnh nhi bất tích dã. Hiếu, thừa thượng tư phụ nhi ngôn; Trung thừa thượng sự quân nhi ngôn.

女慕貞潔，男效才良。

Nữ mộ trinh khiết , nam hiệu tài lương .

附註:

千字文41-42 : 女慕貞潔, 男效才良.

雖男女有異而五常之修一也慕愛也

貞潔正而靜也效法也才有能者良有德者

Thiên Tự Văn 41-42: Nữ mộ trinh khiết , Nam hiệu tài lương .
Tuy nam nữ hữu dị , nhi ngũ thường chi tu nhưt dã ; Mộ, ái dã ;
Trinh khiết , chánh nhi tĩnh dã ; Hiệu, pháp dã ; Tài, hữu năng giả ; Lương, hữu đức giả.

張思叔座右銘曰：“凡語必忠信，凡行必篤敬。飲食必慎節，字畫必楷正。容貌必端莊，衣冠必整肅。步履必安詳，居處必正靜。作事必謀始，出言必顧行。常德必

固持，然諾必重應。見善如己出，見惡如己病。凡此十四者，我皆未深省。書此當座右，朝夕視為警。”

Trương Tư Thúc tọa hữu minh viết : " Phàm ngữ tất trung tín , phàm hành tất đốc kính . Âm thực tất thận tiết , tự hoạch tất giai chánh . Dung mạo tất đoan trang , y quan tất chỉnh túc . Bộ lý tất an tường , cư xử tất chánh tĩnh . Tác sự tất mưu thủy , xuất ngôn tất cố hành . Thường đức tất cố tri , nhiên nặc tất trọng ứng . Kiến thiện như kỷ xuất , kiến ác như kỷ bệnh . Phàm thủ thập tứ giả , ngã giai vị thâm tỉnh . Thư thử đương tọa ngung , triêu tịch thị vi cảnh . "

范益謙座右銘：“一不言朝廷利害邊報差除；二不言州縣官員長短得失；三不言眾人所作過惡；四不言仕進官職趨時附勢；五不言財利多少厭貧求富；六不言淫媠戲慢評論女色；七不言求覓人物干索酒食。”又曰：“人附書信，不可開拆沉滯。與人並坐，不可窺人私書。凡入人家，不可看人文字。凡借人物，不可損壞不還。凡吃飲食，不可揀擇去取。與人同處，不可自擇便利。凡人富貴，不可嘆羨詆毀。凡此數事，有犯之者，足以見其意之不肖，於存心修身大有所害，因書以自警。”

附註: 媠, 輕慢(tiết , khinh mạn).

Phạm Ích Khiêm tọa hữu minh : " Nhưt bất ngôn triều đình lợi hại biên báo sai trừ ; nhị bất ngôn châu huyện quan viên trường đoản

đắc thất ; tam bất ngôn chúng nhờn sờ tác quá ác ; tứ bất ngôn sĩ tiên quan chức xu thời phụ thế ; ngũ bất ngôn tài lợi đa thiếu yếm bản cầu phú ; lục bất ngôn dân tiết hí mạn bình luận nữ sắc ; thất bất ngôn cầu mịch nhờn vật can tác tửu thực." Hựu viết : "Nhơn phụ thư tín , bất khả khai sách trâm trệ . Dữ nhờn tịnh tọa , bất khả khuy nhờn tư thư . Phàm nhập nhờn gia , bất khả khán nhờn văn tự . Phàm tá nhờn vật , bất khả tổn khôi bất hoàn . Phàm cật ẩm thực , bất khả giản trạch khứ thủ . Dữ nhờn đồng xử , bất khả tự trạch tiện lợi . Phàm nhờn phú quý , bất khả thán tiện để hủy . Phàm thử sở sự , hữu phạm chi giả , tức dĩ kiến kỳ ý chi bất tiểu , ư tồn tâm tu thân đại hữu sở hại , nhân thư dĩ tự cảnh ."

武王問太公曰：“人居世上，何有貴賤貧富不同？愿聞其說。”太公曰：“富貴如聖人之德，皆由天命。富者用之有節，不富者家有十盜。”武王曰：“何為十盜？”太公曰：“時熟不收為一盜，收積不了為二盜，無事燃燈寢睡為三盜，慵懶不耕為四盜，不施工力為五盜，專行竊害為六盜，養畜太多為七盜，晝眠懶起為八盜，貪酒嗜欲為九盜，強行嫉妬為十盜。”武王曰：“家無十盜，不富者何如？”太公曰：“人家必有三耗。”武王曰：“何名三耗？”太公曰：“倉庫漏濕不蓋鼠雀亂食為一耗，收種失時為二耗，拋撒米谷穢賤為三耗。”武王曰：“家無三耗，不富者何？”太公曰：“

人家必有一錯二誤三痴四失五逆六不祥七奴八賤九愚十強。自招其禍，非天降殃。”武王曰：“悉愿聞之。”太公曰：“養男不教訓為一錯，嬰孩不訓為二誤，初迎新婦不行教訓為三痴，未語先笑為四失，不養父母為五逆，夜起赤身為六不祥，好挽他弓為七奴，愛騎他馬為八賤，吃他酒勸他人為九愚，勸（食）他飯命朋友為十強。”武王曰：“甚矣，誠哉斯言也。”

Võ Vương vấn Thái Công viết : " Nhơn cư thế thượng , hà hữu quý tiện bản phú bất đồng ? Nguyên văn kỳ thuyết . " Thái Công viết : " Phú quý như thánh nhờn chi đức , giai do thiên mệnh . Phú giả dụng chi hữu tiết , bất phú giả gia hữu thập đạo . " Võ Vương viết : " Hà vi thập đạo ? " Thái công viết : " Thời thực bất thu vi nhứt đạo , thu tích bất liễu vi nhị đạo , vô sự nhiên đặng tầm thụ vi tam đạo , thung lại bất canh vi tứ đạo , bất thi công lực vi ngũ đạo , chuyên hành thiết hại vi lục đạo , dưỡng súc thái đa vi thất đạo , trú miên lại khởi vi bát đạo , tham tửu thị dục vi cửu đạo , cường hành tật đổ vi thập đạo . " Võ Vương viết : " Gia vô thập đạo , bất phú giả hà như ? " Thái công viết : " Nhơn gia tất hữu tam hao . " Võ Vương viết : " Hà danh tam hao ? " Thái công viết : " thương khó lậu thấp bất cái thử tước loạn thực vi nhứt hao , thu chủng thất thời vi nhị hao , phao tạt mẽ cốc uest tiện vi tam hao . " Võ vương viết : " Gia vô tam hao , bất phú giả hà ? " Thái công viết : " Nhơn gia tất hữu nhứt thác , nhị ngộ , tam si , tứ thất , ngũ nghịch , lục bất tường , thất nô , bát tiện , cửu ngu , thập cường . Tự chiêu kỳ họa , phi thiên hàng ương . " Võ Vương viết : " Tất nguyên văn chi . " Thái công viết : " Dưỡng nam bất giáo huấn vi nhứt thác , anh hài bất huấn vi nhị ngộ , sơ nghênh tân phụ bất hành giáo huấn vi tam si , vị ngữ tiên tiểu vi tứ thất , bất dưỡng

phụ mẫu vi ngũ nghịch , dạ khởi xích thân vi lục bất tường , hảo
văn tha cung vi thất nô , ái kị tha mã vi bát tiện , cật tha tửu
khuyến tha nhơn vi cửu ngu , khuyến (thực) tha phạn mệnh bằng
hữu vi thập cường . " Võ Vương viết : " Thập hĩ , thành tai tư
ngôn dã . "

三綱：君為臣綱，父為子綱，夫為婦綱。

綱：封建禮教所提倡的人與人之間的道德標準

Tam Cang : Quân vi thần cang, phụ vi tử cang, phu vi phụ cang.

Cang : phong kiến lễ giáo sở đề xướng đích nhơn dữ nhơn chi
giản đích đạo đức tiêu chuẩn .

治政篇 第十三 凡二十二條

Tri Chánh thiên đê thập tam phạm nhị thập nhị điều

明道先生曰：“一界之士，苟存心於愛物，於人必有所濟。”

Minh Đạo Tiên Sanh viết : "Nhứt giới chi sĩ, cầu tồn tâm ư ái vật, ư nhơn tất hữu sở tế."

唐太宗御制：“上有麾之，中有乘之，下有附之。幣帛衣之，倉廩食之，爾俸爾祿，民膏民脂。下民易虐，上蒼難欺。”

Đường Thái Tông ngự chế : " Thượng hữu huy chi , trung hữu thừa chi , hạ hữu phụ chi . Tê bạch y chi , thương lẫm thực chi , nhĩ bổng nhĩ lộc , dân cao dân chi . Hạ dân dị ngược , thượng thương nan khi . "

《童蒙訓》曰：“當官之法，唯有三事：曰清，曰慎，曰勤。知此三者，則知所以持身矣。”

童蒙訓: 宋呂本中撰, 三卷. 是書為其家塾訓課之本, 所記有師友遺聞及立身處世讀書仕宦之要.

" Đồng Mông Huán " viết : " Đương quan chi pháp , duy hữu tam sự : viết thanh , viết thận , viết cần . Tri thử tam giả , tắc tri sở dĩ trì thân hĩ . "

Đồng Mông Huán : Tống Lữ Bản Trung soạn , tam quyển . Thị thư vi kỳ gia thực huấn khóa chi bản , sở ký hữu sự hữu di văn cập lập thân xử thế độc thư sĩ hoạn chi yếu .

當官者，必以暴怒為戒。事有不可，當詳

處之，必無不當。若先暴怒，只能自害，豈能害人。

Đương quan giả , tất dĩ bạo nộ vi giới . Sự hữu bất khả , đương tường xử chi , tất vô bất đương . Nhược tiên bạo nộ , chỉ năng tự hại , khởi năng hại nhơn .

事君如事親，事官長如事兄。與同僚如家人，待群吏如奴仆。愛百姓如妻子，處國事如家事。然後能盡吾之心，如有毫末不至，皆吾心有所未盡也。

Sự quân như sự thân , sự quan trường như sự huynh . Dữ đồng liêu như gia nhơn , đãi quần lại như nô phó . Ái bách tính như thê tử , xử quốc sự như gia sự . Nhiên hậu năng tận ngô chi tâm , như hữu hào mạt bất chí , giai ngô tâm hữu sở vị tận dã .

或問：“簿，佐令者也。簿所欲為，令或不從，奈何？”伊川先生曰：“當以誠意動之。今令與簿不和，只是爭私意。令是邑之長，若能以事父兄之道事之，過則歸己，善則唯恐不歸於令，積此誠意，豈有不動得人？”

Hoặc vấn : " Bạ , tá lệnh giả dã . Bạ sở dục vi , lệnh hoặc bất tùng , nại hà ? " Y Xuyên tiên sanh viết : " Đương dĩ thành ý động chi . Kim lệnh dữ bạ bất hòa , chỉ thị tranh tư ý . Lệnh thị áp chi trường , nhược năng dĩ sự phụ huynh chi đạo sự chi , quá tắc quy kỳ , thiện tắc duy khùng bất quy ư lệnh , tích thử thành ý , khởi hữu bất động đắc nhơn ? "

凡異色人，皆不宜與之相接。巫祝尼媪之類，尤宜罷絕，要以清心省事為本。

Phàm dị sắc nhơn , giai bất nghi dĩ chi tương tiếp . Vu chúc ni ào chi loại , vuu nghi bãi tuyệt , yếu dĩ thanh tâm tĩnh sự vi bản .

劉安禮問臨民。明道先生曰：“使民各得輸其情。”問御史。曰：“正己以格物。”

Lưu An Lễ vấn lâm dân . Minh Đạo tiên sanh viết : " sử dân các đắc thân kỳ tình . " Vấn ngự sử . Viết : " chính kỷ dĩ cách vật . "

韓魏公問明道先生。說：“立朝大概前面路子放教寬，若窄時，異日和自家無轉側處。”

韓魏公: 韓琦[1008-1075], 宋相州安陽人,
被封魏國公.

Hàn Ngụy Công vấn Minh Đạo tiên sanh . Thuyết : " Lập triều đại khái tiền diện lộ tử phóng giáo khoan , nhược trách thời , di nhật hòa tự gia vô chuyển trắc xứ . "

Hàn Ngụy Công : Hàn Kỳ [1008-1075] , Tổng Tương Châu An Dương nhơn , bị phong ngự quốc công .)

子曰：“不教而殺謂之虐，不戒視成謂之暴，慢令致期謂之賊。”

Tử viết : " Bất giáo nhi sát vị chi ngược , bất giới thị thành vị chi bạo , mạn lệnh trí kỳ vị chi tặc . "

舉直錯諸枉，能使枉者直。

Cử trực thác chư uổng , năng sử uổng giả trực .

舉直錯諸枉，則民服。舉枉錯諸直，則民不服。

Cử trực thác chư uổng , tắc dân phục . Cử uổng thác chư trực , tắc dân bất phục .

其身正，不令而行。其身不正，雖令不從。

Kỳ thân chánh , bất lệnh nhi hành . Kỳ thân bất chánh , tuy lệnh bất tùng .

言忠信，行篤敬，雖蠻貊之邦行矣。言不忠信，行不篤敬，雖州里行乎哉？！

Ngôn trung tín , hành đốc kính , tuy man mạch chi bang hành hĩ . Ngôn bất trung tín , hành bất đốc kính , tuy châu lý hành hồ tai ? !

蠻貊 (man mạch, con beo thuộc bộ lạc ngày xưa, miền đông bắc nước Tàu)

子貢曰：“位尊者，德不可薄。官大者，政不可欺。”

Tử Cống viết : " Vị tôn giả , đức bất khả bạc . Quan đại giả , chánh bất khả khi . "

子謂子產有君子之道四焉：其行己也恭，其事上也敬，其養民也惠，其使民也義。

Tử vị Tử Sản hữu quân tử chi đạo tứ yên : kỳ hành kỷ dã cung , kỳ sự thượng dã kính , kỳ dưỡng dân dã huệ , kỳ sử dân dã nghĩa .

子張問仁於孔子。子曰：“恭則不侮，寬

則得眾，信則人任焉。敏則有功，惠則足以使人。”

Tử Trường vấn nhơn ư Khổng Tử . Tử viết : " Cung tắc bất vũ , khoan tắc đắc chúng , tín tắc nhơn nhiệm yên . Mẫn tắc hữu công , huệ tắc túc dĩ sử nhơn . "

子曰：“君子惠而不費，勞而不怨，欲而不貪，泰而不驕，威而不猛。”

Tử viết : " quân tử huệ nhi bất phí , lao nhi bất oán , dục nhi bất tham , thái nhi bất kiêu , uy nhi bất mãnh . "

孟子曰：“責難於君謂之恭，陳善閉邪謂之敬，吾君不能謂之賊。”

Mạnh Tử viết : " Trách nan ư quân vị chi cung , trần thiện bế tà vị chi kính , ngô quân bất năng vị chi tặc . "

《書》云：“木以繩直，君以諫正。”

" Thư " vân : " mộc dĩ thăng trực , quân dĩ gián chánh . "

《抱朴子》曰：“迎斧鉞而敢諫，投鼎鑊而盡言，此謂忠臣也。”

晉葛洪自號抱朴子，並以名其書。

" Bão Phác Tử " viết : " Nghênh phủ việt nhi cảm gián , đầu đỉnh hoạch nhi tận ngôn , thử vị trung thần dã . "

Tán Cát Hồng tự hiệu Bão Phác Tử , tịnh dĩ danh kỳ thư .

忠臣不怕死，怕死不忠臣。

Trung thần bất phạ tử , phạ tử bất trung thần .

顧東橋先生座側銘：“言行擬之古人則德業進，功名付之天命則心事閒。報應會及子孫則治政公，受享慮及疾病則費用儉。”

Cổ Đông Kiều tiên sanh tọa trắc minh : " Ngôn hành nghi chi cổ nhơn tắc đức nghiệp tiến , công danh phó chi thiên mệnh tắc tâm sự gian . Báo ứng hội cập tử tôn tắc trị chánh công , thụ hưởng lự cập tật bệnh tắc phí dụng kiệm . "

先儒曰：“處事不可不斬捷，存心不可不寬舒，待己不可不嚴明，與人不可不和氣。”

Tiên Nho viết : " Xử sự bất khả bất trảm tiệp , tồn tâm bất khả bất khoan thư , đãi kỷ bất khả bất nghiêm minh , dữ nhơn bất khả bất hòa khí . "

二眉曙青朱先生曰：“居位臨民現宰官者，必非無因，每見仕途上人都認自家是某官某宦，不知自家就是救世的活佛。有功者賞，有過者罰。除害安民，慈惠多方，只是一個恰好，不可太過不及。果能為人父母公祖，使地方老幼男女個個得所，化成極樂世界，家家供俸，人人頂禮，官也做了，佛也成了，何等心安，何等快捷，較之面壁修行，云壤萬仞矣！”

Nhị My Thự Thanh Chu tiên sanh viết : " Cư vị lâm dân hiện tể quan giả , tất phi vô nhơn , mỗi kiến sĩ đồ thượng nhơn đô nhận

tự gia thị mỗ quan mỗ hoạn , bất tri tự gia tự thị cứu thế đích hoạt Phật . Hữu công giá thưởng , hữu quá giá phạt . Trừ hại an dân , từ huệ đa phương , chỉ thị nhứt cá khắp hảo , bất khả thái quá bất cập . Quả năng vi nhơn phụ mẫu công tổ , sử địa phương lão ấu nam nữ cá cá đắc sở , hóa thành cực nhạc thế giới , gia gia cung bồng , nhơn nhơn đĩnh lễ , quan dã tổ liễu , Phật dã thành liễu , hà đẳng tâm an , hà đẳng khoái tiệp , giác chi diện bích tu hành , vân nhượng vạn nhận hĩ ! "

治家篇 第十四 凡十六條

Tri gia thiên đệ thập tứ phạm thập lục điều

司馬溫公曰：“凡諸卑幼，事無大小，無得專行，必咨稟於家長。”

Tư Mã Ôn Công viết : " Phạm chư ti ấu , sự vô đại tiểu , vô đắc chuyên hành , tất tư bẩm ư gia trưởng . "

勤儉常豐，至老不窮。

Cần kiệm thường phong , chí lão bất cùng .

待客不可不豐，治家不可不儉。

Đãi khách bất khả bất phong , trị gia bất khả bất kiệm .

有錢常備無錢日，安樂須防病患時。

Hữu tiền thường bị vô tiền nhật , an lạc tu phòng bệnh hoạn thời .

健奴無禮，嬌兒無孝。

Kiến nô vô lễ , kiêu nhi vô hiếu .

教婦初來，教子嬰孩。

Giáo phụ sơ lai , giáo tử anh hài .

太公曰：“痴人畏婦，賢婦敬夫。”

Thái Công viết : " Si nhơn úy phụ , hiền phụ kính phu . "

凡使奴僕，先問饑寒。

Phàm sử nô bộc , tiên vấn cơ hàn .

時時防火發，夜夜防賊來。

Thời thời phòng hỏa phát , dạ dạ phòng tặc lai .

子孝雙親樂，家和萬事成。

Tử hiếu song thân lạc , gia hòa vạn sự thành .

《景行錄》云：“觀朝夕之早晏，可以識人家之興替。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Quán triêu tịch chi tảo yển , khả dĩ thức nhơn gia chi hưng thế . "

司馬溫公曰：“凡議婚姻，先須察其壻與婦之性行及家法何如，勿苟慕其富貴。壻苟賢矣，今雖貧賤，安知異時不富貴乎？苟為不肖，今雖富盛，安知異時不貧賤乎？婦者，家之所由盛衰也。苟慕一時之富貴而娶之，彼挾其富貴，鮮有不輕其夫而傲其舅姑，養成驕妬之性，異日為患，庸有極乎？假使因婦財以致富，依婦勢以取貴，苟有丈夫之志氣者，能無愧乎？”

Tư Mã Ôn Công viết : " Phàm nghị hôn nhân , tiên tu sát kỳ tể dũ phụ chi tính hành cập gia pháp hà như , vật cầu mộ kỳ phú quý . Tế cầu hiền hĩ , kim tuy bản tiện , an tri di thời bất phú quý hồ ? Cầu vi bất tiếu , kim tuy phú thịnh , an tri di thời bất bản tiện hồ ? Phụ giả , gia chi sở do thịnh suy dã . Cầu mộ nhứt thời chi phú quý nhi thú chi , bỉ hiệp kỳ phú quý , tiền hữu bất khinh kỳ phu nhi ngạo kỳ cữu cô , dưỡng thành kiêu đồ chi tính , di nhứt vi hoạn , dung hữu cực hồ ? Giả sử nhân phụ tài dĩ trí phú , y phụ thể dĩ thủ quý , cầu hữu trượng phu chi chí khí giả , năng vô quý hồ ? "

安定胡先生曰：“嫁女必須勝吾家者。勝吾家者，則女之事夫，必欽必戒。娶婦必須不若吾家者。不若吾家者，則婦之事舅姑，必執婦道。”

安定胡先生: 即胡瑗[993-1059]：北宋初學者，教育家。學者稱安定先生。

An Định Hồ tiên sanh viết : " Giá nữ tất tu thắng ngô gia giả . Thắng ngô gia giả , tắc nữ chi sự phu , tất khâm tất giới . Thú phụ tất tu bất nhược ngô gia giả . Bất nhược ngô gia giả , tắc phụ chi sự cữu cô , tất chấp phụ đạo . "

An Định Hồ tiên sanh, tức Hồ Viện [993-1059] : Bắc Tống sơ học giả , giáo dục gia . Học giả xưng An Định tiên sanh .

男大不婚，如劣馬無韁；女長不嫁，如私鹽犯首。

Nam đại bất hôn , như liệt mã vô cương ; nữ trưởng bất giá , như tư diêm phạm thủ .

文中子曰：“婚娶而論財，夷虜之道也。”

Văn Trung Tử viết : " Hôn thú nhi luận tài , di lỗ chi đạo dã . "

司馬溫公曰：“凡為家長，必謹守禮法，以御群子弟及家眾，分之以職，授之以事，而責其成功。制財用之節，量入以為出，稱家之有無，以給上下之衣食及吉凶之費，皆有品節，而莫不均一。裁省冗費，禁止奢華，常須稍存贏余，以備不虞。”

Tư Mã Ôn Công viết : " Phàm vi gia trưởng , tất cẩn thủ lễ pháp , dĩ ngự quần tử đệ cập gia chúng , phân chi dĩ chức , thụ chi dĩ sự , nhi trách kỳ thành công . Chế tài dụng chi tiết , lượng nhập dĩ vi xuất , xưng gia chi hữu vô , dĩ cấp thượng hạ chi y thực cập cát hung chi phí , giai hữu phẩm tiết , nhi mạc bất quân nhứt . Tài tỉnh những phí , cấm chỉ xa hoa , thường tu sảo tồn doanh dư , dĩ bị bất ngu . "

顧東橋先生曰：“厚費以多營，不若省事以守儉。”

Cố Đông Kiều tiên sanh viết : " Hậu phí dĩ đa doanh , bất nhược tỉnh sự dĩ thủ kiệm . "

先儒云：“待客當潔不當豐，不惟不能繼，亦非所以惜福。”

Tiên Nho vân : " Đãi khách đương khiết bất đương phong , bất duy bất năng kế , diệc phi sở dĩ tích phúc . "

二眉曙青朱先生曰：“主人為一家觀瞻。我能勤，眾何敢惰？我能公，眾何敢私？”

我既美衣美食，眾何可受饑寒？我既男婚女嫁，僕婢須令得所。一夫一婦，天下之正道。孤陰寡陽，人間之缺陷。無子不敢不娶，有子多妾何為？或娶妾久而無出者，恐負彼青春，未免閨怨，又當及時為之覓良配而成室家。免了多少孽冤，解卻多少纏縛。至於精氣漸衰，年華漸邁者，對青鏡而自生愁嘆，尚問嬌柔悅汝乎？知得歲月有限，黃金買我不出，美色窺我不見也。”

Nhị My Thự Thanh Chu tiên sanh viết : " Chủ nhờn vi nhứt gia quán chiêm . Ngã năng cần , chúng hà cảm nọa ? Ngã năng công , chúng hà cảm tư ? Ngã ký mỹ y mỹ thực , chúng hà khả thụ cơ hàn ? Ngã ký nam hôn nữ giá , bặc tì tu lệnh đắc sở . Nhứt phu nhứt phụ , thiên hạ chi chính đạo . Cô âm quả dương , nhờn gian chi khuyết hãm . Vô tử bất cảm bất thú , hữu tử đa thiếp hà vi ? Hoặc thú thiếp cửu nhi vô xuất giả , khùng phụ bỉ thanh xuân , vị miễn khuê oán , hựu đương cập thời vi chi mịch lương phối nhi thành thất gia . Miễn liễu đa thiếu nghiệt oan , giải khước đa thiếu triền phục . Chí ư tinh khí tiệm suy , niên hoa tiệm mại giả , đối thanh kính nhi tự sanh sầu thán , thượng vấn kiều nhu duyệt nữ hồ ? Tri đắc tuế nguyệt hữu hạn , hoàng kim mãi ngã bất xuất , mỹ sắc khuy ngã bất kiến dã . "

創業艱難，守者不易。前人用盡心力無非為兒孫計，後人深加體貼，不惟保全見在，益復廣大門庭。不肖之子，視一切如土芥，棄之惟恐不速，甚至家無立錫，游手

好閒，甘為人下而不知自恥，良可悼與！與其求人甚難，追悔不及，莫若慎之子始，克勤克儉，早圖萬全之策。

Sáng nghiệp gian nan , thủ giả bất dĩ . Tiên nhờn dụng tận tâm lực vô phi vi nhờn tôn kế , hậu nhờn thâm gia thể thiếp , bất duy bảo toàn kiến tại , ích phục quảng đại môn đình . Bất tiểu chi tử , thị nhứt thiết như thổ giới , khí chi duy khùng bất tốc , thậm chí gia vô lập trụ , du thủ hảo gian , cam vi nhờn hạ nhi bất tri tự sĩ , lương khả điệu dĩ ! Dĩ kỳ cầu nhờn thậm nan , truy hồi bất cập , mạc nhược thân chi kiết thủy , khắc cần khắc kiệm , tảo đồ vạn toàn chi sách .

安義篇 第十五 凡五條

An Nghĩa thiên đệ thập ngũ phạm ngũ điều

《顏氏家訓》曰：“夫有人民而後有夫婦，有夫婦而後有父子，有父子而後有兄弟。一家之親，此三者而已矣。自茲以往，至於九族，皆本於三親焉。故於人倫為重者也，不可不篤。”

" Nhan Thị Gia Huấn " viết : " Phu hữu nhờn dân nhi hậu hữu phu phụ , hữu phu phụ nhi hậu hữu phụ tử , hữu phụ tử nhi hậu hữu huynh đệ . Nhứt gia chi thân , thử tam giả nhi dĩ hĩ . Tự tự dĩ vãng , chí ư cửu tộc , giai bản ư tam thân yên . Cố ư nhờn luân vi trọng giả dã , bất khả bất đốc . "

曹大家曰：“夫婦者，以義為親，以恩為合。欲行楚撻，義欲何義？

詈罵叱喧，恩欲何恩？恩義既絕，鮮不離矣。”

曹大家，即班昭。嫁曹世叔，早寡。班固著《漢書》未成而卒，漢和帝令其妹班昭續成之。又為皇後及諸貴人當老師，號曰大家[“家”，讀作“姑”]。著《女誡》等。

Tào đại gia viết : " Phu phụ giả , dĩ nghĩa vi thân , dĩ ân vi hiệp . Dục hành sở thát , nghĩa dục hà nghĩa ? Lị mạ sát huyền , ân dục hà ân ? Ân nghĩa ký tuyệt , tiên bất ly hĩ . "

Tào đại gia, tức Ban Chiêu . Giá Tào Thê Thúc , tảo quả . Ban cố trú " Hán Thư " vị thành nhi tốt , Hán Hòa Đế lệnh kỳ muội Ban Chiêu tục thành chi . Hựu vi hoàng hậu cập chư quý nhơn đương lão sư , hiệu viết đại gia [" gia " , độc tác " cô "] . Trú " Nữ Giới " đẵng .

莊子云：“兄弟為手足，夫婦為衣服。衣服破時更得新，手足斷時難再續。”

Trang tử vân : " huynh đệ vi thủ túc , phu phụ vi y phục . Y phục phá thời canh đắc tân , thủ túc đoạn thời nan tái tục . "

甦東坡云：“富不親兮貧不疏，此是人間大丈夫。富則進兮貧則退，此是人間真小輩。”

Tô Đông Pha Vân : " Phú bất thân hề bần bất sơ , thử thị nhơn gian đại trượng phu . Phú tắc tiến hề bần tắc thoái , thử thị nhơn gian chân tiểu bối . "

太公曰：“知恩報恩，風光如雅。有恩不

報，非為人也。”

Thái Công Viêt : " Tri ân báo ân , phong quang như nhã . Hữu ân bất báo , phi vi nhơn dã . "

二眉曙青朱先生曰：“順境易度，逆境難堪。飽暖之家，弗肯慮及饑寒。誰無親族姻眷，鄰里鄉党，貧不能舉火，孤寡無力完娶，一概置之不問，大傷天和，富貴豈能常保乎？逢歲小旱，民不聊生，減己糧而賑救，活人多矣。內不居功，外不求知，謂之陰德，莫可限量。”

Nhị My Thụ Thanh Chu tiên sanh viết : " Thuận cảnh dị độ , nghịch cảnh nan kham . Bão noãn chi gia , phát khảng lự cập cơ hàn . Thùy vô thân tộc nhơn quyến , lân lý hương đảng , bần bất năng cử hỏa , cô quả vô lực hoàn thú , nhứt khái trí chi bất vấn , đại thương thiên hòa , phú quý khởi năng thường bảo hồ ? Phùng tuế tiểu hạn , dân bất liêu sanh , giảm kỷ lương nhi chẩn cứu , hoạt nhơn đa hĩ . Nội bất cư công , ngoại bất cầu tri , vị chi âm đức , mạc khả hạn lượng . "

遵禮篇 第十六 凡二十一條

Tuân Lễ thiên đệ thập lục phạm nhị thập nhứt điều

子曰：“居家有禮，故長幼序。閨門有禮，故三族和。朝廷有禮，故官爵序。田獵有禮，故戎事閒。軍旅有禮，故武功成。”

Tử viết : " Cư gia hữu lễ , cố trường ấu tự . Khuê môn hữu lễ , cố

tam tộc hòa . Triều đình hữu lễ , cố quan tước tự . Điền liệt hữu lễ , cố nhung sự gian . Quân lữ hữu lễ , cố võ công thành . "

晏子曰：“上無禮，無以使下；下無禮，無以事上。”

Yén Tử Viết : " Thượng vô lễ , vô dĩ sử hạ ; hạ vô lễ , vô dĩ sự thượng . "

子曰：“恭而無禮則勞，慎而無禮則蕙，勇而無禮則亂，直而無禮則絞。”

Tử viết : " Cung nhi vô lễ tắc lao , thận nhi vô lễ tắc ti , dũng nhi vô lễ tắc loạn , trực nhi vô lễ tắc giáo . "

君子有勇而無禮則亂，小人有勇而無禮為盜。

Quân tử hữu dũng nhi vô lễ tắc loạn , tiểu nhơn hữu dũng nhi vô lễ vi đạo .

孟子曰：“君子所以異於人者，以其存心也。君子以仁存心，以禮存心。仁者愛人，禮者敬人。愛人者人恒愛之，敬人者人恒敬之。”

Mạnh tử viết : " quân tử sở dĩ dị ư nhơn giả , dĩ kỳ tồn tâm dã . Quân tử dĩ nhơn tồn tâm , dĩ lễ tồn tâm . Nhơn giả ái nhơn , lễ giả kính nhơn . Ái nhơn giả nhơn hằng ái chi , kính nhơn giả nhơn hằng kính chi . "

有子曰：“禮之用，和為貴。”

Hữu tử viết : " lễ chi dụng , hòa vi quý . "

言不和，貌且恭。

Ngôn bất hòa , mạo thả cung .

恭近於禮，遠恥辱也。

Cung cận ư lễ , viễn sỉ nhục dã .

程子曰：“無不敬。”

Trình tử viết : " Vô bất kính . "

曾子曰：“朝廷莫如爵，鄉黨莫如齒，輔世長民莫如德。”

Tăng tử viết : " Triều đình mạc như tước , hương đảng mạc như xỉ , phụ thế trường dân mạc như đức . "

孟子云：“徐行後長者謂之弟，疾行先長者謂之不弟。”

Mạnh Tử vân : " Từ hành hậu trường giả vị chi đệ , tật hành tiên trường giả vị chi bất đệ . "

出門如見賓，入室如有人。

Xuất môn như kiến tân , nhập thất như hữu nhơn .

《少儀》曰：“執虛如執盈，入虛如有人。”

《禮記》的篇名，記載貴族子弟應學的禮儀。
" Thiếu Nghi " viết : " Chấp hư như chấp doanh , nhập hư như hữu nhơn . "

" Lễ Ký " đích thiên danh , ký tái quý tộc tử đệ ứng học đích lễ nghi .

孔子於鄉黨，恂恂如也，似不能言者。

Khổng tử ư hương đảng, tuân tuân như dã, tự bất năng ngôn giả.

若要人重我，無過我重人。

Nhược yếu nhơn trọng ngã, vô quá ngã trọng nhơn.

太公曰：“客無親疏，來者當愛。”

Thái Công viết : " Khách vô thân sơ , lai giả đương ái . "

父不言子之德，子不言父之過。

Phụ bất ngôn tử chi đức , tử bất ngôn phụ chi quá .

樂共子曰：“民生於三，事之如一。父生之，師教之，君食之。非父不生，非食不長，非教不知，生之族也。”

Loan Cộng Tử viết : " Dân sanh ư tam , sự chi như nhất . Phụ sanh chi , sư giáo chi , quân thực chi . Phi phụ bất sanh , phi thực bất trường , phi giáo bất tri , sanh chi tộc dã . "

《禮記》曰：“男女不同坐，不親授。嫂叔不通問，父子不同席。”

" Lễ ký " viết : " Nam nữ bất đồng tọa , bất thân thụ . Tẩu thúc bất thông vấn , phụ tử bất đồng tịch . "

《論語》曰：“祭如在，祭神如神在。”

" Luận Ngữ " viết : " Tế như tại , tế thần như thần tại . "

子曰：“事死如事生，事亡如事存，孝之至也。”

Tử viết : " Sự tử như sự sanh , sự vong như sự tồn , hiếu chi chí dã . "

《宣康府家訓》：“兒曹凡見豔色冶容年長者如姑母，年少者如兒女，年相若者如姐妹。若能如此把持，庶幾不至越禮。”

" Tuyên Khang Phủ Gia Huấn " : " Nhi tào phàm kiến diễm sắc dã dung niên trưởng giả như cô mẫu , niên thiếu giả như nhi nữ , niên tương nhược giả như tả muội . Nhược năng như thử bả trì , thử kỷ bất chí việt lễ . "

二眉曙青朱先生曰：“耳可為，目鼻可為，舌心則無不可為。能為人所能為，不為人不為。每日應事接物，如駕順水之舟，只須掌得舵穩。當行則行，不履邪徑；當坐則坐，無偏無倚；當立則立，端凝不苟；當言則言，是非不阿；當揖則揖，當拜則拜，無事一毫矯強，何等自在！有時勞筋骨，苦心志，餓體膚，都只安心順受，切莫怨天尤人，可上可下，能屈能伸，心性圓明，了無色相，才是頂天立地一個漢子。”

Nhị My Thự Thanh Chu tiên sanh viết : " Nhĩ khả vi , mục khả vi , thiết tâm tắc vô bất khả vi . Năng vi nhơn sở năng vi , bất vi nhơn bất vi . Mỗi nhựt ứng sự tiếp vật , như giá thuận thủy chi chu , chỉ tu chường đắc đả ổn . Đương hành tắc hành , bất lý tà kính ; đương tọa tắc tọa , vô thiên vô ý ; đương lập tắc lập , đoan ngưng bất cầu ; đương ngôn tắc ngôn , thị phi bất a ; đương áp tắc áp , đương bái tắc bái , vô sự nhứt hào kiêu cường , hà đẳng tự tại ! Hữu thời lao cân cốt , khổ tâm chí , ngạ thể phu , đồ chỉ an tâm thuận thụ , thiết mạc oán thiên vu nhơn , khả thượng khả hạ , năng khuất năng thân , tâm tính viên minh , liễu vô sắc tướng , tài thị đĩnh thiên lập địa nhứt cá hán tử . "

老少長幼, 天分秩序, 不可悖理而傷道也.

Lão thiếu trường ấu , thiên phân trật tự , bất khả bội lý nhi thương đạo dã .

存信篇 第十七 凡七條

Tồn tín thiên đệ thập thất phàm thất điều

子曰：“人而無信，不知其可也。大車無輓其何以行之哉？”

Tử viết : " Nhơn nhi vô tín , bất tri kỳ khả dã . Đại xa vô nghệ kỳ hà dĩ hành chi tại ? "

老子曰：“人之有信，如車有輪。”

Lão Tử viết : " Nhơn chi hữu tín , như xa hữu luân . "

君子一言, 快馬一鞭. 一言既出, 駟馬難追.

Quân tử nhứt ngôn , khoái mã nhứt tiên . Nhứt ngôn ký xuất , tứ mã nan truy .

子路無宿諾。

Tử lộ vô túc nặc .

司馬溫公曰：“誠之道固難入，然當自不妄語始。”

Tư Mã Ôn Công Viết : " Thành chi đạo cố nan nhập , nhiên đương tự bất vọng ngữ thủy . "

《益智書》云：“君臣不信國不安，父子不信家不睦。兄弟不信情不親，朋友不信交易疏。”

"Ích Trí Thư" vân : " Quân thần bất tín quốc bất an , phụ tử bất tín gia bất mục . Huynh đệ bất tín tình bất thân , bằng hữu bất tín giao dịch sơ . "

言語篇 第十八 凡二十五條

Ngôn Ngữ thiên đệ thập bát phàm nhị thập ngũ điều

子曰：“中人以上，可以語上也；中人以下，不可以語上也。可與言而不與之言失人，不可與言而與之言失言。知者不失人，亦不失言。”

Tử viết : " Trung nhơn dĩ thượng , khả dĩ ngữ thượng dã ; trung nhơn dĩ hạ , bất khả dĩ ngữ thượng dã . Khả dĩ ngôn nhi bất dĩ chi ngôn thất nhơn , bất khả dĩ ngôn nhi dĩ chi ngôn thất ngôn . Tri giả bất thất nhơn , diệc bất thất ngôn . "

士相見，《禮》曰：“與君言，言使臣；與大夫言，言事君；與老者言，言使弟子；與幼者言，言孝弟於父兄；與眾言，言忠信慈祥；與居官者言，言忠信。”

Sĩ tương kiến, " Lễ " viết : " Dữ quân ngôn , ngôn sử thần ; dữ đại phu ngôn , ngôn sự quân ; dữ lão giả ngôn , ngôn sử đệ tử ; dữ ấu giả ngôn , ngôn hiếu đễ ư phụ huynh ; dữ chúng ngôn , ngôn trung tín từ tường ; dữ cư quan giả ngôn , ngôn trung tín . "

子曰：“夫人不言，言必有中。”

Tử viết : " Phù nhơn bất ngôn , ngôn tất hữu trung . "

劉會曰：“言不中理，不如不言。一言不中，千言（重刊本作“萬語”）無用。”

Lưu Hội viết : " Ngôn bất trung lý , bất như bất ngôn . Nhứt ngôn bất trung , thiên ngôn (trùng san bản tác " vạn ngữ " .) vô dụng . "

《景行錄》云：“稠人廣坐，一言之失，顏色之差，便有悔吝。”

"Cảnh Hàng Lục" vân : " Trù nhơn quảng tọa , nhứt ngôn chi thất , nhan sắc chi soa , tiện hữu hối lận . "

子曰：“小辨害義，小言破道（重刊本作“小義害道”）。”

Tử viết : " Tiểu biện hại nghĩa , tiểu ngôn phá đạo (trùng san bản tác " tiểu nghĩa hại đạo ") . "

君平曰：“口舌者，禍患之門，滅身之斧也。”

Quân bình viết : " Khẩu thiệt giả , họa hoạn chi môn , diệt thân chi phủ dã . "

四皓謂子房曰：“向獸彈琴，徒盡其聲。以言傷人，痛如刀戟。”

四皓：秦末東園公，角里先生，綺里季，夏黃公隱於商山，年皆八十多，時稱“商山四皓”。
子房：即張良[?-前189]，漢初大臣，字子房。

Tứ Hạo vị Tử Phòng viết : " Hưởng thú đàn cầm , đồ tận kỳ thanh . Dĩ ngôn thương nhơn , thống như đao kích . "

Tứ Hạo : Tàn mạt đông viên công , Lộ Lý tiên sinh , khí lý quý , hạ hoàng công ẩn ư thương sơn , niên giai bát thập đa , thời xưng " Thương Sơn Tứ Hạo " .
Tử Phòng , tức Trương Lương [?- tiền 189] , Hán sơ đại thần , tự Tử Phòng .

荀子曰：“與人善言，暖如布帛。傷人之言，深如矛戟。”

Tuân Tử viết : " Dữ nhơn thiện ngôn , noãn như bố bạch . Thương nhơn chi ngôn , thâm như mâu kích . "

《離騷經》云：“甜言如蜜，惡語如刀。人不以多言為益，犬不以善吠為良。”

"Ly tao kinh" vân : " Điềm ngôn như mật , ác ngữ như đao . Nhơn bất dĩ đa ngôn vi ích , khuyển bất dĩ thiện phệ vi lương . "

刀瘡易好，惡語難消。

Đao sang dị hảo , ác ngữ nan tiêu .

利人之言，暖如綿絲。傷人之語，利如荊棘。一言半句，重值千金。一語傷人，痛如刀割。

Lợi nhơn chi ngôn , noãn như miên ti . Thương nhơn chi ngữ , lợi như kinh cước . Nhứt ngôn bán cú , trọng trị thiên kim . Nhứt ngữ thương nhơn , thống như đao cắt .

口是傷人斧，唇是割舌刀。閉口深藏舌，安身處處牢。

Khẩu thị thương nhơn phủ , thân thị cát thiết đao . Bế khẩu thâm tàng thiết , an thân xứ xứ lao .

子貢曰：“一言以為智，一言以為不智。言不可不慎也。”

Tử Cống viết : " Nhứt ngôn dĩ vi trí , nhứt ngôn dĩ vi bất trí . Ngôn bất khả bất thận dã . "

《論語》云：“一言可以興邦，一言可以喪邦。”

" Luận Ngữ " vân : " Nhứt ngôn khả dĩ hưng bang , nhứt ngôn khả dĩ tang bang . "

《藏經》云：“人於倉卒顛沛之際，善用一言者，上資祖考，下贍兒孫。”

又叫大藏經，一切經。佛教經書的總稱。

" Tạng kinh " vân : " Nhơn ư thương tốt điền phái chi tế , thiện dụng nhứt ngôn giả , thượng tư tổ khảo , hạ ám nhi tôn . "

Tạng kinh , hựu khiêu Đại Tạng Kinh , nhứt thiết kinh .
Phật giáo kinh thư đích tổng xưng .

逢人且說三分話，未可全拋一片心。不怕虎生三個口，只恐人懷兩樣心。

Phùng nhơn thả thuyết tam phân thoại , vị khả toàn phao nhứt phiến tâm . Bất phạ hổ sanh tam cá khẩu , chỉ khủng nhơn hoài lưỡng dạng tâm .

子曰：“巧言令色，鮮矣仁。”

Tử viết : " xảo ngôn lệnh sắc , tiên hĩ nhơn . "

酒逢知己千鐘（鐘，通“盅”）少，話不投機半句多。

家嚴口訓：鐘/盅作盃

Tửu phùng tri kỷ thiên chung (chung , thông " chung " .) thiểu , Thoại bất đầu cơ bán cú đa .

能言能語解人，胸寬腹大。

Năng ngôn năng ngữ giải nhơn , hung khoan phúc đại .

荀子云：“贈人一句（以言），重如金石珠玉。勸人以言，美如詩賦文章。聽人以言，樂如鐘鼓琴瑟。”

Tuân Tử vân : " Tặng nhơn nhứt cú (dĩ ngôn) , trọng như kim thạch châu ngọc . Khuyến nhơn dĩ ngôn , mỹ như thi phú văn chương . Thính nhơn dĩ ngôn , lạc như chung cổ cầm sắt . "

子曰：“惡人難與言，遜避以自勉。”

Từ viết : " Ác nhơn nan dữ ngôn , tổn tị dĩ tự miễn . "

道聽而途說，德之棄也。

Đạo thính nhi đồ thuyết , đức chi khí dã .

先儒曰：“能行不能言，無損其行。能言不能行，不如勿言。”

Tiên nho viết : " Năng hành bất năng ngôn , vô tổn kỳ hạnh . Năng ngôn bất năng hành , bất như vật ngôn . "

對病夫勿言某死，對貪夫勿言己廉。言雖無意，聽者必厭。

Đối bệnh phu vật ngôn mỗ tử , đối tham phu vật ngôn kỷ liêm .
Ngôn tuy vô ý , thính giả tất yếm .

婦人之言不可聽，婢妾之言尤不可聽。

Phụ nhơn chi ngôn bất khả thính , tì thiếp chi ngôn vu (lại càng) bất khả thính .

說性命，雖不必真，強似說情欲；言道德，雖不必行，強似講俗事。

Thuyết tính mệnh , tuy bất tất chơn , cưỡng tự thuyết tình dục ;
ngôn đạo đức , tuy bất tất hành , cưỡng tự giảng tục sự .

顧東橋先生曰：“好辯以招尤，不若默以怕性。夸能以誨妬，不若韜精以示拙。”

Cổ Đông Kiều Tiên Sanh viết : " Hiếu biện dĩ chiêu vu , bất nhược mặc dĩ phạ tính . Khoa năng dĩ hối đồ , bất nhược thao tinh

dĩ thị chuyết . "

交友篇 第十九 凡二十四條

Giao hữu thiên đệ thập cửu phạm nhị thập tứ điều

子曰：“與善人居，如入芝蘭之室，久而不聞其香，即與之化矣。與不善人居，如入鮑魚之肆，久而不聞其臭，亦與之化矣。丹之所藏者赤，漆之所藏者黑，是以君子必慎其所與處者焉。”

Từ viết : " Dữ thiện nhơn cư , như nhập chi lan chi thất , cửu nhi bất văn kỳ hương , tức dữ chi hóa hĩ . Dữ bất thiện nhơn cư , như nhập bảo ngư chi tứ , cửu nhi bất văn kỳ xú , diệc dữ chi hóa hĩ . Đan chi sở tàng giả xích , tất chi sở tàng giả hắc , thị dĩ quân tử tất thận kỳ sở dữ xử giả yên . "

“與好人交者，如蘭蕙之香，一家種之，兩家皆香。與惡人交者，如抱子上牆，一人失腳，兩人遭殃。”

" Dữ hảo nhơn giao giả , như lan huệ chi hương , nhưt gia chủng chi , lưỡng gia giai hương . Dữ ác nhơn giao giả , như bảo tử thượng tường , nhưt nhơn thất cước , lưỡng nhơn tao ương . "

《家語》云：“與好人同行，如霧露中行，雖不濕衣，時時滋潤。與無識人同行，如廁中坐，雖不汗衣，時時聞臭。與惡人

同行, 如刀劍中行, 雖不傷人, 時時驚恐."

" Gia ngữ " vân : " Dữ hảo nhơn đồng hành , như vụ lộ trung hàng , tuy bất thấp y , thời thời tư nhuận . Dữ vô thức nhơn đồng hành , như xí trung tọa , tuy bất ô y , thời thời văn xú . Dữ ác nhơn đồng hành , như đao kiếm trung hàng , tuy bất thương nhơn , thời thời kinh khủng . "

太公曰：“近朱者赤, 近墨者黑. 近賢者明, 近才者智, 近痴者愚. 近良者德, 近智者賢, 近愚者暗, 近佞者諂, 近偷者賊.”

Thái Công viết : " Cận chu giả xích , cận mặc giả hắc . Cận hiền giả minh , cận tài giả trí , cận si giả ngu , cận lương giả đức , cận trí giả hiền , cận ngu giả ám , cận nịnh giả siểm , cận thâu giả tặc."

橫渠先生曰：“今之朋友, 擇其善柔以相與, 拍肩執袂以為氣合. 一言不合, 怒氣相加. 朋友之際, 欲其相下 不倦. 故於朋友之間, 至於敬者, 日相親與, 德效最速.”

橫渠先生: 即張載 [1020-1077], 宋鳳翔橫渠鎮人, 學者稱橫渠先生.

Hoành Cừ Tiên Sanh viết : " Kim chi bằng hữu , trạch kỳ thiện nhu dĩ tương dữ , phách kiên chấp mệ dĩ vi khí hiệp . Nhứt ngôn bất hiệp , nộ khí tương gia . Bằng hữu chi tế , dực kỳ tương hạ bất quyện . Cố ư bằng hữu chi gian , chí ư kính giả , nhứt tương thân dữ , đức hiệu tối tốc . "

Hoành Cừ Tiên Sanh : tức Trương Tải [1020-1077] , Tống Phụng Tường Hoành Cừ trấn nhơn , học giả xưng Hoành Cừ Tiên Sanh .

子曰：“晏平仲善與人交, 久而敬之.”

晏平仲, 即晏嬰[?-前500], 晏子, 春秋時齊國大夫, 字平仲.

Tử viết : "Yén Bình Trọng Thiện dữ nhơn giao, cửu nhi kính chi ." Yên Bình Trọng tức Yên Anh [?- tiền 500] , Yên Tử , Xuân Thu thời Tề quốc Đại Phu , tự Bình Trọng.

嵇康（三國魏文學家、思想家。）曰：“凶險之人，敬而遠之。賢德之人，親而近之。彼以惡來，我以善應。彼以曲來，我以直應。豈有怨之哉？”

Kê Khang (233-262 Tam Quốc Ngụy văn học gia , tư tưởng gia .) viết : "Hung hiểm chi nhơn , kính nhi viễn chi . Hiền đức chi nhơn , thân nhi cận chi . Bĩ dĩ ác lai , ngã dĩ thiện ứng . Bĩ dĩ khúc lai , ngã dĩ trực ứng . Khởi hữu oán chi tai ? "

Kê Khang (233-262) Tam Quốc Ngụy văn học gia, tư tưởng gia.

孟子曰：“自暴者，不可與有言也。自棄者，不可與有為也。”

Mạnh Tử viết : " Tự bạo giả , bất khả dữ hữu ngôn dã . Tự khí giả , bất khả dữ hữu vi dã . "

太公曰：“女無明鏡，不知面上精粗；士無良友，不知行步虧踰。”

Thái Công viết : " Nữ vô minh kính , bất tri diện thượng tinh thô ; sĩ vô lương hữu , bất tri hành bộ khuyết dư . "

子曰：“責善，朋友之道。”

Tử viết : " Trách thiện , bằng hữu chi đạo . "

結朋友須勝己，似我不如無。

Kết bằng hữu tu thắng kỷ , tự ngã bất như vô .

相識滿天下，知心能幾人？

Tương thức mãn thiên hạ , tri tâm năng kỷ nhơn ?

種樹莫種垂楊柳，結交莫交輕薄兒。

Chủng thụ mạc chủng thụ dương liễu , kết giao mạc giao khinh bạc nhi .

古人結交惟結心，今人結交惟結面。

Cổ nhơn kết giao duy kết tâm , kim nhơn kết giao duy kết diện .

宋弘曰：“糟糠之妻不下堂，貧賤之交不可忘。”

Tống Hoảng viết : " Tao khang chi thê bất hạ đường , bần tiện chi giao bất khả vong . "

施恩於未遇之先，結交於貧寒之際。人情常似初相識，到老終無怨恨心。

Thi ân ư vị ngộ chi tiên , kết giao ư bần hàn chi tế . Nhơn tình thường tự sơ tương thức , đáo lão chung vô oán hận tâm .

酒食弟兄千個有，急難之時一個無。

Tửu thực đệ huynh thiên cá hữu , cấp nạn chi thời nhứt cá vô .

不結子花休要種，無義之朋切莫交。

Bất kết tử hoa hưu yếu chủng , vô nghĩa chi bằng thiết mạc giao .

君子之交淡如水，小人之交甜似蜜。

Quân tử chi giao đạm như thủy , tiểu nhơn chi giao điềm tự mật .

人用財交，金用火試。水持杖探知深淺，人用財交便見心。

Nhơn dụng tài giao , kim dụng hỏa thí . Thủy trì trượng thám tri thâm thiển , nhơn dụng tài giao tiện kiến tâm .

仁義莫交財，交財仁義絕。

Nhơn nghĩa mạc giao tài , giao tài nhơn nghĩa tuyệt .

路遙知馬力，事久見人心。

Lộ diêu tri mã lực , sự cửu kiến nhơn tâm .

家嚴口訓作：

長途知馬力，事久見人心。

Trường đồ tri mã lực , sự cửu kiến nhơn tâm .

顧東橋先生曰：“廣交以延譽，不若索居以自全。”

Cố Đông Kiều Tiên Sanh viết : " Quảng giao dĩ diên dự , bất nhược tác cư dĩ tự toàn . "

文清公曰：“不能受言者，不可妄與一言，此是善交一法也。”

Văn Thanh Công Viết : " Bất năng thụ ngôn giả , bất khả vọng dữ nhứt ngôn , thử thị thiện giao nhứt pháp dã . "

婦行篇 第二十 凡八條

Phụ Hạnh thiên đệ nhị thập phàm bát điều

子曰：“婦人，伏於人也。是故無專制之義，有三從之道。在家從父，適人從夫，夫死從子，無所敢自遂也。教令不出閨門，事在饋食之間而已矣。是故女及笄乎閨門之內，不百里而奔喪。事無擅為，行無獨成。參知而後動，可驗而後言。晝不游庭，夜行以火，無火則止。所以正婦德也。”

Tử viết : " phụ nhơn , phục ư nhơn dã . Thị cố vô chuyên chế chi nghĩa , hữu tam tùng chi đạo . Tại gia tùng phụ , thích nhơn (theo chồng) tùng phu , phu tử tùng tử , vô sở cảm tự toại dã . Giáo lệnh bất xuất khuê môn , sự tại quỹ thực chi gian nhi dĩ hĩ . Thị cố nữ cập kê hồ khuê môn chi nội , bất bách lý nhi bồn tang . Sự vô thiện vi , hành vô độc thành . Tham tri nhi hậu động , khả nghiệm nhi hậu ngôn . Trú bất du đình , dạ hành dĩ hòa , vô hòa tắc chỉ . Sở dĩ chánh phụ đức dã . "

《益智書》云：“女有四德之譽。一曰婦德，二曰婦容，三曰婦言，四曰婦工也。婦德者，不必才明絕異；婦容者，不必顏色美麗；婦言者，不必辨口利詞；婦工者，不必伎巧過人也。其婦德者，清貞廉節，守分整齊，行止有恥，動靜有法，此為

婦德也。婦言者，擇辭而說，不說非語，時然後言，人不厭其言，此為婦言也。婦容者，洗浣塵垢，衣服鮮潔，沐浴及時，一身無穢，此為婦容也。婦工者，專勤紡織，勿好葷酒，供其甘旨，以奉賓客，此為婦工也。此四德者，婦人之大德也。為之甚易，務在於正。依此而行，是為婦節也。”

" Ích Trí Thư " vân : " Nữ hữu tứ đức chi dự . Nhứt viết phụ đức , nhị viết phụ dung , tam viết phụ ngôn , tứ viết phụ công dã . Phụ đức giả , bất tất tài minh tuyệt di ; phụ dung giả , bất tất nhan sắc mỹ lệ ; phụ ngôn giả , bất tất biện khẩu lợi từ ; phụ công giả , bất tất kỹ xảo quá nhơn dã . Kỳ phụ đức giả , thanh trinh liêm tiết , thủ phạm chỉnh tề , hành chỉ hữu sỉ , động tịnh hữu pháp , thủ vi phụ đức dã . Phụ ngôn giả , trạch từ nhi thuyết , bất thuyết phi ngữ , thời nhiên hậu ngôn , nhơn bất yếm kỳ ngôn , thủ vi phụ ngôn dã . Phụ dung giả , tẩy hoán trần cấu , y phục tiên khiết , mộc dục cập thời , nhứt thân vô ố , thủ vi phụ dung dã . Phụ công giả , chuyên cần phưởng chức , vật hiếu huân tửu , cung kỳ cam chỉ , dĩ phụng tân khách , thủ vi phụ công dã . Thủ tứ đức giả , phụ nhơn chi đại đức dã . Vi chi thậm dĩ , vụ tại ư chánh . Y thủ nhi hành , thị vi phụ tiết dã . "

太公曰：“婦人之禮，語必細輕，行必緩步，止則端一，容貌則莊敬，耳無余聽，目無余視。出無諂容，廢飾裙褶，不窺牆壁，不觀戶牖。早起夜眠，莫憚勞苦。戰戰兢兢，常憂玷辱。”

Thái Công viết : " Phụ nơn chi lễ , ngữ tất tế khinh , hành tất hoãn bộ , chỉ tắc đoan nhứt , dung mạo tắc trang kính . Nhĩ vô dư thính , thả vô dư thị . Xuất vô siểm dung , phé sức quần điệp , bất khuy tường bích , bất quan hộ dũ . Tảo khởi dạ miên , mạc đạn (chớ sợ) lao khổ . Chiến chiến căng căng (nằm nằm nóp nóp) , thường ưu điểm nhục . "

賢婦令夫貴，惡婦令夫敗。

Hiền phụ lệnh phu quý , ác phụ lệnh phu bại .

家有賢妻，夫不遭橫禍。

Gia hữu hiền thê , phu bất tao hoành họa .

賢婦和六親，佞婦破六親。

Hiền phụ hòa lục thân , nịnh phụ phá lục thân .

六親 lục thân : ông bà, bác chú cô dì, anh chị em nội ngoại .

或問：“孀婦於禮似不可娶，如何？”

程伊川先生曰：“凡娶以配身也，若娶失節者，是已失節也。”又問：“或有孀婦，貧窮無託者，可再嫁否？”曰：“只是後世怕饑寒死，故有是說。然餓死事極小，失節事極大。”

Hoặc vấn : " sương phụ ư lễ tự bất khả thú , như hà ? " Trình Y xuyên tiên sanh viết : " Phàm thú dĩ phối thân dã , nhược thú thất tiết giả , thị kỳ thất tiết dã . " Hựu vấn : " Hoặc hữu sương phụ , bản cùng vô thác giả , khả tái giá phủ ? " Viết : " Chỉ thị hậu thế phạ cơ hàn tử , cố hữu thị thuyết . Nhiên ngạ tử sự cực tiểu , thất tiết sự cực đại . "

《列女傳》（一名《古列女傳》，西漢劉向撰。分母儀、賢明、仁智、貞順、節義、辯通、嬖孽等七門，共記105名婦女事蹟。）曰：“古者婦人妊子，寢不側，坐不偏，立不蹕（蹕：站立不正）。不食邪味，割不正不食，席不正不坐。目不視邪色，耳不聽淫聲。夜則令瞽誦詩，道正事。如此則生子形容端正，才智過人矣。”

" Liệt Nữ Truyện " (nhứt danh " Cổ Liệt Nữ Truyện " , Tây Hán Lưu Hướng soạn . Phân mẫu nghi , hiền minh , nơn trí , trinh thuận , tiết nghĩa , biện thông , bệ nghiệt đẵng thất môn , cộng ký 105 danh phụ nữ sự tích .) viết : " cổ giả phụ nơn tử , tẩm bất trắc , tọa bất thiên , lập bất tất (tất : trạm lập bất chánh) . Bất thực tà vị , cát bất chánh bất thực , tịch bất chánh bất tọa . Mục bất thị tà sắc , nhĩ bất thính âm thanh . Dạ tắc lệnh cổ tụng thi , đạo chánh sự . Như thử tắc sanh tử hình dung đoan chánh , tài trí quá nơn hĩ . "

4

《新刻前賢切要明心寶鑒》

" Tân Khắc Tiền Hiền Thiết Yếu Minh Tâm Bửu Giám "

讀書千遍，其義自現。

Độc thư thiên biến , kỳ nghĩa tự hiện .

學在一人之下，用在萬人之上。

Học tại nhứt nơn chi hạ , dụng tại vạn nơn chi thượng .

嚴師出弟子，嚴母出巧女。

Nghiêm sư xuất đệ tử , nghiêm mẫu xuất xảo nữ .

不打不成人，打了做官人。欲求生富貴，
須下死功夫。

Bất đả bất thành nhơn , đả liễu tổ quan nhơn . Dục cầu sanh phú
quý , tu hạ tử công phu .

惜錢不教子，說短莫從師。

Tích tiền bất giáo tử , thuyết đoản mạc tùng sư .

擇師教子，擇壻嫁女。

Trạch sư giáo tử , trạch tể giá nữ .

惡求千貫易，善化一文難。

Ác cầu thiên quán dị , thiện hóa nhứt văn nan .

平生不做虧心事，半夜敲門心不驚。

Bình sanh bất tố khuy tâm sự , bán dạ xao môn tâm bất kinh .

若要小兒安，無過不饑寒。

Nhược yếu tiểu nhi an , vô quá bất cơ hàn .

宁做大家狗，休討小家人。

小家做事慌張，大家做事尋常。

Trữ tố đại gia cẩu , hưu thảo tiểu gia nhơn .

Tiểu gia tố sự hoảng trương , đại gia tố sự tầm thường .

父母養其身，朋友長其志。

Phụ mẫu dưỡng kỳ thân , bằng hữu trường kỳ chí .

種田靠土，養子靠母。

Chủng điền khoán thổ , dưỡng tử khoán mẫu .

家有千貫，不如朝進一文。

Gia hữu thiên quán , bất như triều tiến nhứt văn .

龍生龍子，虎生豹兒。

Long sanh long tử , hổ sanh báo nhi .

道吾好者是吾賊，道吾歹者是吾師。

Đạo ngô hảo giả thị ngô tặc , đạo ngô歹 giả thị ngô sư .

孝順還生孝順子，忤逆還生忤逆兒。不信
但看檐前水，點點滴滴不差移。

Hiếu thuận hoàn sanh hiếu thuận tử , ngỗ nghịch hoàn sanh ngỗ
nghịch nhi . Bất tín đãn khan diêm tiền thủy , điểm điểm tích tích
bất soa di .

狼行千里吃肉，狗行千里吃骨。

Lang hành thiên lý cật nhục , cẩu hành thiên lý cật cốt .

雞兒不吃無功之食，羔羊乃有跪乳之恩。

Kê nhi bất cật vô công chi thực ,
cao dương nãi hữu quy nhũ chi ân .

《詩》云：“子曰：卿牢事不出，籬牢火
不入。”

" Thi " vân: " Tử viết : Khanh lao sự bất xuất, ly lao hỏa bất nhập."

從交休說真言語，異日無情道是非。

Tùng giao hưu thuyết chơn ngôn ngữ , di nhật vô tình đạo thị phi .

桑條從小紐，長大紐不曲。

Tang điều tùng tiểu nữu , trường đại nữu bất khúc .

宁向好人相罵，休對惡人說話。

Trữ hướng hảo nhơn tương mạ , hưu đối ác nhơn thuyết thoại .

人不受千言，木不受萬斧。

Nhơn bất thụ thiên ngôn , mộc bất thụ vạn phủ .

好言一句三冬暖，話不投機六月寒。

Hảo ngôn nhứt cú tam đông noãn (ấm áp) , thoại bất đầu cơ lục nguyệt hàn .

小心為人之本，剛強惹禍之根。

Tiểu tâm vi nhơn chi bản , cương cường nhạ họa chi căn .

宁可胡吃，不可胡說。

Trữ khả hồ cật , bất khả hồ thuyết .

一雙伶俐眼，都是是非唇。

Nhứt song linh lệ nhãn , đô thị thị phi thần .

十分心機使七分，留下三分與子孫。

Thập phân tâm cơ sử thất phân , lưu hạ tam phân dữ tử tôn .

山上有地須天種，衙門無事莫去行。

San thượng hữu địa tu thiên chủng , nha môn vô sự mạc khứ

hành .

兩懶夾一勤，和勤一下懶。兩勤夾一懶，
和懶一下勤。

Lưỡng lãn giáp nhứt cần , hòa cần nhứt hạ lãn . Lưỡng cần giáp nhứt lãn , hòa lãn nhứt hạ cần .

勸君莫睡日頭紅，蚤起三朝當一工。若還
全家都蚤起，免得求人落下風。

Khuyến quân mạc thụy nhật đầu hồng , tảo (sớm) khởi tam triều đương nhứt công . Nhược hoàn toàn gia đô tảo khởi , miễn đắc cầu nhơn lạc hạ phong .

千般滋味不如吃鹽，富貴榮華不如種田。

Thiên bàn tư vị bất như cật diêm , phú quý vinh hoa bất như chủng điền .

國以農為本，民以食為先。

Quốc dĩ nông vi bản , dân dĩ thực vi tiên .

經紀道路眼前花，鋤頭落地是莊家。

走盡天涯並海角，只有鋤頭不悞人。

Kinh kỳ đạo lộ nhãn tiền hoa , sử đầu lạc địa thị trang gia .

Tẩu tận thiên nhai tịnh hải giác , chỉ hữu sử đầu bất ngộ nhơn .

除了心頭火，何用佛前燈。口內摩訶娑，
船里蛆渣上。

Trừ liễu tâm đầu hỏa , hà dụng Phật tiền đăng . Khẩu nội ma ha sa , thuyền lý thư tra thượng .

摩訶娑：梵語“摩訶衍那”，大乘法，指佛經。
ma ha sa : phạm ngữ Mahāyāna "ma ha diển na" đại thừa pháp , chỉ Phật kinh .

布得春風有夏雨，冬來寒冷禮義生。

Bố đắc xuân phong hữu hạ vũ , đông lai hàn lãnh lễ nghĩa sanh .

人情布的，冤家結的。

Nhơn tình bố đích , oan gia kết đích .

行須緩步，語要低聲。

Hành tu hoãn bộ , ngữ yếu đề thanh .

學成文武藝，方作帝王臣。

Học thành văn võ nghệ , phương tác đế vương thần .

聚少成多，滴水成河。

Tụ thiểu thành đa , tích thủy thành hà .

一緣二命三風水，四積陰功五讀書。

Nhứt duyên nhị mệnh tam phong thủy , tứ tích âm công ngũ độc thư .

畫龍畫虎難畫骨，知人知面不知心。

Hoạ long hoạ hổ nan hoạ cốt , tri nhơn tri diện bất tri tâm .

家嚴口訓作：

畫虎畫皮難畫骨，知人知面不知心。

Hoạ hổ hoạ bì nan hoạ cốt , tri nhơn tri diện bất tri tâm .

千金易得，好話難求。

Thiên kim dịch đắc , hảo thoại nan cầu .

學到知羞處，原是藝不精。

Học đáo tri tu xứ , nguyên thị nghệ bất tinh .

逢惡莫怕，遇善莫欺。

Phùng ác mạc怕 , ngộ thiện mạc khi .

人無兩不是，車無坐倒地。

Nhơn vô lưỡng bất thị , xa vô tọa đảo địa .

窮漢養嬌子，富漢得奴使。

Cùng hán dưỡng kiều tử , phú hán đắc nô sử .

文官坐處筆硯，武官坐處弓箭。

Văn quan tọa xứ bút nghiễn , võ quan tọa xứ cung tiễn .

不是秀才莫看書，不是屠行莫殺豬。

不是船家手，休要弄篙竿。

Bất thị tú tài mạc khán thư , bất thị đồ hàng mạc sát trư .

Bất thị thuyền gia thủ , hưu yếu lộng cao can .

天黃有雪，人黃有病。

Thiên hoàng hữu tuyết , nhơn hoàng hữu bệnh .

文官把筆安天下，武將提刀定太平。

Văn quan bả bút an thiên hạ , võ tướng đề đao định thái bình .

乖漢做媒，痴漢做保。

Quai hán tố môi , si hán tố bảo .

差之毫厘，失之千里。

Sai chi hào ly , thất chi thiên lý .

男大當婚，女長必嫁。

Nam đại đương hôn , nữ trưởng tất giá .

笑人前，落人後。

Tiểu nhơn tiền , lạc nhơn hậu .

花有重開日，人不再少年。

Hoa hữu trùng khai nhật , nhơn bất tái thiếu niên .

家有賢妻，男兒不遭禍。家有能夫，妻兒不吃淡飯。

Gia hữu hiền thê , nam nhi bất tao họa . Gia hữu năng phu , thê nhi bất cật đạm phạn .

養家千口易，獨自一身難。

Dưỡng gia thiên khẩu dị , độc tự nhứt thân nan .

莫道君行早，更有早行人。

Mạc đạo quân hành tảo , canh hữu tảo hành nhơn .

砍樹不倒斧口小，論人不過文字少。

Khảm thụ bất đảo phủ khẩu tiểu , luận nhơn bất quá văn tự thiểu .

宁可隨娘千日好，莫教隨爺一日孤。

Trữ khả tùy nương thiên nhật hảo , mạc giáo tùy gia nhứt nhật cô .

龍游淺水遭蝦戲，虎落平陽被犬欺。

Long du thiển thủy tao hà hí , hổ lạc bình dương bị khuyển khi .

一步一促，路也不遠。

Nhứt bộ nhứt xúc (rảo bước), lộ dã bất viễn .

鼻如鷹嘴，啄人腦髓。面上無肉，必是怪物。

Tỵ như ưng chủy , trác nhơn não tủy . Diện thượng vô nhục , tất thị quái vật .

古人云：“至善無如孝，極惡不過淫。我若淫人婦，人必淫我妻。”

Cổ Nhơn vân : " Chí thiện vô như hiếu , cực ác bất quá dâm . Ngã nhược dâm nhơn phụ , nhơn tất dâm ngã thê . "

人窮志短，馬瘦毛長。

Nhơn cùng chí đoản , mã sấu mao trường .

不經一事，不長一志。

Bất kinh nhứt sự , bất trường nhứt chí .

是非終日有，不聽自然無。

Thị phi chung nhật hữu , bất thính tự nhiên vô .

宁可吃飲稱眉水，從前不吃皺眉湯。

Trữ khả cật ẩm xưng my thủy , từng tiền bất cật trứu my thang .

宁可等你害人，莫叫别人害你。

(似為“宁可等人害你，莫叫你害別人”之誤。)

你害別人猶自可，別人害你卻如何？

Trữ khả đảng nhơn hại nễ , mạc khiếu biệt nhơn hại nễ . (Tự vi "trữ khả đảng nhơn hại nễ, mạc khiếu nễ hại biệt nhơn" chi ngộ.)

Nễ hại biệt nhơn do tự khả , biệt nhơn hại nễ khước như hà ?

《漢書》云：“長江無六月，青山有時寒

。”(應是“長江無青山，六月有時寒”之誤。)

"Hán thư" vân : "Trùng Giang vô lục nguyệt , thanh sơn hữu thời hàn ." (Ưng thị " Trùng Giang vô thanh san , lục nguyệt hữu thời hàn " chi ngộ .)

子不嫌母醜，犬不怨家寒。

Tử bất hiềm mẫu xú , khuyển bất oán gia hàn .

狗記千里路，牛還百日鄉。

Cẩu ký thiên lý lộ , ngưu hoàn bách nhật hương .

討得一日飽，忘了百日饑。

Thảo đắc nhật bão , vong liễu bách nhật cơ .

人不通古今，馬牛如襟裾 (應是“馬牛而襟裾”

。襟：衣的交領。裾：衣服的前襟。此處用以代指衣裳。)。人不知學，譬如牛羊。嗚呼老矣

，歲不我延。

Nhơn bất thông cổ kim , mã ngưu như khâm cư (ưng thị " mã ngưu nhi khâm cư " . Khâm : y đích giao lĩnh . Cư : y phục đích tiền khâm .

Thử xú dụng dĩ đại chỉ y thường .) . Nhơn bất tri học , thí như ngưu

dương . Ô hô lão hĩ , tuế bất ngã diên .

珍珠是寶玉，文章做高官。識得千行字，自然禮義生。

Trân châu thị bảo ngọc , văn chương tổ cao quan . Thức đắc thiên hành tự , tự nhiên lễ nghĩa sanh .

夫子文章貴，提筆壓萬人。

Phù tử văn chương quý , đề bút áp vạn nhơn .

許人一物，千金不移。

Hứa nhơn nhất vật , thiên kim bất di .

遠處是親家，近處是冤家。

Viễn xứ thị thân gia , cận xứ thị oan gia .

三四五六人，七長八短漢。

Tam tứ ngũ lục nhơn , thất trường bát đoản hán .

馬有前悔，人有後悔。

Mã hữu tiền hối , nhơn hữu hậu hối .

愛好勤洗服，貪懶不梳頭。成人不自在，自在不成人。

Ái hảo cần tẩy phục , tham lười bất sơ đầu . Thành nhơn bất tự tại , tự tại bất thành nhơn .

大富由命，小富由勤。若還懶做，廩草生青。

Đại phú do mệnh , tiểu phú do cần . Nhược hoàn lại tổ , quyết thảo sanh thanh .

要行山下路，便問去來人。

Yếu hành san hạ lộ , tiện vấn khứ lai nhơn .

有麝自然香，何必當風立？

Hữu xạ tự nhiên hương , hà tất đương phong lập ?

有志莫來屋邊逞，放牛兒子叫大名。

Hữu chí mạc lai ốc biên sính , phóng ngưu nhi tử khiếu đại danh .

太平還是將軍定，太平不用舊將軍。

Thái bình hoàn thị tướng quân định , thái bình bất dụng cựu tướng quân .

酒逢知己千杯少，話不投機半句無（“無”疑為“多”之誤。）。

Tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiểu , thoại bất đầu ky bán cú vô (" vô " nghi vi " đa " chi ngộ .) .

人無千日好，花無百日紅。

Nhơn vô thiên nhật hảo , hoa vô bách nhật hồng .

撈魚摸蝦，餓殺渾家。

Lao ngư mặc hà , ngạ sát hồn gia .

有志無志，但看燒火掃地。

Hữu chí vô chí , đăn khán thiêu hỏa tảo địa .

男人飲酒，搖腳襪手；女人飲酒，無醜可醜。

Nam nhơn ẩm tửu , diêu cước bi thủ ; nữ nhơn ẩm tửu , vô xú khả xú .

禮義生富貴，賊盜出饑寒。

Lễ nghĩa sanh phú quý , tặc đạo xuất cơ hàn .

人是舊的好，衣是新的好。

Nhơn thị cựu đích hảo , y thị tân đích hảo .

人老話多，樹老根多。

Nhơn lão thoại đa , thụ lão căn đa .

酒不醉君子，棒不打好人。

Tửu bất túy quân tử , bồng bất đả hảo nhơn .

人心似鐵，官法如爐。

Nhơn tâm tự thiết , quan pháp như lô (lò).

君子一言，快馬一鞭。

Quân tử nhất ngôn , khoái mã nhất tiên .

君子爭坐位，小人爭臥處。

Quân tử tranh tọa vị , tiểu nhơn tranh ngọa xứ .

人有小大，口無尊卑。涼藥（涼藥：通“良藥”）苦口，直言勸人。

Nhơn hữu tiểu đại , khẩu vô tôn ti . Lương dục (lương dục : thông " lương dục ") khổ khẩu , trực ngôn khuyển nhơn .

何公無私？何水無魚？

Hà công vô tư ? Hà thủy vô ngư ?

古人貌醜，常出大賢；今人貌美，常出大奸。

Cổ nhơn mạo xú , thường xuất đại hiền ; kim nhơn mạo mỹ , thường xuất đại gian .

黃金滿屋，不如種田。

Hoàng kim mãn ốc , bất như chủng điền .

打鼓求得雨，高山也是田；禳（禳：祭禱消災。）星求得命，道士活千年。

Đả cổ cầu đắc vũ , cao san dã thị điền ; nhương (nhương: tế đảo tiêu tai) tinh cầu đắc mệnh , đạo sĩ hoạt thiên niên .

人有善念，天必從之。

Nhơn hữu thiện niệm , thiên tất tùng chi .

無物可配天地德，全憑早晚一炷香。

Vô vật khả phối thiên địa đức , toàn bằng tảo vãn nhất chú hương .

殺人償命，欠債還錢。

Sát nhơn thường mệnh , khiếm trái hoàn tiền .

富嫌千口少，貧恨一身多。

Phú hiềm thiên khẩu thiểu , bần hận nhất thân đa .

瞞人一似籃挑水，騙人一似网張風。

Man nhơn nhưt tự lam thiêu thủy , phiến nhơn nhưt tự võng trương phong .

不習一經，不知禮義。

Bất tập nhất kinh , bất tri lễ nghĩa .

好看千里客，萬里去傳名。

Hiếu khán thiên lý khách , vạn lý khứ truyền danh .

損錢易飽，浪用還饑。

Tổn tiền dị bão , lãng dụng hoàn cơ .

見人不唱喏，必定是蠢物。

Kiến nhơn bất xướng nhạ , tất định thị xuẩn vật .

身穿破衣裳，必是少錢糧。

Thân xuyên phá y thường , tất thị thiểu tiền lương .

好詩記得千百首，不會吟詩也會吟。

Hảo thi ký đắc thiên bách thủ , bất hội ngâm thi dã hội ngâm .

隨鄉入鄉，積麻入筐。

Tùy hương nhập hương , tích ma nhập khung .

做賊三年偷百家，禍至門庭不須嗟。

Tố tặc tam niên thâu bách gia , họa chí môn đình bất tu ta .

孔子曰：“百行之本，忍之為上。”子張曰

：“何為忍之？”夫子曰：“天子忍之國無害，諸侯忍之成其大，官吏忍之進其位，兄弟忍之家富貴，夫妻忍之終其世，朋友忍之終其好，自身忍之無禍患。”子張曰：“不忍何如？”夫子曰：“天子不忍國空虛，諸侯不忍喪其位，官吏不忍刑法誅，兄弟不忍各分居，夫妻不忍子孫稀，朋友不忍情義疏，自身不忍禍不除。”子張曰：“善哉！善哉！難忍！難忍！非人不忍，不忍非人。”

Khổng Tử viết : " Bách hạnh chi bản , nhẫn chi vi thượng . " Tử Trương viết : " Hà vi nhẫn chi ? " Phu Tử viết : " Thiên tử nhẫn chi quốc vô hại , chư hầu nhẫn chi thành kỳ đại , quan lại nhẫn chi tiến kỳ vị , huynh đệ nhẫn chi gia phú quý , phu thê nhẫn chi chung kỳ thế , bằng hữu nhẫn chi chung kỳ hảo , tự thân nhẫn chi vô họa hoạn . " Tử Trương viết : " Bất nhẫn hà như ? " Phu tử viết : " Thiên tử bất nhẫn quốc không hư , chư hầu bất nhẫn tang kỳ vị , quan lại bất nhẫn hình pháp tru , huynh đệ bất nhẫn các phân cư , phu thê bất nhẫn tử tôn hi , bằng hữu bất nhẫn tình nghĩa sơ , tự thân bất nhẫn họa bất trừ . " Tử Trương viết : " Thiệt tai ! Thiệt tai ! Nan nhẫn ! Nan nhẫn ! Phi nhơn bất nhẫn , bất nhẫn phi nhơn . "

為惡從流，從善如登。

Vi ác tùng lưu , tùng thiện như đăng .

五行百常，孝順為先。

Ngũ hạnh bách thường , hiếu thuận vi tiên .

惜子嬌孫難訓誨，說長道短不成人。

Tích tử kiều tôn nan huấn hối , thuyết trường đạo đoản bất thành nhơn .

生前不承有限之歡，死後空洒無情之淚。

Sanh tiền bất thừa hữu hạn chi hoan , tử hậu không sái vô tình chi lệ .

有因分析家產，而怨父母不均者；有聽信妻言，而謗父母不愛者；有放縱驕奢，而憎父母防閒(防閒：防備和禁阻)者；有飲酒嫖賭，而恨父母拘束者；有私其妻子，而吝父母衣食者；有厚於親朋，而薄父母用度者；有執定輪養，而致父母饑寒者；有子常出外，媳婦忤逆，而明知父母受氣者；有出外多年，忘歸定省，而不顧父母奉養者；有父在經營母勞井白，而夫妻貪逸，還說父母不是者；有父母患病，不請醫藥，而借言老病難治者；種種不堪，言之痛心。

Hữu nhân phân tích gia sản , nhi oán phụ mẫu bất quân giả ; hữu thính tín thê ngôn , nhi báng phụ mẫu bất ái giả ; hữu phóng túng kiều xa , nhi tăng phụ mẫu phòng (gian phòng gian : phòng bị hòa cảm trò) giả ; hữu ảm tửu phiêu đồ , nhi hận phụ mẫu câu thúc giả ; hữu tư kỳ thê tử , nhi lạn phụ mẫu y thực giả ; hữu hậu ư thân bằng , nhi bạc phụ mẫu dụng độ giả ; hữu chấp định luân dưỡng , nhi trí phụ mẫu cơ hàn giả ; hữu tử thường xuất ngoại , tức phụ ngỗ nghịch , nhi minh tri phụ mẫu thụ khí giả ; hữu xuất ngoại đa

niên , vong quy định tình , nhi bất cố phụ mẫu phụng dưỡng giả ;
hữu phụ tại kinh doanh mẫu lao tình cứu , nhi phụ thê tham dật ,
hoàn thuyết phụ mẫu bất thị giả ; hữu phụ mẫu hoạn bệnh , bất
thỉnh y dược , nhi tá ngôn lão bệnh nan trị giả ; chủng chủng bất
kham , ngôn chi thống tâm .

要之，人間真富貴，還是帝王家。

Yếu chi , nhơn gian chơn phú quý , hoàn thị đế vương gia .

《明心寶鑒》全文完

" Minh Tâm Bửu Giám " toàn văn hoàn

5 PHỤ KHẢO

ĐỒNG ÂM

chung 鐘, 盅

酒逢知己千鐘 (鐘, 通“盅”.) 少.

Từu phùng tri kỷ thiên chung (chung , thông " chung " .) thiểu .

lượng 涼, 良

涼藥 (涼藥 : 通“良藥”) 苦口, 直言勸人.

Lượng dược (lượng dược : thông " lượng dược ") khổ khẩu , trực ngôn khuyên nhơn .

ĐA ÂM

• 能行不能言, 無損其行.

能言不能行, 不如勿言.

Năng hành bất năng ngôn , vô tổn kỳ hạnh .

Năng ngôn bất năng hành , bất như vật ngôn .

• 《景行錄》云：“為人行善方便者，其後受惠。”

" Cảnh Hàng Lục " vân : " Vì nhơn hành thiện phương tiện giả , kỳ hậu thụ huệ . "

• 凡人不可貌相, 海水不可斗量.

若將恩報冤, 如湯去潑雪.

若將冤報冤, 如狼重見蝎.

Phàm nhơn bất khả mạo tướng , hải thủy bất khả đấu lượng .

Nhược tương ân báo oan , như thang khứ bát tuyết .

Nhược tương oan báo oan , như lang trọng kiến hạt .

• 善事雖好做, 無心近不得.

你若做好事, 別人分不得.

Thiện sự tuy hiếu tố , vô tâm cận bất đắc .

Nễ nhược tố hảo sự , biệt nhơn phân bất đắc .

• 好仁不好學, 其蔽也賊.

Hào nhơn bất hiếu học , kỳ tế dã tặc .

• 夫子曰：“夫人不言, 言必有中.”

Phu Tử viết : " Phũ nhơn bất ngôn , ngôn tất hữu trung . "

• 言不中理, 不如不言.

一言不中, 萬語無用.

Ngôn bất trúng lý , bất như bất ngôn .

Nhứt ngôn bất trung , vạn ngữ vô dụng .

TỪ THÔNG DỤNG

bệnh hoạn 病患

有錢常備無錢日, 安樂須防病患時,

Hữu tiền thường bị vô tiền nhứt , an lạc tu phòng bệnh hoạn thời .

cần học 勤學

貧若勤學, 可以立身。富而勤學, 名乃光榮。

Bần nhược cần học , khả dĩ lập thân . Phú nhi cần học , danh nãi quang vinh .

cần kiệm 勤儉

勤儉常豐, 至老不窮.

Cần kiệm thường phong , chí lão bất cùng.

克己以勤儉為先, 愛眾以謙和為首.

Khắc kỷ dĩ cần kiệm vi tiên , ái chúng dĩ khiêm hòa vi thủ .

讀書起家之本, 循理保家之本, 勤儉治家之本,

和順齊家之本.

Độc thư khởi gia chi bản , tuần lý bảo gia chi bản , cần kiệm trị gia chi bản , hòa thuận gia chi bản .

cơ hàn 饑寒

飽暖思淫欲, 饑寒起盜心.

Bảo noãn tư dâm dục , cơ hàn khởi đạo tâm .

富貴養親易, 親常有未安.

貧賤養兒難, 兒不受饑寒.

Phú quý dưỡng thân dị , thân thường hữu vị an .

Bản tiện dưỡng nhi nan , nhi bất thụ *cơ hàn* .

積谷帛者, 不憂饑寒.

積道德者, 不畏凶邪.

Tích cốc bạch giả , bất ưu cơ hàn ; tích đạo đức giả , bất úy hung tà .

dự phòng 預防

致治於未亂, 保邦於未危, 預防其患也.

Trí trị ư vị loạn , bảo bang ư vị nguy , *dự phòng* kỳ hoạn dã .

hạ tiện 下賤

貧窮不與下賤, 下賤而自生.

富貴不與驕奢, 驕奢而自至.

Bần cùng bất dĩ *hạ tiện* , *hạ tiện* nhi tự sanh .

Phú quý bất dĩ kiêu xa , kiêu xa nhi tự chí .

kết giao 結交

古人結交惟結心 ,

今人結交惟結面 .

Cổ nhơn kết giao duy kết tâm ,

Kim nhơn kết giao duy kết diện .

種樹莫種垂楊柳 ,

結交莫交輕薄兒 .

Chủng thụ , mạc chủng thụ dương liễu ,

Kết giao , mạc giao khinh bạc nhi .

kim ngọc 金玉

金玉者, 饑不可食, 寒不可衣.

自古以穀帛為貴也.

Kim ngọc giả , cơ bất khả thực , hàn bất khả y .

Tự cổ dĩ cốc bạch vi quý dã .

kinh khủng 驚恐

與惡人同行, 如刀劍中行,

雖不傷人, 時時驚恐.

Dữ ác nhơn đồng hành , như đao kiếm trung hàng ,

tuy bất thương nhơn , thời thời kinh khủng .

lao khổ 勞苦

若服一縷, 憶織女之勞.

若食一粒, 思農夫之苦.

Nhược phục nhứt lữ , ức chức nữ chi *lao* ;

Nhược thực nhứt lạp , tư nông phu chi *khổ* .

sầu muộn 愁悶

長思貧難危困, 自然不驕.

每思疾病熬煎, 並無愁悶.

Trường tư bần nan nguy khốn , tự nhiên bất kiêu .

Mỗi tư tật bệnh ngao tiên , tịnh vô *sầu muộn* .

song thân 雙親

勸君亟保雙親命.

Khuyến quân cực bảo *song thân* mệnh .

子孝雙親樂, 家和萬事成.

Tử hiếu *song thân* lạc , gia hòa vạn sự thành .

thanh bản 清貧

清貧常樂, 濁富多憂.

Thanh bản thường lạc , trọc phú đa ưu .

thị phi 是非

從交休說真言語, 異日無情道是非 .

Tùng giao hưu thuyết chơn ngôn ngữ , dị nhứt vô tình đạo *thị phi* .

責人之非, 不如行己之是.

Trách nhơn chi *phi* , bất như hành kỷ chi *thị* .

vô ý 無意

對病夫勿言某死, 對貧夫勿言己廉.

言雖無意, 聽者必厭.

Đối bệnh phu vật ngôn mỗ tử , đối tham phu vật ngôn kỷ liêm .

Ngôn tuy vô ý , thính giả tất yếm .

子絕四 : 無意 , 無必 , 無固 , 無我 .

Tử Tuyệt tứ : vô ý , vô tất , vô cố , vô ngã .

TƯƠNG TỰ

云, 曰

- 詩云 “子曰：卿牢事不出，籬牢火不入。”

Thi **vân** : " Tử **viết** : Khanh lao sự bất xuất, lỵ lao hỏa bất nhập."

- 孝經云 “子曰：孝子之事親也，居則致其敬，養則致其樂，病則致其憂，喪則致其哀，祭則致其嚴。”

Hiếu Kinh **vân** "Tử **viết** : Hiếu tử chi sự thân dã , cư tắc trí kỳ kính , dưỡng tắc trí kỳ lạc , bệnh tắc trí kỳ ưu , tang tắc trí kỳ ai , tế tắc trí kỳ nghiêm."

- 景行錄云：“為政之要，曰公與清。

成家之要，曰儉與勤。”

" Cảnh Hàng Lục " **vân** : " Vi chánh chi yếu , **viết** công dữ thanh . Thành gia chi yếu , **viết** kiệm dữ cần . "

如, 似

- 三點如星象，橫鉤似月斜

Tam điểm như tinh tượng , hoành câu tựa nguyệt tà .

誠, 恕

- 誠無悔，恕無怨。Thành vô hối , thứ vô oán .

守口, 防意

- 守口如瓶，防意如城。Thủ khẩu như bình , phòng ý như thành .

麤, 淡

- 麤茶淡飯飽即休。Thô trà đạm phạn bão tức hưu.

貪, 妬

- 三平二滿過即休，不貪不妬老即休。

Tam bình nhị mãn quá tức hưu , bất tham bất đố lão tức hưu .

無諍, 無爭

- 佛語在無諍，儒書貴無爭。

Phật ngữ tại vô tránh , nho thư quý vô tranh .

因, 恃

- 家若貧，不可因貧而廢學，家若富，不可恃富而怠學。

Gia nhược bần , bất khả nhân bần nhi phế học . Gia nhược phú , bất khả thị phú nhi đãi học .

坐, 馭

- 坐密室如通衢，馭寸心如六馬，可免過。

Tọa mật thất như thông cù , ngự thốn tâm như lục mã , khả miễn quá .

ĐỐI ĐẼI

君子, 小人

- 財者，君子之所輕。

死者，小人之所畏。

Tài giả , quân tử chi sở khinh .

Tử giả , tiểu nhân chi sở úy . "

- 君子喻於義，小人喻於利。

Quân tử dụ ư nghĩa , **tiểu nhân** dụ ư lợi . "

- 君子成人之美，不成人之惡。小人反是。

Quân tử thành nhơn chi mỹ , bất thành nhơn chi ác .

Tiểu nhân phản thị .

- 睚眦存心，小人之淺衷；一飯不忘，君子之厚德。

Nhai xài tồn tâm , **tiểu nhân** chi thiển trung ; nhứt phạn bất vong , **quân tử** chi hậu đức .

善, 惡

- 積善逢善，積惡逢惡。仔細思量，天地不錯。善有善報，惡有惡報。若還不報，時辰未到。

Tích thiện phùng thiện , tích ác phùng ác . Tử tế tư lương , thiên địa bất thác . Thiện hữu thiện báo , ác hữu ác báo . Nhược hoàn bất báo , thời thần vị đáo .

- 善惡到頭終有報，只爭來早與來遲。

Thiện ác đáo đầu chung hữu báo , chỉ tranh lai tảo dữ lai trì .

- 惡人罵善人，善人總不對。善人若還罵，彼此無智慧。不對心清涼，罵者口熱沸。

Ác nhơn mạ thiện nhơn , thiện nhơn tổng bất đối . Thiện nhơn nhược hoàn mạ , bỉ thử vô trí tuệ . Bất đối tâm thanh lương , mạ giả khẩu nhiệt phí .

上,下

- 上士無爭，下士好爭。

Thượng sĩ vô tranh , **hạ** sĩ hiếu tranh .

彼,此

- 此一時也,彼一時也.

Thử nhưt thời dã , **bỉ** nhưt thời dã .

滿,謙

- 滿招損,謙受益。 **Mãn** chiêu tổn , **khiêm** thụ ích .

柔弱,剛強

- 柔弱護身之本，剛強惹禍之由。

Nhu nhược hộ thân chi bản , **cương cường** nhạ họa chi do .

過去,未來

- 過去事明如鏡，未來事暗似漆。

Quá khứ sự minh như kính , vị lai sự ám tỵ tất .

- 未來休指望，過去莫思量。

Vị lai hưu chỉ vọng , **quá khứ** mạc tư lương .

- 欲知未來，先察已往。

Dục tri **vị lai** , tiên sát dĩ vãng .

寸心,萬法

- 寸心不昧，萬法皆明。

Thốn tâm bất muội , vạn pháp giai minh .

悔,怨

- 誠無悔,怨無怨,和無仇,忍無辱.

Thành vô **hối** , thứ vô **oán** , hòa vô cừu , nhẫn vô nhục . "

樂,憂

- 懼法朝朝樂，欺公日日憂。

Cụ pháp triều triều **lạc** , khi công nhật nhật **ưu** .

小心,大膽

- 小心天下去得，大膽寸步難移。

Tiểu tâm thiên hạ khứ đắc , **đại đảm** thốn bộ nan di .

禍,福

- 禍不可以免，福不可再求。

Họa bất khả dĩ miễn , phúc bất khả tái cầu.

- 量大福亦大，機深禍亦深。

Lượng đại , **phúc** diệc đại , cơ thâm , **họa** diệc thâm .

- 天有不測風雲，人有旦夕禍福。

Thiên hữu bất trắc phong vân , nhơn hữu đán tịch họa phúc

心,面

- 心不負人，面無慚色。

Tâm bất phụ nhơn , **diện** vô tàm sắc .

小,大

- 得忍且忍，得戒且戒。不忍不戒，小事成大。

Đắc nhẫn thả nhẫn , đắc giới thả giới . Bất nhẫn bất giới , **tiểu** sự thành **đại** .

- 小勇者，血氣之怒也。大勇者，禮義之怒也。

Tiểu dũng giả , huyết khí chi nộ dã . **Đại** dũng giả , lễ nghĩa chi nộ dã .

寶,殃

- 忍是心之寶，不忍身之殃。

Nhẫn thị tâm chi **bảo** , bất nhẫn thân chi **ương** .

貴,賤

- 薄施厚望者不報，貴而忘賤者不久。

Bạc thi hậu vọng giả bất báo , **quý** nhi vong **tiện** giả bất cửu .

天,地

- 不登峻嶺，不知天高。不履深淵，豈知地厚？

Bất đăng tuấn lĩnh , bất tri **thiên cao** . Bất lý thâm uyên , khởi tri **địa hậu** .

富,貧

- 痴聾瘖症家豪富，智慧聰明卻受貧。

Si lung âm á gia hào phú , trí tuệ thông minh khước thụ bần .

盛衰

- 物極則反，樂極則憂。大合必離，勢盛必衰。

Vật cực tắc phản , lạc cực tắc ưu . Đại hiệp tất ly , thế **thịnh** tất **suy** .

[tác **則** = thì; tất **必** = ắt]

愛惡

父母愛之，喜而不忘。父母惡之，懼而無怨。

Phụ mẫu ái chi , hỉ nhi bất vong . Phụ mẫu ó chi , cụ nhi vô oán .

近遠

• 人無遠慮，必有近憂。

Nhơn vô viễn lự , tất hữu cận ưu .

遲速

• 陰法遲而不漏，陽憲速而有逃。

Âm pháp trì nhi bất lậu , dương hiến tốc nhi hữu đào.

難易

• 刀瘡易好，惡語難消。

Đao sang dị hảo , ác ngữ nan tiêu .

• 創業艱難，守者不易。

Sáng nghiệp gian nan , thủ giả bất dị .

• 入山擒虎易，開口告人難。

Nhập san cầm hổ dị , khai khẩu cáo nhơn nan .

• 陽網密而易漏，陰網疏而難逃。

Dương võng mật nhi dị lậu , âm võng sơ nhi nan đào.

近遠

凶險之人，敬而遠之。

賢德之人，親而近之。

Hung hiểm chi nhơn , kính nhi viễn chi .

Hiền đức chi nhơn , thân nhi cận chi

精粗

女無明鏡，不知面上精粗；

士無良友，不知行步虧踰。

Nữ vô minh kính , bất tri diện thượng tinh thô ;

Sĩ vô lương hữu , bất tri hành bộ khuy du .

THAM KHẢO

- 明心寶鑑 Minh Tâm Bửu Giám . Dương Mạnh Huy dịch . Saigon: Tín Đức Thư Xã. 1952.
- 連載: 明心寶鑑
作者: [明] 范立本 輯
譯者: 李朝全
出版社: 華藝出版 2007.
- 明心寶鑑李朝全譯 華藝出版 2007.
- 明心寶鑑(珍藏本)李朝全作 華藝出版 2007.
- 明心寶鑑釋義 Minh Tâm Bửu Giám Thích Nghĩa Bản khắc in 同慶三年 Đông Khánh thứ 3 [1888]. Thư Viện Việt Nam, ký số R.1626.
- 明心寶鑑精華. 黎文鄧輯[未成].
- 新刻前賢切要明心寶鑑. Tân khắc Tiền Hiền Thiết Yếu Minh Tâm Bửu Giám <http://book.sina.com.cn> (2007) .
- 合編: 易學探原, 易學入門. 黎凱旋. 黃氏觀蝶藏樓. 台北丁巳年.
- 易學五書. 王震著.
- 大學證釋. 寸心印經處. Taiwan 1926 .
- 新譯四書讀本. 謝冰瑩等編譯. 三民書局印行. Taiwan. 1926 .
- 論語. 中英文對照本. Taiwan 1982 .
- 四書章句集注. 錦鏞中華.
<http://www.chinapage.com/big5/classic/4b01.htm>
- 千字文釋義. 周興嗣撰. 汪嘯尹等纂輯. 中國書店出版. 北京 1991
- 千字文. 周興嗣撰. 呂鳳岐書. Francis W. Paar Ed. New York 1963.
- 千字文. 黎文鄧繙註. 海邊印行 2000
- 抑齋集. 福溪原本 (1868). 黎文鄧繙註. 海邊印行 [卷一, 七] 1999-2008.
- 詩集傳 University of Virginia Library Electronic Text Center. <http://etext.lib.virginia.edu/chinese/shijing/AnoShih.html>
- 老子道德經 . BALLANTINE BOOKS. NEW YORK. 1989.
- 老子道德經. 浩然嚴纘譯註. 開智書局出版. 1973.
- 道德經. 老子著. 徐澍劉浩注譯. 江南文化書院黃山分院編. 安徽省出版. 1990.
- 道德經. LAO TSU TAO TE CHING. GIA-FU FENG & JANE ENGLISH. WILDWOOD HOUSE LTD. LONDON. 1973 .
- 道德經. TAO TE CHING. MAN-HO KWOK, MARTIN PALMER, JAY RAMSAY & KWOK-LAP CHAN. BARNES & NOBLE BOOKS. NEW YORK. 1994 .
- LÃO TỬ. NGÔ TÁT-TÓ, NGUYỄN ĐỨC-THỊNH. KHAI-TRÍ. Saigon. 1959.
- Le livre de la Voie et de la Vertue. J.-J.-L. Duyvandak, Prof. à l'Université de Leyde. Maisonneuve Paris. 1975.
- LÃO TỬ ĐẠO ĐỨC KINH. NGUYỄN HIẾN LÊ. NXB VĂN HÓA. Saigon. 1995.
- 家嚴口訓. 黎文鄧輯[未成]
- 弟子規. 李毓秀所作. 黎文鄧譯. 越學印行. 2004.
- 增廣賢文(古訓). 黎文鄧譯. 海邊印行 2004.
- 孔子家語王. 肅注. 錦鏞中華.
- 顏氏家訓. 顏之推 [531-590] 所著. 錦鏞中華.
- 孝經. 曾子輯. 錦鏞中華.
- 滕王閣序全文. 王勃作. 黎文鄧繙註. 海邊 2000

- 孔子刊定周易本義。 Nguyễn Duy Trinh dịch. BVHGD, Trung Tâm Học Liệu XB. Saigon 1968.
- Quốc-Văn CHU-DỊCH. Diễn-giải. Phan Bội Châu soạn. Huỳnh Thúc Kháng giới thiệu. Xuân Thu XB. California.
- 通類課程。 士載張永記. Miscellanées 1-13. SAIGON MAY1888-MAY1889 .
- 事類通考。 士載張永記. Miscellanées 14-18. SAIGON JUIN-OCTOBRE1889 .
- 孔門七十二賢。 “孔子家語·七十二弟子解”
baike.baidu.com/view/2307.htm
- Dị Dạng Tự Điển. Bộ Giáo Dục Đà Loan.
http://140.111.1.40/suoa/suoa.htm
- 三國演義〔明〕羅貫中1330 – 1400年
http://sokamonline.com/indexPage/3King.cfm
- 漢越字典。 韶帝. 燭慧. Hanoi 1942
- 康熙字典。 同文書局原版. 中華書局香港分局 1958
- 辭海. Taiwan 1972
- 辭源。 陸爾奎作主編. 商務印書館香港分館. 1980.
- 《漢越詞典》 陶維英. 明新. Paris 1951.
- 漢越汪釋 Hán Việt Chú Thích. Frank Phạm.
http://www.petrus-tvk.com/ChuThich.html
- Tự Điển Hán Việt Thiệu Chửu. Đặng Thế Kiệt
http://www.viethoc.org/hannom/tdtc_intro.php
- Bàn Gổ Hán Nôm. Trần Uyên Thi, Alexandre Lê.
http://www.viethoc.org/hannom/bango_intro.php
- A Dictionary of Chinese Buddhist Terms. William Edward Soothill & Lewis Hodous. Paragon Book. New york 1970.
- 改造命運心想事成. 了凡四訓講記. 淨空法師講述. 華藏淨空學會印贈. 和裕出版社.
- 了凡四訓. 新電影版.

- The Unicode Consortium: <http://www.unicode.org/>
- China the Beautiful. <http://www.chinapage.com/>